

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHỮ HÁN
CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số: T23-20

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thu Hiền

HÀ NỘI, 5/2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHỮ HÁN
CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số: T23-20

Xác nhận của
Trường Đại học Mỏ - Địa chất
(ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ tên)

TS. Trần Thị Thu Hiền

HÀ NỘI, 5/2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao
1	Trần Thị Thu Hiền (Chủ nhiệm đề tài)	Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Khoa học cơ bản, Đại học Mỏ - Địa chất	Tổng quan nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy chữ Hán trong và ngoài nước. Phân tích so sánh tài liệu, đề xuất các phương pháp giảng dạy. Viết và đăng bài báo khoa học. Viết báo cáo tổng kết đề tài.
2	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Khoa học cơ bản, Đại học Mỏ - Địa chất	Tham gia phân tích và so sánh số liệu thu được. Tham gia viết bài báo khoa học, báo cáo tổng kết đề tài.
3	Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Ngoại ngữ Trường Cao đẳng Quốc tế	Nghiên cứu tổng quan. Tham gia phân tích và so sánh số liệu thu được. Tham gia viết bài báo khoa học, báo cáo tổng kết đề tài.
4	Đỗ Hữu Hoàng Bách	Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc- Đại học Công Nghệ và Quản lý Hữu Nghị	Tham gia phân tích và so sánh số liệu thu được. Tham gia viết bài báo khoa học, báo cáo tổng kết đề tài.

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH VẼ	7
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH DẠY VÀ HỌC CHỮ HÁN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	8
1. Tổng quan tình hình dạy và học tiếng Trung tại các trường đại học ở Việt Nam và nước ngoài.	8
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	10
3. Mục tiêu nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu.....	11
4. Khách thể nghiên cứu	12
5. Nội dung nghiên cứu	12
6. Bối cảnh nghiên cứu	12
7. Phương pháp nghiên cứu và cách thức thu thập dữ liệu.....	12
8. Đóng góp của đề tài	13
CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT.....	14
1. Nguồn gốc của chữ Hán	14
1.1. Lịch sử phát triển của chữ Hán	14
1.2. Lý thuyết về Lục thư.....	16
1.3. Lý thuyết về cấu trúc chữ Hán.....	18
2. Phương pháp giảng dạy chữ Hán	19
2.1. Phương pháp dạy chữ Hán theo quy tắc bút thuận.....	19
2.2. Phương pháp dạy chữ Hán theo kiểu truyền thống.....	20
2.3. Phương pháp dạy chữ Hán theo bộ thủ (hay còn gọi là bộ kiện)	21
2.4. Phương pháp qua liên tưởng hình ảnh, đồ vật	22
2.5. Phương pháp phân tích ngữ nghĩa.....	22
2.6. Phương pháp sử dụng trò chơi.....	23
2.7. Phương pháp giảng dạy chữ Hán đa phương tiện	24
2.8. Phương pháp lặp lại thực hành.....	24
2.9. Phương pháp học qua bối cảnh văn hóa.....	25
2.10. Phương pháp dạy chữ Hán theo chiết tự.....	26
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHỮ HÁN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	28
1. Phân tích kết quả khảo sát	28
1.1. Phân tích trên phương diện người dạy	28

1.2. Phân tích trên phương diện người học	32
2. Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất 40	
2.1. Phương pháp dạy theo quy tắc bút thuận	40
2.2. Phương pháp dạy viết theo bộ thủ kết hợp với phân tích chữ	40
2.3. Phương pháp chiết tự	42
2.4. Phương pháp thuyết giảng quy loại hiện tượng dễ bị nhầm	42
2.5. Phương pháp lặp lại thực hành	44
2.6. Sử dụng phương pháp tổng hợp	44
3. Kết quả đạt được.....	45
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	46
TÀI LIỆU THAM KHẢO	49
PHỤ LỤC	51
Phụ lục 1: Phiếu khảo sát dành cho giảng viên	51
Phụ lục 2: Phiếu khảo sát dành cho sinh viên	53
Phụ lục 3: Sản phẩm khoa học của đề tài	55
Bài báo đăng trên tạp chí trong nước	55
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN.....	64
Phụ lục 4: Thuyết minh đề tài.....	69

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: So sánh điểm giống và khác nhau giữa 02 giáo trình	29
Bảng 2 : So sánh điểm ưu và nhược điểm của 02 giáo trình.....	30
Bảng 3: Cảm nhận của sinh viên đối với học chữ Hán	32
Bảng 4: Bạn cảm thấy kỹ năng nào trong tiếng Trung khó học nhất	33
Bảng 5: Phương pháp tự ghi nhớ chữ Hán của sinh viên K66, K67 Trường Đại học Mỏ - Địa chất	33
Bảng 6: Phương pháp ghi nhớ chữ Hán thông qua dạy học của giáo viên	34
Bảng 7: Khảo sát về phương pháp giảng dạy chữ Hán mà sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất cho rằng đạt hiệu quả nhất	35
Bảng 8: Khảo sát những trở ngại khi học chữ Hán	36
Bảng 9: Khảo sát những lỗi khi viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất	37
Bảng 10: Lỗi sai từ các nét cấu tạo nên chữ Hán	38
Bảng 11: Lỗi sai thay đổi bộ phận.....	39
Bảng 12: Lỗi sai chữ Hán do đồng âm	40
Bảng 13: Cách phân tích bộ trong chữ Hán	41
Bảng 14: Cách phân tích theo chiết tự.....	42
Bảng 15 : Thuyết giảng các hiện tượng cận hình	44
Bảng 16: Bảng thống kê kết quả điều tra chất lượng viết chữ Hán của sinh viên K66, K67 trước và sau khi áp dụng phương pháp giảng dạy ghi nhớ chữ Hán	45

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Kiểu chữ Hán được hình thành qua các thời kỳ (Nguồn: Image.baidu.com) .	16
Hình 2: Cách phân tích bộ trong chữ Hán.....	42
Hình 3: Hình ảnh và biến đổi hình thể của chữ Hán (nguồn Baidu.com).....	45

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH DẠY VÀ HỌC CHỮ HÁN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1. Tổng quan tình hình dạy và học tiếng Trung tại các trường đại học ở Việt Nam và nước ngoài.

Tiếng Trung ở Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau như tiếng Hán, tiếng Hoa. Tuy nhiên, kể từ khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập và tiếng Trung hiện đại được sử dụng ở Việt Nam với tư cách là một ngoại ngữ, thì nó được gọi bằng cái tên chung là “tiếng Trung” (hay “tiếng Trung Quốc”) và được sử dụng làm tên gọi chính thức, với tư cách một môn học ngoại ngữ. Sự thống nhất cách gọi này đến mức ngay cả bộ sách giáo khoa phổ thông hiện nay cũng được thống nhất gọi là “tiếng Trung Quốc”. Sau đây nhóm tác giả gọi chung là tiếng Trung.

Do nhu cầu sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc tăng cao nên những tư liệu chuyên khảo, công trình nghiên cứu về chữ Hán cũng ngày càng nhiều hơn. Trong đó, có đề cập một số nghiên cứu nổi bật như: Phạm Ngọc Hàm, *Chữ Hán chữ và nghĩa*, tài liệu chuyên khảo này đề cập chữ Hán với văn hoá xã hội, nghề nghiệp, tín ngưỡng, khoa học kỹ thuật... Nội dung nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề ngôn ngữ văn hoá, góp phần khẳng định thêm đặc trưng biểu ý và nội hàm văn hoá của chữ Hán, đồng thời ứng dụng linh hoạt vào giảng dạy chữ Hán. [1] Về đề tài giảng dạy chữ Hán có luận văn nghiên cứu của Đỗ Phương Thảo *Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên dân tộc thiểu số - Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hà Giang (越南河江省少数民族高中生汉字教学研究)*, 2011. Luận văn đưa ra các thành quả nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên dân tộc thiểu số tại Trung Quốc và Việt Nam. tìm ra đặc trưng của các lỗi sai thường gặp khi viết chữ Hán của sinh viên và đề ra các biện pháp khắc phục và nêu lên một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh Hà Giang [2]. Luận văn thạc sĩ của Bùi Thị Trang *Phân tích lỗi sai trong quá trình dạy và học chữ Hán ở Việt Nam giai đoạn sơ cấp (越南初级阶段汉字教与学偏误分析)*, ĐH Ngoại ngữ ĐHQG HN, 2013 nêu lên tầm quan trọng của việc giảng dạy chữ Hán kết hợp với yếu tố văn hoá, thiết kế nội dung và kỹ năng giảng dạy chữ Hán trước, trong và sau giờ học để cải thiện khả năng nhận biết chữ Hán và khắc phục lỗi sai của người học [3]. Lê Xuân Thảo với đề tài *"Nghiên cứu về thực trạng giảng dạy chữ Hán tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013*. Bài viết này đề xuất một số biện pháp về phương pháp dạy - học và tổ chức dạy - học viết chữ Hán nhằm nâng cao chất lượng viết chữ Hán của sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN [4].

Trong những năm gần đây nghiên cứu phương pháp giảng dạy có thêm những tư liệu mới như Bùi Huy Cường với bài nghiên cứu *Đặc điểm chữ Hán và phương pháp dạy học chữ Hán giai đoạn cơ sở*, 2016, nội dung nghiên cứu là phân tích đặc điểm của

chữ Hán, đồng thời tổng kết một số phương pháp dạy học chữ Hán dành cho giai đoạn Hán ngữ cơ sở để nâng cao kỹ năng viết chữ Hán của người học [5]. Hoàng Thị Thu Thủy, *Cách dạy và học chữ Hán của người Việt xưa dưới góc nhìn của phương pháp giảng dạy hiện đại*, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, 2019. Bài viết nghiên cứu nêu ra hiệu quả của cách dạy-học của người Việt xưa, hướng phân tích theo góc độ giảng dạy hiện đại để nhấn mạnh vấn đề nhắc lại cái cũ để hiểu biết hơn cái mới, giữ và học điều hay của người xưa, bỏ qua những nội dung cứng nhắc, sáo rỗng nhằm tiến đến việc gìn giữ một nền văn hóa chữ Hán của Việt Nam [6].

Điềm qua những công trình nghiên cứu về chữ Hán và phương pháp giảng dạy chữ Hán ở trên có thể thấy các nghiên cứu có mức độ và góc độ khác nhau, tuy nhiên nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán vẫn chưa được khai thác một cách kỹ càng, phong phú. Thực sự vẫn còn ít nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán. Có thể thấy, không gian nghiên cứu trong lĩnh vực này rất rộng lớn.

Còn phương pháp giảng dạy chữ Hán ở nước ngoài thì sao? Tính đến năm 2019, các nghiên cứu về thực trạng viết sai chữ Hán và phương pháp học tập chữ Hán của sinh viên Việt Nam trong kho dữ liệu Zhiwang (中国知网 (CNKI. <https://cnki.net/>)) có một số các nghiên cứu tiêu biểu như: “Phân tích lỗi sai khi viết chữ Hán của lưu sinh viên Việt Nam” của Vương Tiểu Nam năm 2009 (王笑楠. 《越南留学生汉字书写偏误分析》2009 年), bài nghiên cứu thông qua việc thu thập các dữ liệu viết chữ Hán của sinh viên Việt Nam tiến hành phân tích, quy loại và tổng kết quy luật các lỗi sai, chỉ ra việc sinh viên Việt Nam chịu ảnh hưởng âm đọc của chữ Hán nhiều hơn là hình dạng của chữ, gây ra các lỗi sai liên quan đến âm đọc của chữ [7]. Bài “Phân tích thực trạng viết chữ Hán của lưu sinh viên Việt Nam” của Ngô Thị Oanh tại trường Đại học Tây Bắc (Trung Quốc) (吴氏莺, 《各阶段的越南留学生汉字书写分析》, 2011 年) [8]. Bài luận văn này của tác giả thực hiện thu thập dữ liệu viết chữ Hán của sinh viên Việt Nam học ở các trường đại học tại thành phố Tây An, thành phố Vũ Hán của Trung Quốc. Sau đó tiến hành phân tích và tổng hợp các lỗi sai, rút ra các nguyên nhân viết sai của sinh viên. Ngoài ra còn có một số các nghiên cứu khác như “Phương pháp học tập chữ Hán của sinh viên Việt Nam, vấn đề viết sai chữ Hán của sinh viên và kiến nghị về phương pháp giảng dạy – lấy khoa Ngữ văn Trung Quốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh làm ví dụ” của Trương Gia Quyền, Trần Thị Thu Hằng năm 2017 (张家权, 阮氏秋姮 《越南学生学习汉字的方法, 学生书写汉字的偏误问题及汉字教学建议-以胡志明市国家大学中国语系为例》 海外华文教育, 2017 年) . “Phương pháp nhận thức khi học chữ Hán của sinh viên Việt Nam – lấy trường phái giảng dạy nhận biết và viết chữ Hán làm ví dụ” [9], “trường phái giảng dạy tập trung vào nhận biết chữ Hán nhiều hơn tập viết” của Lục Quán Châu, Thi Trọng Hiền, Hoàng Vận Linh, Giản Uyển Như, tuyển tập tóm tắt luận văn hội thảo nghiên cứu quốc tế giáo dục chữ Hán và

chữ Hán, năm 2017 lần thứ 7 “陆冠州,施忠贤,黄韵玲,简婉茹,越南学生学习汉字的认知策略.以识写分流教学为例” 第七届汉字 与汉字教育国际研讨会论文摘要集, 2017 年[10].

Như vậy có thể thấy các nghiên cứu của các tác giả đề cập ở trên chủ yếu phân tích các nguyên nhân viết sai chữ Hán của sinh viên trong từng giai đoạn học tập, đặc biệt là giai đoạn sơ cấp với các lỗi sai như: viết nhầm nét bút, nhầm các bộ thủ, viết nhầm chữ, để từ đó đề xuất các chiến lược giảng dạy phù hợp trong giai đoạn giảng dạy tiếng Trung sơ cấp.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Tiếng Trung là một trong những ngôn ngữ lâu đời nhất trên thế giới. Hiện nay, nhiều nước đã dần mở rộng việc dạy tiếng Trung ở cấp tiểu học, trung học hoặc cao đẳng, đại học như châu Á, châu Âu, Mỹ, Úc... Do đó những năm gần đây, các nhà nghiên cứu rất quan tâm chú ý đến nghiên cứu về giảng dạy tiếng Trung, trong đó họ đã đưa ra nhiều ý kiến và đề xuất các phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp để giúp người học học chữ Hán một cách hiệu quả.

Ở Việt Nam nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán là vấn đề quan trọng trong giảng dạy tiếng Trung kết hợp với các phương diện như phát âm, ngữ pháp, từ vựng và ngữ dụng học. Việc giảng dạy chữ Hán dựa trên đặc điểm của chữ Hán, thực chất là dạy phát âm, hình thái, ý nghĩa của chữ Hán. Với tiếng Việt thì có chữ biểu âm, còn chữ Hán là chữ biểu ý. Tuy nhiên, việc dạy học chữ Hán cũng quan trọng như phát âm, ngữ pháp, từ vựng nhưng lại ít được quan tâm hơn. Khó khăn chính của sinh viên Việt Nam khi học chữ Hán nằm ở việc nắm vững hình thái chữ Hán. Thực tế, sinh viên Việt Nam có thể giao tiếp bằng tiếng Trung nhưng khả năng đọc viết và sử dụng chữ Hán còn rất hạn chế. Điều này đã phản ánh những khó khăn và bất cập trong phương pháp dạy và học chữ Hán ở Việt Nam hiện nay.

Dựa trên kết quả nghiên cứu của các học giả trước đây, kết hợp với việc điều tra, phân tích, khảo sát từ người dạy và người học để tìm hiểu những khó khăn mà sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất gặp phải trong quá trình học chữ Hán. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các phương pháp giảng dạy chữ Hán hiệu quả với mục tiêu cuối cùng là giúp sinh viên có khả năng nhớ được chữ Hán, hiểu được ý nghĩa của chữ Hán, đọc thành thạo chữ Hán, viết chữ Hán chuẩn, nhanh và đẹp, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc học tiếng Trung sâu hơn ở những bậc cao hơn sau này.

Bên cạnh đó, sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất đa phần là sinh viên khối ngành kỹ thuật như: Cơ điện, Dầu khí và Năng lượng, Mỏ, Khoa học và Kỹ thuật Địa chất, Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai, Kỹ thuật Môi trường, Công nghệ thông tin vv... nên không chú trọng nhiều về việc học ngôn ngữ. Hòa nhập chung với xu thế phát triển của xã hội, Nhà trường cũng đã đưa môn học tiếng Trung vào nội dung giảng dạy cho sinh viên. Đây là học phần tự chọn và sinh viên lựa chọn học phần này phần lớn tập trung ở sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế.

Để việc học tiếng Trung đạt hiệu quả và đúng phương pháp thì việc dạy chữ Hán trong giai đoạn nhập môn là việc phải quan tâm chú trọng hàng đầu. Theo tìm hiểu của nhóm tác giả, lý do sinh viên lựa chọn môn học này đa phần là muốn cải thiện điểm, thi miễn chuẩn đầu ra, đặc biệt là muốn thử một ngôn ngữ mới để phục vụ cho công việc sau này. Vì mục tiêu và nhận thức khác nhau nên kết quả học tập của sinh viên có sự chênh lệch nhất định về trình độ.

Qua khảo sát và trao đổi trực tiếp từ các giáo viên chuyên giảng dạy tiếng Trung khối không chuyên ở các trường cao đẳng, đại học khác trong địa bàn Hà Nội, có nhiều phương pháp giảng dạy chữ Hán được áp dụng trong việc giảng dạy chữ Hán nhất là ở giai đoạn cơ sở, trong đó mỗi phương pháp đều có những ưu và nhược điểm riêng. Ngoài ra, với kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy tiếng Trung Quốc, đặc biệt trong việc làm thế nào để dạy chữ Hán một cách hiệu quả, nhóm tác giả đã phần nào nhận ra sự khó khăn về mặt giảng dạy chữ Hán, nhất là cho sinh viên không chuyên. Nhóm tác giả đang cố gắng để tìm ra các phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Từ đó giúp sinh viên không chỉ nhớ lâu chữ Hán mà còn truyền cảm hứng cho việc học tiếng Trung cao hơn sau này và đặt nền tảng dẫn dắt giảng viên tìm ra phương pháp giảng dạy mới hiệu quả hơn.

Xuất phát từ thực tế trên, nhóm tác giả đã chọn đề tài “*Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất*” nhằm phân tích một số phương pháp giảng dạy chữ Hán đã và đang được nhiều giảng viên dạy tiếng Trung áp dụng. Trên cơ sở phân tích đó, nhóm tác giả đề xuất các phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Những kết quả nghiên cứu của đề tài ở khía cạnh nào đó sẽ giúp cho việc giảng dạy tiếng Trung tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất đạt hiệu quả cao hơn.

3. Mục tiêu nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu, tìm hiểu những khó khăn về vấn đề học nhớ chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, từ đó tiến hành phân tích các lỗi sinh viên thường hay mắc phải trong giai đoạn sơ cấp.

- Đề xuất một số phương pháp giảng dạy để nâng cao khả năng viết và ghi nhớ chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất nói riêng và người học chữ Hán nói chung.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là dành cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất với đặc thù là sinh viên khối kỹ thuật, khối không chuyên ngữ.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất.

4. Khách thể nghiên cứu

- Đề tài tiếp cận theo 03 nhóm chính:

+ Nhóm thứ 1: gồm 08 giảng viên đang tiến hành giảng dạy môn tiếng Trung tại các trường đại học, cao đẳng không chuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội;

+ Nhóm thứ 2: gồm 124 sinh viên thuộc khóa K66, K67 đang theo học tự chọn môn tiếng Trung 1 và tiếng Trung 2 tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

+ Nhóm thứ 3: giáo trình Hán ngữ 1 (quyển Thượng) - Dương Kỳ Châu chủ biên, do nhà Xuất bản Ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản năm 1999.

5. Nội dung nghiên cứu

Nội dung 1: Thống kê các lỗi viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Nội dung 2: Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp, hiệu quả cho sinh viên học tiếng Trung khối không chuyên tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

6. Bối cảnh nghiên cứu

Môn tiếng Trung trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay được chia thành hai học phần là môn tiếng Trung 1 và môn tiếng Trung 2. Các học phần này thuộc học phần tự chọn A, trong đó mỗi học phần tiếng Trung được thiết kế là 03 tín chỉ.

7. Phương pháp nghiên cứu và cách thức thu thập dữ liệu

Để đạt được kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp phân tích và tổng hợp; Phương pháp so sánh và đối chiếu; Phương pháp khảo sát và thống kê.

Việc thu thập tài liệu được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Thu thập tài liệu và tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến phương pháp dạy và học chữ Hán, tìm ra những phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp. Phiếu khảo sát được phân làm 02 loại như sau:

- Phiếu khảo sát số 1 dùng để lấy ý kiến của 8 giảng viên đang giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường cao đẳng, đại học thuộc khối không chuyên, hình thức khảo sát thông qua trực tuyến. Phiếu khảo sát gồm 17 câu hỏi trắc nghiệm có nội dung xoay quanh việc tìm hiểu các phương pháp giảng dạy chữ Hán và những kinh nghiệm thực tế của giáo viên trong giai đoạn dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp;

- Phiếu khảo sát số 2 dùng để lấy ý kiến của 124 sinh viên K66, K67 Trường Đại học Mỏ - Địa chất đang theo học môn tự chọn tiếng Trung 1, tiếng Trung 2, hình thức khảo sát thông qua trực tiếp. Phiếu khảo sát gồm 20 câu hỏi trong đó có 19 câu hỏi trắc nghiệm có nội dung xoay quanh những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình học chữ Hán và 01 câu hỏi viết chữ Hán theo phiên âm cho sẵn.

Bước 2: Tiến hành tổng hợp, thống kê, phân tích những khó khăn của giảng viên và sinh viên gặp phải trong quá trình dạy và học chữ Hán, đặc biệt phân tích các lỗi viết

chữ Hán của sinh viên, để từ đó đưa ra các phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp, hiệu quả cho sinh viên học tiếng Trung không chuyên tại Trường Đại học Mở - Địa chất.

8. Đóng góp của đề tài

Nghiên cứu này đưa ra các phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp để giúp giảng viên, sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất để đạt được hiệu quả tối ưu trong việc dạy và học chữ Hán. Nghiên cứu này có giá trị tham khảo nhất định về phương pháp giảng dạy chữ Hán, đặc biệt là giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn cơ sở cho khối không chuyên ngữ. Đây có thể là tài liệu tham khảo góp phần giúp xây dựng chiến lược đào tạo tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Mở - Địa chất.

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Chữ Hán ban đầu là hệ thống văn tự biểu ý, sau đó phát triển thành hệ thống kết hợp biểu ý và biểu âm. Quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán gắn liền với đời sống, phản ánh cách nhận thức thế giới khách quan của người xưa. Trong việc dạy tiếng Trung thì việc dạy chữ Hán chiếm một phần rất quan trọng vì nó là đặc trưng cốt lõi của ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Ngoài ra, chữ Hán đã có ảnh hưởng sâu rộng đến các nước lân cận như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử.

Với đặc thù của chữ Hán là loại chữ tượng hình nên quá trình học chữ Hán luôn là một thách thức lớn đối với sinh viên ở giai đoạn sơ cấp. Sinh viên thường gặp khó khăn trong việc nhận biết và ghi nhớ hình dạng phức tạp của chữ Hán. Điều này đòi hỏi giảng viên phải có phương pháp dạy hiệu quả để giúp sinh viên làm quen và ghi nhớ các bộ thủ, nét chữ một cách tốt nhất. Ngoài ra, do sự khác biệt về văn hóa và cách suy nghĩ giữa Việt Nam và Trung Quốc, sinh viên cũng có thể gặp khó khăn trong việc hiểu và vận dụng các kiến thức về chữ Hán. Vì vậy, giảng viên cần giải thích rõ ràng các bối cảnh văn hóa liên quan đến chữ Hán để hỗ trợ sinh viên.

Vậy để hiểu rõ hơn về chữ Hán, nhóm tác giả đã nêu ra những khái niệm cơ bản về đặc điểm, nguồn gốc và các phương pháp giảng dạy chữ Hán như sau:

1. Nguồn gốc của chữ Hán

1.1. Lịch sử phát triển của chữ Hán

Chữ Hán đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và hoàn thiện khác nhau, dẫn đến hình thành nhiều thể chữ hay kiểu chữ khác nhau[11]. Dưới đây là một số giai đoạn quan trọng trong lịch sử phát triển của chữ Hán:

Chữ Giáp cốt (甲骨字)/ Giáp cốt văn (甲骨文): Đây là loại chữ được khắc trên mai rùa và xương thú, xuất hiện vào thời Ân-Thương (cách đây hơn 3000 năm). Hiện có hơn 5000 hình vẽ trên các hiện vật khảo cổ được cho là chữ Giáp cốt, trong đó có hơn 2000 chữ đã được giải mã. Chữ hình thanh chiếm khoảng 27% trong số này, cho thấy chữ Giáp cốt đã là hệ thống văn tự nguyên thủy tương đối hoàn chỉnh.

Chữ Kim văn (金文): Loại chữ này được khắc trên đồ kim khí, chủ yếu là trên các chuông (钟) và vạc (鼎). Chữ Kim văn ra đời vào cuối thời nhà Thương và thịnh hành trong thời Tây Chu (thế kỷ thứ XI trước công nguyên đến năm 771 trước công nguyên). Chữ Kim văn phát triển, hoàn thiện hơn chữ Giáp cốt về hệ thống ký hiệu và tính quy chuẩn. Loại chữ này được coi là một dạng phát triển quan trọng của chữ viết Trung Quốc cổ đại, góp phần quan trọng vào sự hình thành của chữ Hán hiện đại.

Chữ Tiểu triện (小篆): Chữ Tiểu triện, còn gọi là chữ Tần triện, được sử dụng từ thời Tần Thủy Hoàng sau khi thống nhất Trung Quốc (năm 221 trước công nguyên). Chữ Tiểu triện tiếp tục được sử dụng đến thời Tây Hán (năm 206 trước công nguyên đến năm 08 sau công nguyên).

Chữ Lệ thư (隶书): Là kiểu chữ được giản tiện hóa từ chữ Triện thư (chữ viết trên gỗ hoặc bằng cọ trong thời kỳ cổ đại), trở nên gần gũi với chữ viết Trung Quốc hiện đại. Chữ Lệ thư được đơn giản hóa và trừu tượng hóa từ chữ Tảo thư (một loại chữ viết phổ biến vào khoảng thế kỷ thứ 3-4 trước Công nguyên). Sự ra đời của chữ Lệ thư đánh dấu sự chuyển từ hình tượng sang ý niệm trừu tượng trong chữ viết Trung Quốc. Giai đoạn Tần Lệ (khoảng 221-206 trước Công nguyên) chịu ảnh hưởng của chữ Tảo thư, nhưng chưa được quy chuẩn hoàn toàn. Đến giai đoạn Hán Lệ (khoảng 25-220 sau Công nguyên), chữ Lệ thư đã đạt được tính quy chuẩn cao hơn. Chữ Lệ thư đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của chữ Hán, đại diện cho sự chuyển đổi từ chữ viết hình tượng sang chữ viết trừu tượng hơn, gần gũi với chữ Hán hiện đại. Loại chữ này cũng là cơ sở cho nhiều loại chữ viết sau này như chữ Khải thư và chữ Hành thư.

Chữ Khải thư (楷书): được cải biên từ chữ Lệ thư, xuất hiện vào thời nhà Hán và phổ biến từ khoảng thế kỷ thứ III sau công nguyên. Khải thư là kiểu chữ có kết cấu chặt chẽ, nét bút rõ ràng, đơn giản dễ viết, là thể chữ chuẩn mực, được sử dụng rộng rãi cho đến ngày nay.

Chữ Thảo thư (草书): Là kiểu chữ viết tự do và phóng khoáng, được viết theo kiểu "tốc ký" (viết nhanh). Mặc dù viết theo lối tự do, nhưng chữ Thảo thư vẫn tuân theo một số quy ước chung để đảm bảo tính dễ đọc. Đặc điểm của chữ Thảo thư là các nét bút liền mạch, lưu loát, thể hiện sự khỏe khoắn và sinh động trong cách viết. Chữ Thảo thư được sử dụng chủ yếu trong các bản thảo hoặc văn bản nháp, cho phép người viết ghi chép ý tưởng một cách nhanh chóng và tự do. Tuy nhiên, do tính chất phóng khoáng, chữ Thảo thư không phù hợp cho việc sao chép văn bản chính thức.

Chữ Hành thư (行书): Đây là kiểu chữ viết thân thuộc, nằm giữa chữ Khải và chữ Thảo. So với chữ Khải, chữ Hành thư viết tự do hơn, nhưng không quá phóng khoáng như chữ Thảo. Các nét bút trong chữ Hành thư được viết liên tục và mềm mại hơn, tạo cảm giác chảy nhẵn và uyển chuyển. Chữ Hành thư thích hợp cho việc sao chép văn bản, ghi chép hoặc viết thư từ. Nó vẫn đảm bảo tính rõ ràng và dễ đọc, nhưng mang một phong cách viết tự nhiên và thanh thoát hơn so với chữ Khải.

Chữ giản thể (简体字): Đây là hệ thống chữ viết đã được đơn giản hóa từ chữ truyền thống phức tạp nhằm tăng tỷ lệ biết đọc biết viết. Ý tưởng giản thể chữ Hán manh nha từ thời Dân Quốc nhưng mãi đến sau năm 1949, Trung Quốc đại lục mới thực sự thúc đẩy phong trào này. Nguyên tắc giản thể bao gồm loại bỏ nét phức tạp, thay thế bằng phần tử đơn giản hơn nhưng vẫn giữ bộ phận then chốt để nhận ra nguồn gốc. Quy trình giản thể diễn ra từ năm 1956 với danh sách 515 chữ đầu tiên, đến năm 1986 có danh sách cuối cùng 7.000 chữ giản thể chính thức. So với chữ phồn thể, chữ giản thể ít nét hơn, dễ viết, dễ nhớ nhưng vẫn giữ được ý nghĩa gốc, trở nên phổ biến tại Trung Quốc đại lục và góp phần nâng cao tỷ lệ biết đọc biết viết. [20]

Quá trình phát triển chữ Hán đã phản ánh sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa

Trung Hoa, góp phần làm cho chữ Hán trở nên linh hoạt và giàu có.

Hình 1 là ví dụ về cách viết của 4 chữ 鱼(ngư) theo 8 kiểu chữ khác nhau. Theo cột dọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới lần lượt là các kiểu chữ:



Hình 1: Kiểu chữ Hán được hình thành qua các thời kỳ (Nguồn: Image.baidu.com)

Giáp cốt văn (甲骨文), Kim văn (金文), Tiểu triện (小篆), Lệ thư (隶书), Khải thư (楷书), Thảo thư (草书), Hành thư (行书), Giản thể (简体字)

1.2. Lý thuyết về Lục thư

Chữ Hán là một hệ thống ký hiệu ngôn ngữ của tiếng Trung, được sáng tạo từ xa xưa dựa trên việc quan sát đồ vật xung quanh và vẽ lại thành những chữ mang ý nghĩa. Mỗi chữ Hán đều có mối liên hệ giữa ba yếu tố: âm đọc, hình dạng (mặt chữ) và ý nghĩa. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa ba yếu tố này không hoàn toàn đồng đẳng. Trong đó mối liên hệ mặt chữ - ý nghĩa khá ổn định. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, mối liên hệ giữa hình dạng mặt chữ và ý nghĩa của chữ Hán tương đối bền vững, ít biến đổi. Ngược lại, mối liên hệ giữa âm đọc và ý nghĩa của chữ Hán thường xuyên biến đổi theo thời gian và không bền vững. Theo lý thuyết Lục Thư (六书) có thể chia chữ Hán làm 6 nhóm đó là: chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh, chữ chuyển chú, chữ giả tá[12].

Chữ tượng hình (象形字): Đây là phương thức tạo chữ dựa trên việc sử dụng hình ảnh của đồ vật để biểu thị ý nghĩa của chữ. Ví dụ: chữ “山” (núi), “羊” (dê), “耳” (tai). Điều này gợi ý phương pháp sử dụng hình ảnh, đồ họa sinh động để minh họa, giúp sinh viên dễ ghi nhớ các chữ Hán ban đầu.

Chữ chỉ sự (指事字): Chữ này sử dụng các ký hiệu mang tính biểu trưng hoặc ước lệ để biểu thị ý nghĩa. Ví dụ: chữ “上” (trên), “中” (giữa), “下” (dưới). Vì vậy, giảng viên cần chú trọng phương pháp so sánh, liên hệ với các ví dụ cụ thể để sinh viên dễ liên tưởng, hiểu được ý nghĩa của các chữ trừu tượng

Chữ hội ý (会意字): Đây là cách dùng hai hoặc nhiều bộ thủ để tạo ra một chữ mới, kết hợp ý nghĩa của các thành phần đó. Ví dụ: chữ “打” (đánh), “闷” (ảm uất), “宿” (trú

lại, đồ lại). Điều này gợi ý phương pháp khuyến khích sinh viên suy luận, phân tích cấu trúc chữ để hiểu nghĩa của chữ phức tạp hơn.

Chữ hình thanh (形声字): Chữ này tạo ra bằng cách phối hợp giữa hai bộ phận: bộ phận biểu ý (hình bàng) biểu thị ý nghĩa của chữ và bộ phận biểu âm (thanh bàng) biểu thị âm đọc của chữ. Chữ hình thanh chiếm khoảng 90% trong hệ thống chữ Hán. Ví dụ: chữ “清” (sạch), “芽” (mầm), “圆” (tròn). Giảng viên có thể lồng ghép cả hai yếu tố này trong quá trình giảng dạy để giúp sinh viên ghi nhớ chữ một cách tổng thể.

Chữ chuyển chú 转注: Loại chữ này được hình thành theo phương pháp kết hợp các chữ có cùng bộ thủ, thanh âm gần giống nhau và ý nghĩa tương tự nhau để bổ sung hoặc giải thích cho nhau. Ví dụ, chữ “Khảo” (考) và chữ “Lão” (老) có thanh âm gần giống nhau. Điều này có nghĩa là khi chúng ta gặp chữ “Khảo” (考), chúng ta có thể liên tưởng đến chữ “Lão” (老) và ngược lại, nhờ vào sự tương đồng về bộ thủ, thanh âm. Đây là một trong những cách giúp người học dễ dàng nhớ và hiểu các chữ Hán phức tạp hơn. Từ đây có thể thấy tính linh hoạt của chữ Hán trong việc mở rộng nghĩa giảng viên sử dụng phương pháp phân tích ngữ cảnh, so sánh nghĩa gốc và nghĩa mới để sinh viên nhận thức được sự phong phú về ngữ nghĩa của chữ Hán.

Chữ giả tá 假: Giả tá tức là vay mượn, chữ giả tá theo như Hứa Thận định nghĩa “vốn không có chữ, nhờ thanh mà gọi sự”. Giả tá được sử dụng bằng cách khi có từ mới xuất hiện đã có âm đọc nhưng chưa có chữ viết, thay vì tạo ra một chữ mới để thể hiện ý nghĩa của nó, người ta sẽ mượn một từ đồng âm có sẵn để biểu đạt. Ví dụ: 打 “dǎ” nghĩa động từ là “đánh”, người ta mượn chữ để biểu đạt giới từ có nghĩa là “bắt đầu từ...” chỉ sự khởi điểm về thời gian, không gian. Sau này mượn thêm để chỉ “tá” (số lượng 12 cái, hoặc chỉ một bày, một đám). Điều này minh chứng cho việc vay mượn âm để diễn đạt các khái niệm mới trong tiếng Trung. Phương pháp dạy học liên quan có thể giúp sinh viên nhận biết và phân loại các từ thuộc loại giả tượng này.

Ngoài ra, chữ Hán vừa có thuộc tính biểu âm (âm đọc) lại vừa có thuộc tính biểu ý (ý nghĩa). Điều này khác biệt lớn nhất giữa chữ Hán và chữ phiên âm Latinh. Dù có nhiều phương ngữ khác nhau ở Trung Quốc, cùng một chữ Hán ở các phương ngữ khác nhau vẫn giữ nguyên ý nghĩa cơ bản. Chữ Hán có thể trực tiếp biểu ý thông qua hình ảnh hoặc phân tích hình ảnh, cũng có cách thức lấy ngữ âm làm trung gian biểu ý.

Khi sinh viên hiểu rõ về đặc điểm kết hợp hình-âm-nghĩa, cách phân loại và sự khác biệt với chữ viết phiên âm, sinh viên sẽ nắm vững được bản chất của chữ Hán ngay từ giai đoạn sơ cấp, tạo nền tảng vững chắc cho việc học tập sau này.

Các nguyên lý của Lục Thư phản ánh môi trường sống, tư duy của người Hán cổ đại khi sáng tạo chữ viết. Do đó, giảng viên có thể kết hợp giảng dạy chữ Hán với những kiến thức về văn hóa, lịch sử Trung Quốc để sinh viên nhận thức rõ hơn. Lý thuyết Lục Thư thể hiện sự phân hóa giữa hình vị và âm đọc của chữ Hán. Phương pháp dạy học nên chú trọng cả hai khía cạnh này, tránh đơn thuần chỉ dạy hình vị hoặc âm đọc. Lục

Thư là kim chỉ nam cho sự phát triển của chữ Hán. Giảng viên cần nhấn mạnh tầm quan trọng của lý thuyết này, khuyến khích sinh viên tìm hiểu và vận dụng Lục Thư để nghiên cứu sâu hơn về chữ Hán sau này.

Tóm lại, các luận điểm của Lục Thư mang tính cốt lõi, nền tảng cho việc xây dựng các phương pháp dạy học chữ Hán sinh động, khoa học, hiệu quả, nhằm giúp sinh viên đại học giai đoạn sơ cấp có thể tiếp thu, làm chủ hệ thống chữ viết phức tạp này một cách vững chắc.

1.3. Lý thuyết về cấu trúc chữ Hán

Theo Tô Bội Thành trong cuốn “Nghiên cứu chữ Hán” đã chỉ ra rằng người học đầu tiên cần nhận thức chữ Hán, đây chính là việc quan sát tổng thể chữ Hán, là bước quan trọng đầu tiên để người học làm quen với hình dáng, cấu trúc bên ngoài của chữ Hán. Việc quan sát, nhận biết toàn bộ hình dáng chữ sẽ tạo nền tảng ban đầu để sinh viên có thể bước vào phân tích sâu hơn về cấu tạo chữ Hán[13].

Sau khi nhận biết được hình dáng tổng thể, người học cần được hướng dẫn cách phân tích cụ thể các thành phần cấu tạo nên chữ: xác định các bộ phận tạo nên chữ Hán, tìm hiểu ý nghĩa ban đầu của các bộ phận này. Sau đó tiến hành phân tích cách ghép từng bộ phận để tạo nên ý nghĩa chữ. Với việc giải tích chi tiết sẽ giúp sinh viên hiểu rõ bản chất cấu tạo, nguồn gốc hình thành để dễ ghi nhớ hơn.

Tiếp đến là việc lý giải chữ Hán và tổng hợp nắm vững ý nghĩa của chữ Hán. Với hiểu biết sâu về cấu tạo, sinh viên sẽ kết nối các thành phần để nắm vững hoàn toàn ý nghĩa của chữ Hán. Qua việc lý giải và tổng hợp chi tiết, sinh viên sẽ nắm chắc ý nghĩa đầy đủ của chữ, tránh nhầm lẫn và sử dụng sai.

Cuối cùng là thực hành với chữ Hán và vận dụng thực tế. Để ghi nhớ lâu bền chữ đã học, sinh viên cần thực hành vận dụng viết, đọc, sử dụng chữ trong nhiều tình huống khác nhau. Việc được vận dụng thực tế sẽ giúp sinh viên ghi nhớ chữ vững vàng hơn, sử dụng chữ đúng cách và phát triển vốn từ vựng.

Tóm lại, với 4 bước Nhận thức - Phân tích - Lý giải - Thực hành ở trên thì đây là phương pháp lý tưởng có hệ thống cho việc giảng dạy chữ Hán tại các trường đại học.

Trong giai đoạn sơ cấp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên đại học, việc xây dựng nền tảng vững chắc về cấu trúc và nguồn gốc hình thành chữ là vô cùng quan trọng. Vì vậy, giảng viên cần kết hợp lý thuyết Lục Thư truyền thống với lý thuyết hiện đại của Tô Bội Thành về cấu trúc chữ Hán để giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện, dễ dàng tiếp thu và áp dụng các kiến thức vào thực tế.

2. Đặc điểm cấu thành Chữ Hán

Tiếng Trung Quốc là một loại ngôn ngữ có âm tiết đơn lập – về cơ bản mỗi chữ Hán biểu thị một âm tiết hoặc nói ngược lại là mỗi âm tiết được ghi bằng một chữ Hán. Về mặt ngữ nghĩa, trong tiếng Trung Quốc cổ đại thì mỗi chữ Hán cơ bản tương ứng với một từ, do sự phát triển của ngôn ngữ, nay nay mỗi chữ Hán có thể là một từ hoặc có thể là một ngữ tố cấu tạo từ. Khi mới hình thành, mỗi chữ Hán có một âm đọc, một ý nghĩa riêng biệt.

2.1 Tự hình (Hình dạng chữ Hán)

Về hình dạng, chữ Hán đã trải qua nhiều hình dạng chữ: từ chữ giáp cốt khắc trên mai rùa, xương thú đến kim văn đúc trên các vật liệu bằng đồng rồi phát triển thành triện thư, lệ thư và khải thư. Chữ Hán hiện hành là chữ Hán khải thư, loại chữ này xuất hiện từ cuối thời nhà Hán (khoảng thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên) và được sử dụng một cách chính thống đến nay. Là thể loại chữ có khoảng thời gian sử dụng lâu nhất, phạm vi sử dụng rộng rãi nhất so với các thể loại chữ Hán khác, nhưng bản thân chữ Khải cũng có nhiều biến đổi, gây khó khăn cho người học, sử dụng chữ Hán.

2.2 Tự âm (âm đọc của chữ Hán)

Về âm đọc, Trung Quốc là một nước có diện tích lớn, dân số đông, tiếng địa phương phong phú, do vậy xét trên góc độ lịch sử, mỗi một giai đoạn chữ Hán lại có âm đọc khác nhau; xét về góc độ địa lý thì tại cùng một thời điểm mỗi địa phương cũng có thể có những âm đọc khác nhau đối với từng chữ Hán cụ thể. Âm đọc tiếng phổ thông Trung Quốc hiện đại lấy phương ngữ phương Bắc làm chuẩn, nhưng ngay cả trong một phương ngữ này cũng có thể có những biến đổi khác nhau khi đọc chữ Hán.

2.3 Tự nghĩa (ý nghĩa của chữ Hán)

Về ý nghĩa của chữ, trong tiếng Trung Quốc cổ đại, các từ đơn âm tiết chiếm đa số, mỗi từ tương đương với một âm tiết và được thể hiện bằng một chữ Hán. Tiếng Trung Quốc hiện đại có xu hướng đa âm tiết hóa các từ. Trong từ vựng tiếng Trung Quốc hiện đại thì từ đơn âm tiết chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với từ đa âm tiết. Ngoài ra, với sự xuất hiện ngày càng nhiều các khái niệm mới, số lượng chữ Hán vốn có không đủ để thể hiện các khái niệm mới này, do đó một số chữ Hán lại phái sinh thêm những nét nghĩa mới. Ví dụ chữ “我” (wǒ) trong tiếng Trung Quốc cổ đại biểu thị một loại nông cụ, nhưng sau này được dùng để biểu thị đại từ nhân xưng, hoặc chữ “金” (jīn) trong tiếng Trung Quốc cổ đại biểu thị kim loại nói chung, nhưng trong tiếng Trung Quốc hiện đại cơ bản chỉ biểu thị một loại kim loại quý hiếm: vàng. Có thể nói ý nghĩa của mỗi chữ Hán cũng có những biến đổi nhất định theo thời gian. Những sự biến đổi này diễn ra theo ba chiều hướng: Mở rộng nét nghĩa; thu hẹp nét nghĩa và chuyển đổi nét nghĩa. Trong ba chiều hướng này thì mở rộng nét nghĩa chiếm xu thế chủ đạo.

Cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại, ngôn ngữ không ngừng thay đổi. Cũng như sự biến đổi của ngôn ngữ nói chung, các thành tố Hình, Âm, Nghĩa cấu thành chữ Hán không phải là những thứ bất biến, tùy từng chữ, tùy từng giai đoạn lịch sử mà chúng có những biến đổi nhất định. Trong cùng một thời điểm thì cả ba thành tố này cũng có thể có sự khác biệt.

Chữ Hán là một hệ thống chữ viết độc đáo và phức tạp với nhiều đặc điểm về cấu trúc hình thức, ngữ nghĩa, âm thanh. Hiểu rõ những đặc điểm này giúp chúng ta nắm vững hơn về vai trò và ý nghĩa của chữ Hán trong ngôn ngữ và văn hóa Đông Á, đồng thời cũng giúp ích trong việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ này.

2. Phương pháp giảng dạy chữ Hán

2.1. Phương pháp dạy chữ Hán theo quy tắc bút thuận

Quy tắc bút thuận chính là thứ tự viết các nét trước, sau của một chữ Hán. Theo tác giả Mã Hiên Lâm trong cuốn “*Hán tự học hiện đại*” của nhà xuất bản Tê Nam, 2013 trang 53-91 đã đề cập đến phương pháp dạy theo quy tắc bút thuận và dạy chữ Hán theo quy tắc truyền thống. 马显彬 《现代汉字学》. 暨南大学出版社, 2013: 53-91. Quy tắc bút thuận thường được gắn liền với hệ thống ngôn ngữ chữ tượng hình như: tiếng Trung, tiếng Nhật... Quy tắc bút thuận chữ Hán được sử dụng phổ biến từ thời cổ đại. Quy tắc này được hình thành qua các thời kỳ cùng với các thể chữ và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ thư pháp. [14]

Quy tắc bút thuận cơ bản gồm có: Trên trước dưới sau, trái trước phải sau, ngang trước sổ sau, phẩy trước móc sau, trong trước ngoài sau, vào trước đóng sau, giữa trước hai bên sau.

Cách thực hiện:

- Giảng viên giới thiệu các chữ Hán mới, hướng dẫn cách viết, theo từng nét.
- Yêu cầu sinh viên viết lại các chữ Hán và thuật lại các nét chữ Hán đó, giảng viên xuống kiểm tra tại chỗ

- Giao bài tập viết chữ theo nét tại nhà hoặc tô ngay trên lớp

Ưu điểm và nhược điểm của quy tắc bút thuận

Ưu điểm: Tạo ra quán tính và phản xạ vô điều kiện khi viết, rút ngắn được thời gian viết và giúp nhớ mặt chữ lâu hơn.

Nhược điểm: Hệ thống chữ Hán là tượng hình, ngôn ngữ Việt Nam là hệ chữ Latinh, khó khăn cho việc học và viết chữ Hán, nếu chỉ nhớ theo từng nét theo kiểu bị động thì không thể nhớ được chữ Hán

2.2. Phương pháp dạy chữ Hán theo kiểu truyền thống

Phương pháp dạy chữ Hán theo kiểu truyền thống cho sinh viên đại học ở giai đoạn sơ cấp chính là tập trung vào việc ghi nhớ cấu tạo và viết lại nhiều lần các ký tự [14].

Ưu điểm và nhược điểm:

Ưu điểm:

- Giúp người học tập trung vào kỹ năng ghi nhớ cấu tạo và hình dáng của các ký tự Hán.

- Phát triển kỹ năng viết: Việc viết lại nhiều lần giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết chữ Hán, từ đó tăng cường khả năng giao tiếp bằng văn bản.

- Dễ thực hiện: Phương pháp này dễ dàng triển khai trong các buổi học truyền thống mà không cần nhiều trang thiết bị hay tài nguyên phức tạp.

Nhược điểm:

- Thiếu sáng tạo và tính linh hoạt: Phương pháp này tập trung quá nhiều vào việc ghi nhớ và lặp lại, thiếu tính sáng tạo và tính linh hoạt trong quá trình học.

- Nhàm chán: Việc lặp đi lặp lại có thể làm cho quá trình học trở nên nhàm chán và mất hứng thú đối với sinh viên.

- Không khuyến khích hiểu biết sâu rộng: Phương pháp này tập trung chủ yếu vào việc nhớ và viết, không đặt nặng vào việc hiểu biết về ngữ pháp, từ vựng và cách sử dụng trong ngữ cảnh thực tế.

Phương pháp truyền thống trong giảng dạy chữ Hán có những ưu và nhược điểm riêng. Việc áp dụng phương pháp này cần cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo rằng nó phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của lớp học.

2.3. Phương pháp dạy chữ Hán theo bộ thủ (hay còn gọi là bộ kiện)

Phương pháp dạy học chữ Hán theo bộ thủ là một phương pháp giảng dạy tập trung vào các thành phần cơ bản của chữ Hán, được gọi là bộ thủ. Bộ thủ là các thành phần cơ bản, thường xuất hiện trong các chữ Hán và có vai trò quan trọng trong việc cấu tạo và hiểu nghĩa của chữ. Về phương pháp này thì tác giả Ngô Lô Xuân, Tôn Nhã Nam đã có bài “*Gợi ý phương pháp lý luận giảng dạy chữ Hán*” đăng trên tạp chí Học viện Nghệ Phong, năm 2010. 吴卢春, 孙亚楠 “*原型理论对汉字教学的启示*”[J].赤峰学院学报, 2010[15]. Có 214 bộ thủ trong hệ thống chữ Hán truyền thống, mỗi bộ thủ có thể mang ý nghĩa riêng và thường liên quan đến ý nghĩa của chữ Hán chứa nó. Việc hiểu và nắm vững bộ thủ giúp người học dễ dàng đoán nghĩa và phát âm của chữ Hán.

Phương pháp này bao gồm việc giới thiệu và giải thích từng bộ thủ, sau đó học các chữ Hán đơn giản chứa bộ thủ đó. Người học sẽ tiếp tục ghép các bộ thủ lại để tạo thành các chữ Hán phức tạp hơn. Quy trình dạy học theo bộ thủ bao gồm việc giới thiệu và giải thích bộ thủ, học các chữ Hán cơ bản chứa bộ thủ, ghép bộ thủ để tạo thành chữ mới, và thực hành viết và sử dụng chữ Hán trong ngữ cảnh thực tế.

Ưu điểm:

Giúp người học hiểu sâu về cấu trúc và ý nghĩa của từng thành phần trong chữ Hán, tạo nền tảng vững chắc cho việc học các chữ Hán phức tạp hơn. Khi hiểu ý nghĩa của bộ thủ, người học có thể dễ dàng đoán nghĩa và phát âm của nhiều chữ Hán khác nhau, tăng cường khả năng nhận diện và ghi nhớ chữ Hán. Ngoài ra, việc luyện tập viết bộ thủ giúp người học nắm vững các quy tắc viết và thứ tự nét, cải thiện kỹ năng viết và trình bày chữ Hán.

Nhược điểm:

Học và nhớ 214 bộ thủ có thể là một thách thức lớn đối với người mới bắt đầu, đòi hỏi sự kiên nhẫn và thời gian đầu tư lớn từ người học. Việc học từng bộ thủ riêng lẻ có thể trở nên khô khan và thiếu thú vị, vì vậy cần kết hợp các phương pháp giảng dạy khác để duy trì sự hứng thú của người học. Ngoài ra, một số người học có thể cảm thấy phương pháp này quá chậm và muốn tiếp cận chữ Hán theo cách nhanh hơn, trực quan hơn.

Phương pháp dạy học theo bộ thủ có nhiều ưu điểm trong việc giúp người học hiểu sâu và ghi nhớ chữ Hán, nhưng cũng cần điều chỉnh và kết hợp với các phương pháp khác để phù hợp với nhu cầu và phong cách học của từng cá nhân. Kết hợp phương pháp dạy học theo bộ thủ với các phương pháp khác như học qua hình ảnh, câu chuyện

hoặc công nghệ có thể tăng cường hiệu quả học tập và làm cho việc học bộ thủ trở nên thú vị và dễ tiếp cận hơn đối với người học.

2.4. Phương pháp qua liên tưởng hình ảnh, đồ vật

Đây là một phương pháp dạy chữ Hán rất hiệu quả cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung Quốc. Trong bài viết của Trần Thúy Bảo nói về “Tác dụng của việc giảng dạy chữ Hán bằng phương pháp gợi nhớ qua đồ vật, thẻ, tranh vẽ” của nhà xuất bản Tế Nam xuất bản năm 2010. 陈翠宝. 图画启发外国学生在汉字学习过程中的原型配对作用[D].暨南大学, 2010. Phương pháp này liên kết chữ Hán với các hình ảnh gợi nhớ giúp sinh viên dễ dàng nhớ cấu tạo và ý nghĩa của chữ [16].

Cách thực hiện như sau:

- Giảng viên trình chiếu hoặc giơ lên hình ảnh của một chữ Hán bất kỳ
- Chỉ ra các bộ phận cấu tạo nên chữ đó (bộ chữ, phần tượng hình,...)
- Liên tưởng các bộ phận này với những hình ảnh quen thuộc, sinh động.
- Kết hợp các hình ảnh đó thành một câu chuyện liên quan đến ý nghĩa của chữ Hán.

Ưu điểm:

- Giúp sinh viên dễ dàng nhớ cấu tạo và ý nghĩa của chữ Hán.
- Phát huy trí tưởng tượng, tư duy sáng tạo của sinh viên.
- Tạo không khí thư giãn, vui vẻ trong lớp học.
- Phù hợp với sinh viên sơ cấp vì chưa có nhiều kiến thức nền.

Nhược điểm:

- Khó áp dụng cho chữ Hán phức tạp.
- Phải dành nhiều thời gian chuẩn bị ví dụ, hình ảnh minh họa.
- Không phù hợp với sinh viên trung cấp hoặc cao cấp.
- Một số sinh viên có thể bị phân tâm bởi các hình ảnh minh họa.

Phương pháp liên tưởng hình ảnh rất hiệu quả giúp sinh viên sơ cấp ghi nhớ chữ Hán. Tuy nhiên, cần kết hợp với các phương pháp khác để đạt hiệu quả tối đa trong dạy và học chữ Hán.

2.5. Phương pháp phân tích ngữ nghĩa

Phương pháp phân tích ngữ nghĩa là phương pháp dạy chữ Hán bằng cách giải thích nguồn gốc, cấu tạo và ý nghĩa gốc của chữ Hán cho sinh viên. Trong bài viết của Chi An Nhiên xuất bản năm 2012 của nhà xuất bản Đại học Cát Lâm đã đề cập đến việc “Ứng dụng “ Lục Thư” vào phương pháp giảng dạy chữ Hán” để phân tích ngữ nghĩa. 迟安然.“六书”理论在对外汉字教学中的应用 [D].吉林大学, 2012[16].

Cách thực hiện:

- Giới thiệu nguồn gốc và lịch sử hình thành của chữ Hán.
- Phân tích cấu tạo của chữ Hán gồm bộ chữ và phần tượng hình.
- Giải thích ý nghĩa ban đầu của bộ chữ và phần tượng hình.
- Đưa ra ví dụ về cách kết hợp bộ chữ và phần tượng hình để tạo nên ý nghĩa của chữ.

Ưu điểm:

- Giúp sinh viên hiểu sâu và rõ ràng về nguồn gốc, cấu tạo và ý nghĩa của chữ Hán.
- Phát triển tư duy phân tích và khả năng tìm hiểu logic trong chữ Hán.
- Tạo nền tảng vững chắc cho việc học chữ Hán ở các cấp độ sau.
- Phù hợp với sinh viên có năng lực phân tích và suy luận tốt.

Nhược điểm:

- Có thể gây khó khăn cho sinh viên thiếu khả năng phân tích và tư duy trừu tượng.
- Đòi hỏi giảng viên phải có kiến thức sâu rộng về nguồn gốc và lịch sử chữ Hán.
- Không phù hợp với sinh viên sơ cấp quá mới bắt đầu học chữ Hán.
- Có thể gây nhàm chán nếu áp dụng quá nhiều với chữ Hán đơn giản.

Phương pháp phân tích ngữ nghĩa là phương pháp hiệu quả giúp sinh viên hiểu sâu về chữ Hán. Tuy nhiên, nên kết hợp với các phương pháp khác để phù hợp với đối tượng sinh viên và mức độ khó của chữ Hán.

2.6. Phương pháp sử dụng trò chơi

Đây là một phương pháp giảng dạy chữ Hán rất hiệu quả và thú vị, đặc biệt phù hợp với sinh viên sơ cấp. Phương pháp này kết hợp học tập với các trò chơi nhằm tạo môi trường học tập sinh động, lôi cuốn sinh viên. Với phương pháp này tác giả Lý Phồn trong bài viết về “*Phương pháp dạy chữ Hán sử dụng trò chơi - với đối tượng mới bắt đầu học chữ Hán thuộc hệ Phi chữ Hán*”, nhà xuất bản Ngoại ngữ Đại học Thượng Hải, 2010. 李攀. 支架汉字教学模式——针对非汉字圈的汉语初学者[D]. 上海外国语大学, 2010[17].

Cách thực hiện:

- Giảng viên chuẩn bị các trò chơi phù hợp với bài học chữ Hán như: đoán chữ, ghép chữ, tìm chữ trong hình ảnh, vẽ chữ trên không khí,...
- Chia lớp thành nhiều nhóm và tổ chức các trò chơi với luật lệ rõ ràng.
- Sinh viên tham gia trò chơi nhằm ghi nhớ cấu tạo, cách viết và ý nghĩa của các chữ Hán.
- Giảng viên khen ngợi, động viên sinh viên sau mỗi trò chơi.

Ưu điểm:

- Tạo không khí thư giãn, vui vẻ giúp sinh viên hứng thú hơn với bài học.
- Khơi gợi sự tò mò, sáng tạo và cạnh tranh lành mạnh trong học tập.
- Giúp sinh viên dễ dàng ghi nhớ khi kết hợp học tập với trò chơi.
- Phát huy tính tích cực, sự hợp tác của sinh viên trong nhóm.
- Phù hợp với khả năng tập trung ngắn của sinh viên sơ cấp.

Nhược điểm:

- Đòi hỏi giảng viên phải chuẩn bị kỹ lưỡng các trò chơi phù hợp.
- Dễ gây ra tính cạnh tranh quá mức nếu không kiểm soát tốt.
- Khó áp dụng với các chữ Hán phức tạp hoặc nội dung bài học khó.
- Có thể gây mất tập trung nếu chơi quá nhiều mà không hướng dẫn tốt.
- Không phù hợp với sinh viên lớn tuổi, kỷ luật nghiêm ngặt.

Phương pháp trò chơi học tập là phương pháp hiệu quả giúp sinh viên sơ cấp học chữ Hán một cách thú vị, sinh động. Tuy nhiên, cần kết hợp đan xen với các phương pháp giảng dạy truyền thống để đạt hiệu quả tối ưu.

2.7. Phương pháp giảng dạy chữ Hán đa phương tiện

Phương pháp đa phương tiện là phương pháp giảng dạy chữ Hán sử dụng kết hợp nhiều công cụ, phương tiện khác nhau như máy chiếu, video, âm thanh, hình ảnh động,... nhằm tạo bầu không khí đa giác quan, sinh động để thu hút sinh viên. Phương pháp này được Thích Xuân Hoàng, Vương Vỹ Triệu đề cập đến trong bài viết “Kiến thức cơ bản trong giảng dạy tiếng Trung Quốc”, 2020 trang 48-63, 施春宏、王伟超.

《汉语基本知识(汉字篇)》, 2020: 48-63. [18]

Cách thực hiện:

- Giảng viên chuẩn bị các tài liệu đa phương tiện liên quan đến bài học như: file trình chiếu, video minh họa, âm thanh,...
- Sử dụng máy chiếu, màn hình lớn để trình chiếu các nội dung đa phương tiện.
- Kết hợp giảng giải, thuyết minh với việc chiếu hình ảnh, video hoặc phát âm thanh liên quan.
- Sinh viên quan sát, lắng nghe và tương tác với các tài liệu đa phương tiện.

Ưu điểm:

- Tạo sự sinh động, hứng thú cho bài học, thu hút sự chú ý của sinh viên.
- Kích thích nhiều giác quan như thị giác, thính giác giúp sinh viên tiếp thu tốt hơn.
- Dễ dàng minh họa, làm rõ những khái niệm khó hiểu bằng hình ảnh, âm thanh.
- Phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy hiện đại.
- Giúp sinh viên có nhiều cách tiếp cận, ghi nhớ nội dung bài học tốt hơn.

Nhược điểm:

- Đòi hỏi giảng viên phải chuẩn bị nhiều tài liệu đa phương tiện, tốn thời gian và công sức.
- Phụ thuộc nhiều vào trang thiết bị như máy chiếu, loa,... nếu gặp sự cố sẽ gây khó khăn.
- Dễ bị phân tâm nếu sử dụng quá nhiều công cụ đa phương tiện cùng lúc.
- Không phù hợp với một số sinh viên có khuynh hướng học tập truyền thống.
- Chi phí đầu tư ban đầu cho trang thiết bị đa phương tiện có thể khá cao.

Phương pháp đa phương tiện là xu hướng giảng dạy hiện đại, giúp nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên. Tuy nhiên, cần sử dụng linh hoạt, hợp lý để tránh gây ra sự phân tâm hoặc lãng phí thời gian.

2.8. Phương pháp lặp lại thực hành

Phương pháp lặp lại thực hành là một phương pháp dạy chữ Hán rất hiệu quả cho sinh viên sơ cấp. Phương pháp này nhấn mạnh việc thực hành viết, đọc các chữ Hán một cách liên tục và lặp đi lặp lại để ghi nhớ chữ một cách vững chắc. [17]

Cách thực hiện:

- Giảng viên giới thiệu các chữ Hán mới, hướng dẫn cách viết, đọc và ý nghĩa.
- Yêu cầu sinh viên viết lại các chữ Hán đó nhiều lần trên giấy tập hoặc trên bảng.
- Gọi sinh viên lên bảng hoặc chỉ định ngẫu nhiên để viết, đọc các chữ đã học.
- Giao bài tập viết chữ Hán về nhà và kiểm tra vào buổi học tiếp theo.
- Thường xuyên ôn lại các chữ Hán đã học bằng các bài tập trắc nghiệm, đồ vui,..

Ưu điểm:

- Giúp sinh viên ghi nhớ chữ Hán lâu bền hơn thông qua luyện tập thường xuyên.
- Rèn luyện kỹ năng viết chữ Hán đúng cách ngay từ sơ cấp.
- Tạo thói quen học tập chăm chỉ, kiên trì cho sinh viên.
- Phù hợp với sinh viên có khả năng ghi nhớ bằng việc thực hành nhiều lần.

Nhược điểm:

- Khó giữ được sự tập trung cao độ nếu luyện tập quá nhiều trong một buổi học.
- Một số sinh viên có thể cảm thấy nhàm chán với việc luyện tập đơn điệu.
- Không phát huy được tính sáng tạo và tư duy logic trong học tập.
- Giảng viên cần kiểm tra và sửa lỗi viết chữ thường xuyên.
- Có thể dẫn đến việc học vẹt nếu không kết hợp với các phương pháp khác.

Phương pháp luyện tập thường xuyên giúp sinh viên sơ cấp ghi nhớ chữ Hán vững chắc. Tuy nhiên, cần kết hợp linh hoạt với các phương pháp khác để tránh nhàm chán và phát huy được tính sáng tạo của sinh viên.

2.9. Phương pháp học qua bối cảnh văn hóa

Đây là một phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên đại học ở giai đoạn sơ cấp mà tập trung vào việc hiểu biết và tiếp cận với văn hóa Trung Quốc thông qua ngôn ngữ, hay nói một cách khác là đây chính là phương pháp liên quan đến việc kể một câu chuyện văn hóa. [18]

Dưới đây là phân tích về ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này

Ưu điểm:

Tăng cường sự hiểu biết văn hóa: Phương pháp này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về văn hóa Trung Quốc thông qua việc học chữ Hán. Sinh viên sẽ được giảng viên giới thiệu về các khía cạnh của văn hóa Trung Quốc như lịch sử, truyền thống, tập tục, và nghệ thuật thông qua các văn bản, câu chuyện, và thơ ca được viết bằng chữ Hán.

Học từ vựng và ngữ pháp trong ngữ cảnh: Phương pháp này cho phép sinh viên học từ vựng và ngữ pháp trong bối cảnh văn hóa cụ thể, giúp họ hiểu rõ hơn về ý nghĩa và cách sử dụng của từng từ và cấu trúc ngữ pháp.

Tạo động lực học tập:** Việc học chữ Hán thông qua việc hiểu biết văn hóa có thể tạo ra động lực học tập mạnh mẽ cho sinh viên, bởi họ cảm thấy hứng thú và muốn hiểu rõ hơn về đất nước và ngôn ngữ mà họ đang học.

Nhược điểm:

Yêu cầu kiến thức nền văn hóa: Phương pháp này có thể gặp khó khăn đối với sinh viên không có kiến thức nền văn hóa Trung Quốc. Việc hiểu và tiếp cận với văn hóa mới có thể là một thách thức đối với một số sinh viên.

Đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng: Việc thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy phải được chuẩn bị kỹ lưỡng để đảm bảo rằng sinh viên hiểu được bối cảnh văn hóa và không gặp hiểu nhầm hoặc thất vọng.

Không phù hợp cho mọi đối tượng học viên: Phương pháp này có thể không phù hợp cho sinh viên chỉ quan tâm đến việc học ngôn ngữ mà không quan tâm đến văn hóa. Đối với những sinh viên như vậy, phương pháp khác có thể hiệu quả hơn.

Phương pháp học qua bối cảnh văn hóa là một cách hiệu quả để giảng dạy chữ Hán cho sinh viên đại học ở giai đoạn sơ cấp, nhưng cần được thực hiện một cách cẩn thận để đảm bảo hiệu quả và độ hấp dẫn cho sinh viên.

2.10. Phương pháp dạy chữ Hán theo chiết tự

Chiết tự là một phương pháp học, nhớ chữ Hán độc đáo của người Việt. Chiết tự này sinh trên cơ sở nhận thức về hình thể của chữ Hán, cách ghép các bộ, cách bố trí các bộ, các phần của chữ. Trên phương diện nào đó, chiết tự chính là sự vận dụng phân tích chữ Hán một cách linh hoạt sáng tạo. Hơn thế nữa, nó không chỉ dừng lại ở hình thức phân tích chữ Hán thuần túy mà còn chuyển sang địa hạt văn chương và các trò chơi thử tài trí tuệ đầy thú vị và hấp dẫn. [19]

Chiết tự trong việc giảng dạy chữ Hán còn nhằm giúp sinh viên rèn đức tính cẩn thận, khi viết chữ hán không được thờ, thụt, thiếu hay thừa nét.

Ví dụ 1: “ Trong nhà có một miệng ăn

Ruộng vườn một khoảnh, quanh năm dư thừa”.

=> Giải thích: Chữ 富 “Phú” phú quý, thể hiện sự giàu có, bao gồm các bộ sau: Bộ Miên 宀 (Mái nhà), chữ Nhất 一 (Một), chữ 口 (Miệng) và chữ 田 (Ruộng đất). Như vậy ngôi nhà này chỉ có 1 người, ruộng đất lại dư thừa mang ý thể hiện sự phú quý.

Ưu điểm: Thông qua phương pháp này giúp sinh viên nhớ lâu chữ Hán

Nhược điểm: Ít chữ Hán có thể dùng phương pháp này

Ví dụ 2: Chữ Đức: 德 trong đức hạnh, phúc đức bao gồm 5 bộ chữ tạo thành, được thể hiện bằng câu vè:

“Chim chích mà đậu cành tre, thập trên tứ dưới , nhất đề chữ Tâm.”

Ví dụ 3: Chữ Khán (nhìn) gồm chữ Thủ 手 (Tay), dưới là chữ Mục 目 (Mắt). Chữ Thủ được viết chéo đề trên chữ Mục giống như bàn tay đang che mắt, được thể hiện bằng câu sau:

“ Tay nào che mắt mi cong

Nhìn xa phương ấy chờ mong người về”

Ví dụ 3: Chữ Kiển 圀 Jiǎn (Đứa trẻ). Đây là một câu thơ vui dễ nhớ chữ, bao gồm bộ Vi 卂 bao bên ngoài bộ Tử 子

“ Bao quanh bốn bức tường rào

Trai không lọt vào sao lại có con”

2.11. Phương pháp thuyết giảng quy loại hiện tượng dễ bị nhầm

Hiện tượng dễ bị nhầm trong tiếng Trung được phân thành năm loại sau:

1) những từ có cách viết tương tự, ngữ nghĩa dị biệt; 2) những từ có cách viết tương tự, ngữ nghĩa tương cận, cách dùng dị biệt; 3) những từ có cách viết tương tự, ngữ âm tương đồng, ngữ nghĩa dị biệt; 4) những từ có cách viết dị biệt, ngữ nghĩa tương cận; 5) những từ có cách viết dị biệt hoặc tương cận, ngữ nghĩa tương cận, cách dùng dị biệt. Trương Hy Xương, “Bàn luận về tác dụng dạy chữ Hán qua bộ thủ và hình thanh, năm 2007, trang 21-28. 张熙昌.论形声字声旁在汉字教学中的作用[J].语言教学与研究, 2007(2): 21-28[20].

Ưu điểm:

Giúp cho sinh viên nhớ chữ Hán lâu

Phong phú trí tưởng tượng của người học

Nhược điểm:

Lượng từ vựng quy loại không nhiều, không phong phú.

Phương pháp quy loại hiện tượng dễ bị nhầm trong giảng dạy chữ Hán cho sinh viên đại học ở giai đoạn sơ cấp mang lại nhiều ưu điểm nhưng vốn từ không nhiều, không phong phú

KẾT LUẬN TỔNG QUAN CHƯƠNG 1

Trong thực tiễn giảng dạy chữ Hán thì có nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, mỗi phương pháp đều có ưu và nhược điểm riêng, có phương pháp chỉ phù hợp với giai đoạn sơ cấp, có phương pháp chỉ phù hợp với giai đoạn trung và cao cấp. Nhưng do đặc thù của chữ Hán mà phương pháp giảng dạy chữ Hán nêu trên thường không thực hiện một cách đơn lẻ mà được thực hiện phối hợp nhiều phương pháp qua đó có thể hỗ trợ bổ sung lẫn nhau. Vì thế người dạy tự linh hoạt áp dụng phương pháp giảng dạy nào cho hiệu quả nhất để phù hợp với đối tượng giảng dạy cụ thể, với từng chữ Hán cụ thể.



CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHỮ HÁN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

1. Phân tích kết quả khảo sát

1.1. Phân tích trên phương diện người dạy

1.1.1. Quan điểm của giáo viên về việc giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp

Dựa trên kết quả khảo sát giáo viên tại phụ lục 1 cho thấy 100% người dạy cho rằng việc dạy chữ Hán trong giai đoạn cơ sở là rất quan trọng và đặc biệt phải tuân theo quy tắc bút thuận, đồng thời họ cho rằng để việc ghi nhớ chữ Hán đạt hiệu quả thì nên dạy song song hai kỹ năng viết và kỹ năng khẩu ngữ.

Theo quan điểm phương pháp giảng dạy Hán ngữ hiện đại thì việc phân giai đoạn (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) là cần thiết. Trong giai đoạn sơ cấp việc tập trung dạy cho người học nhận biết chữ Hán được ưu tiên hàng đầu. Đây là giai đoạn tiền đề, có vai trò quyết định việc học viết và ghi nhớ chữ Hán của sinh viên sau này.

Trong giai đoạn sơ cấp, 88% cho rằng dạy phân tích chữ là chính và 12% còn lại cho rằng dạy chữ Hán nên lồng trong ngữ cảnh (tức không cần chú trọng tiến hành phân tích từng chữ Hán). Đối với nhóm giáo viên chọn việc dạy chữ Hán là chính thì qua trao đổi với nhóm giáo viên này, nhóm tác giả nhận thấy họ đều là những giáo viên dạy tốt. Ngoài kinh nghiệm giảng dạy chữ Hán nhiều năm thì với mỗi chữ Hán họ có sự nghiên cứu, hiểu và nắm chắc được nội hàm văn hóa của Trung Quốc thông qua chữ Hán đó, số giáo viên còn lại có thể là do mới bắt đầu việc giảng dạy chữ Hán nên việc dạy chữ còn bỡ ngỡ, chưa có nhiều kinh nghiệm mặc dù khẩu ngữ khá tốt, nhưng khả năng nắm bắt về chữ Hán chưa được sâu. Bản thân nhóm tác giả cũng nhận thấy trong giai đoạn cơ sở này thì phương pháp dạy phân tích chữ Hán là chính, việc chú trọng dạy đặt câu chỉ là công cụ hỗ trợ cho từ vựng mà thôi.

- Với câu hỏi “*Bạn cho rằng nội dung nào nên cải tiến trong quá trình dạy chữ Hán*”, có 87,5% giáo viên cho rằng nên cải tiến phương pháp dạy, 12,5% cho rằng nên cải tiến giáo trình. Nhóm tác giả thiết nghĩ dạy theo phương pháp nào là do thói quen, kinh nghiệm và quan điểm của người dạy, vì trên thực tế có rất nhiều phương pháp giảng dạy chữ Hán. Bản thân tác giả cho rằng với lượng từ vựng trong mỗi bài học không nên cố định phương pháp nào mà linh động, vì có những từ không thể dạy được theo phương pháp này mà phải dạy theo phương pháp khác. Phải có sự kết hợp giữa các phương pháp giảng dạy thì việc học chữ Hán mới đem lại hiệu quả tốt.

Trong việc học một ngôn ngữ mới như tiếng Anh, tiếng Pháp, ... việc dạy kỹ năng nghe và nói trước kỹ năng đọc và viết thường được áp dụng rộng rãi. Cách tiếp cận này dựa trên nhiều lý do khoa học và thực tiễn nhằm giúp người học tiếp cận ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, với tiếng Trung là ngôn ngữ phức tạp, sử dụng hệ chữ tượng hình nên việc dạy theo trình tự nghe, nói, đọc, viết là không phù hợp. Theo kết quả khảo sát, 50% giáo viên cho rằng khởi điểm của việc dạy tiếng Trung nên bắt đầu từ kỹ năng nói trước. Với quan điểm này, nhóm tác giả cũng cho rằng việc

dạy kỹ năng nói trước là phù hợp, giúp người học tiếp cận ngôn ngữ một cách tự nhiên, dễ dàng nắm bắt âm thanh và ngữ điệu. Tuy nhiên, có 25% giáo viên cho rằng nên bắt đầu từ kỹ năng viết trước, còn kỹ năng đọc và nghe lần lượt chiếm tỷ trọng là 12%, 13%.

Với câu hỏi số 16 của phụ lục 1 “*Bạn thường dùng phương pháp nào để giảng dạy chữ Hán*”. Đây là câu hỏi nhiều lựa chọn, kết quả cho thấy ở giai đoạn đầu giáo viên thường dùng phương pháp giảng dạy theo bộ kiện chữ Hán, phương pháp giảng dạy dựa trên văn hóa chữ Hán, phương pháp tổng hợp và các phương pháp khác. Tuy nhiên với trung bình khoảng 10 - 30 từ mới trong mỗi bài học thì việc áp dụng phương pháp nào để giảng dạy với mỗi chữ Hán là do sự linh hoạt và am hiểu của giáo viên.

2.2.1.2 Quan điểm của giáo viên về giáo trình đang sử dụng trong việc dạy chữ Hán

Giáo trình là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tiến trình giảng dạy. Đối với giáo trình tiếng Trung cần đáp ứng 4 nội dung chính: yếu tố ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán); kỹ năng ngôn ngữ (nghe – nói – đọc – viết); kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (quy tắc ngữ dụng, quy tắc diễn ngôn, cách thức giao tiếp); kiến thức văn hóa liên quan (văn hóa trong ngôn ngữ, kiến thức về bối cảnh văn hóa và đất nước Trung Quốc). Vì thế việc lựa chọn sử dụng giáo trình cũng ảnh hưởng đến việc giảng dạy và tiếp thu chữ Hán của sinh viên.

Việc thiết kế câu hỏi số 8 của phụ lục 1 về việc “*Đánh giá giáo trình mà Quý trường đang sử dụng để dạy chữ Hán*”, kết quả là 37% người dạy cho rằng giáo trình phù hợp, 63% cho rằng giáo trình này chưa phù hợp, trong đó theo tìm hiểu thì sáu giáo viên đang sử dụng giáo trình Hán ngữ 1, cuốn Thượng của tác giả Dương Kỳ Châu, Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, giáo trình này được xuất bản năm 1999. Hai giáo viên còn lại sử dụng giáo trình chuẩn HSK của tác giả Khương Lệ Bình, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh kết hợp với Tổ chức Khảo thí tiếng Trung Quốc tế (CTI), giáo trình này được xuất bản năm 2020. Vậy chúng ta cùng phân tích giáo trình Hán ngữ và giáo trình Chuẩn HSK để chỉ rõ điểm giống và khác nhau cũng như ưu và nhược điểm của 2 giáo trình này thông qua bảng số 1 và bảng số 2.

Bảng 1: So sánh điểm giống và khác nhau giữa 02 giáo trình

Tên giáo trình	Giáo trình Hán ngữ (汉语教程)	Giáo trình tiêu Chuẩn HSK (标准教程 HSK)
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống kiến thức rõ ràng, phân bổ từ cơ bản đến nâng cao - Mỗi bài học được thiết kế đầy đủ theo các phần: Ngữ âm, từ mới, ngữ pháp, bài khóa, luyện tập. - Nội dung bài học xoay quanh nhiều chủ đề trong đời sống, có bài tập thực hành cho cả 04 kỹ năng nghe – nói – đọc – viết. - Phụ lục của mỗi giáo trình đều có thống kê từ vựng một cách rõ ràng, hệ thống 	
Điểm khác nhau	Giáo trình Hán ngữ	Giáo trình tiêu Chuẩn HSK
Nhà xuất bản	Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh kết hợp với Tổ chức Khảo thí tiếng Trung

		Quốc tế (CTI)
Chủ biên	Dương Ký Châu	Khương Lệ Bình
Ngữ âm	Tập trung 05 bài đầu và ôn luyện xuyên suốt trong 15 bài học	Tập trung 02 bài đầu và ôn luyện xuyên suốt trong 30 bài học
Từ vựng	Sơ cấp: 10-30 từ/bài	Sơ cấp: 10-15 từ/bài

Bảng 2 : So sánh điểm ưu và nhược điểm của 02 giáo trình

Tên giáo trình		Giáo trình Hán ngữ (汉语教程)	Giáo trình tiêu Chuẩn HSK (标准教程 HSK)
Nội dung bài khóa	<i>Ưu điểm</i>	Được triển khai dưới hình thức hội thoại.	- Được triển khai dưới 2 hình thức hội thoại và đoạn văn. - Nội dung được chia nhỏ, giúp người học dễ dàng tiếp cận và ghi nhớ hơn. - Bài khóa có văn phong gần gũi, liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống, sát với đề thi HSK.
	<i>Nhược điểm</i>	Nội dung bài khóa khô khan, từ vựng lỗi thời, chưa được thú vị.	Đây là bộ giáo trình được biên soạn để ôn thi HSK nên nội dung bài khóa mang tính ứng dụng khẩu ngữ không cao.
Bài tập	<i>Ưu điểm</i>	- Lượng bài tập đa dạng	- Phần bài tập thiết kế mô phỏng theo dạng thức đề thi HSK thực tế, bao quát toàn bộ 04 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết. - Có sách bài tập riêng
	<i>Nhược điểm</i>	- Bài tập còn nặng kiến thức ngữ pháp, chưa áp dụng được nhiều cho việc luyện giao tiếp. - Không có sách bài tập riêng	Mặc dù có chú trọng theo dạng thức đề thi HSK thực tế nhưng phần khẩu ngữ phân bố vẫn chưa hợp lý.
Chữ Hán	<i>Ưu điểm</i>	Có phần tập viết theo ô để người học tô theo	Cuối mỗi bài học, giáo trình có một phần riêng giới thiệu về nguồn gốc, cấu tạo, lịch sử hình thành của chữ Hán.
	<i>Nhược điểm</i>	Có phần luyện viết theo ô để người học luyện theo, nhưng không đầy đủ (nhiều từ mới mặc dù xuất hiện ở trong bài nhưng không xuất hiện ở phần bài tập)	Không có phần luyện viết theo ô để người học tô theo.

Đặc trung giáo trình	<i>Ưu điểm</i>	Giúp người học hiểu rõ về ngữ pháp.	- Các bài học được chia nhỏ, biên soạn phù hợp với nội dung. - Biên soạn theo mục đích thi HSK các cấp
	<i>Nhược điểm</i>	Giáo trình còn nặng lý thuyết, chưa phù hợp với đề thi HSK theo phiên bản mới	Chưa chú trọng nhiều về nội dung ôn luyện khẩu ngữ.

Với kết quả so sánh giữa 2 giáo trình ở bảng trên cho thấy giáo trình chuẩn HSK có lợi thế hơn hẳn. Việc giáo viên nhận định giáo trình Hán ngữ được sử dụng trong giảng dạy là chưa phù hợp bởi hai lý do sau:

Thứ nhất, giáo trình Hán ngữ là giáo trình cũ, được xuất bản từ năm 1999 sau đó có cải tiến lên phiên bản mới, nhưng không cập nhật những từ mới cho phù hợp với giai đoạn hiện tại, lượng từ vựng phân bố nhiều và có những từ mặc dù được học nhưng không được sử dụng, không bám sát đề thi HSK theo phiên bản mới..... Nội dung bài khóa lỗi thời, gây khó khăn cho việc nhớ chữ Hán của sinh viên. Vì thế, với giáo trình Hán ngữ thì người dạy cần nhận định xem trong bài những từ mới nào cần chú ý dạy kỹ, những từ nào chỉ cần nhận biết, đọc hiểu là được.

Thứ hai, tỷ lệ phần phiên âm chiếm 70%-80% giáo trình học đã khiến sinh viên bị phụ thuộc quá nhiều vào phiên âm, dẫn đến nhiều hạn chế trong việc nắm vững chữ Hán. Đồng ý rằng trong quá trình học chữ Hán, phiên âm đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên học cách phát âm và nhận biết các âm tiết tiếng Trung, nhất là với giai đoạn sơ cấp. Nhưng nếu như việc chúng ta quá chú trọng vào phần phiên âm thì tất yếu việc ghi nhớ chữ Hán sẽ bị ảnh hưởng. Với những tồn tại như đã phân tích ở trên, nhóm tác giả cho rằng Nhà trường nên thay đổi giáo trình giảng dạy tiếng Trung cho phù hợp.

Để bước nữa khẳng định rằng thời lượng giảng dạy phiên âm trong giai đoạn sơ cấp là khá nhiều, nguyên nhân chính là do sự phân bố nội dung học của giáo trình giảng dạy, giáo viên phải tuân theo đề cương dạy, nên nhóm tác giả đã cho vào phần khảo sát câu hỏi sau: “*Thời gian bạn dành cho việc dạy phiên âm là bao lâu?*”. Kết quả thu được như sau: 50% giáo viên chọn 21 tiết, 25% giáo viên chọn 15 tiết và 25% giáo viên chọn 9 tiết. Với môn học tiếng Trung áp dụng tại Trường Đại học Mở - Địa chất, thời lượng dành cho việc dạy phiên âm tập trung ở 5 bài đầu (tương đương với 15 tiết). Với kinh nghiệm giảng dạy thực tế cho thấy việc bố trí thời lượng giảng dạy phiên âm 15 tiết là nhiều so với cả chương trình học.

Cuối cùng, để lấy ý kiến góp ý của các giảng viên có kinh nghiệm trong việc giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên tại Trường Đại học Mở - Địa chất, nhóm tác giả đã đưa thêm câu hỏi “*Đối với việc giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp, bạn có kiến nghị gì?*”, và nhận được các ý kiến góp ý như sau:

- Nên tăng thời lượng dạy chữ Hán, không nên lồng ghép việc dạy chữ vào trong môn tiếng Trung tổng hợp như hiện nay đang áp dụng tại hầu hết các trường;
- Định kỳ kiểm tra đánh giá người học;
- Dạy từng nét một, sau đó mới tiến hành phân tích chữ Hán.

1.2. Phân tích trên phương diện người học

a) Ý kiến của sinh viên đối với việc học chữ Hán

Dựa trên kết quả khảo sát tại phụ lục 2 cho thấy 74% sinh viên chọn học môn tiếng Trung đều là lần đầu tiên tiếp xúc với loại ngôn ngữ này, trong đó số nữ chiếm 92%, điều này chứng tỏ với việc học ngoại ngữ nữ giới. Trước khi học môn học này, đa số người học đều có sự tìm hiểu qua về ngôn ngữ Trung Quốc, số lượng người thích học tiếng Trung chiếm đến 64%, chỉ có 2% là cảm thấy không hứng thú với ngôn ngữ này. Số người học thích viết chữ Hán chiếm 32%, chỉ ít có hứng thú với loại chữ viết này chiếm 44%, trong số đó 65% người học cảm thấy chữ Hán rất quan trọng vì thế có đến 68% sử dụng sách luyện chữ Hán để ôn luyện thêm cho việc nhớ chữ Hán của họ. Kết quả được nhóm tác giả thể hiện dưới bảng theo hình dưới đây:

STT	Nội dung câu hỏi	Kết quả lựa chọn					
		Có		Không		Bình thường	
		SL người	Tỷ lệ	SL người	Tỷ lệ	SL người	Tỷ lệ
1	Đây có phải là lần đầu tiên bạn học tiếng Trung?	92	74%	32	26%		
2	Trước khi học tiếng Trung bạn có biết gì về ngôn ngữ này không?	67	54%	57	46%		
3	Bạn có thích học tiếng Trung không?	79	64%	3	2%	42	32%
4	Bạn có thích viết chữ Hán không?	40	32%	29	23%	55	44%
5	Bạn nghĩ chữ Hán có quan trọng không?	80	65%			44	35%
6	Bạn có sử dụng sách luyện chữ Hán (汉字本) không?	84	68%	40	32%		
7	Bạn có thích giáo trình mình đang sử dụng không?	48	40,7%	6	0,5%	70	59,3%

Bảng 3: Cảm nhận của sinh viên đối với học chữ Hán

Bên cạnh đó, để giúp sinh viên học tiếng Trung một cách hiệu quả nhất đồng thời tìm hiểu những khó khăn sinh viên gặp phải khi mới bước vào giai đoạn nhập môn tiếng Trung, nhóm tác giả đã đặt ra các câu hỏi về mức độ khó, dễ trong việc học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của sinh viên. Kết quả được thể hiện ở bảng 3 và bảng 4 dưới đây:

Kỹ năng	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Số người chọn	8	61	51	4
Chiếm tỷ lệ (%)	6	49	41	3

: Bạn cảm thấy kỹ năng nào trong tiếng Trung **đễ** học nhất

Kỹ năng	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Số người chọn	17	7	2	98
Chiếm tỷ lệ (%)	14	6	2	79

Bảng 4: Bạn cảm thấy kỹ năng nào trong tiếng Trung **khó** học nhất

Theo bảng trên, kỹ năng mà người học tiếng Trung cảm thấy **đễ** nhất là kỹ năng nói chiếm tỷ lệ 49%, tiếp đó là kỹ năng nghe chiếm tỷ lệ 41%, đặc biệt kỹ năng **viết** được đánh giá là kỹ năng khó nhất, chiếm tỷ lệ 79%. Vậy vì sao kỹ năng viết lại khó nhất? nhóm tác giả cho rằng chữ Hán là chữ tượng hình, nhìn vào nó như một bức tranh, việc các nét sắp xếp rất phức tạp gây khó cho việc viết và phân biệt chữ, chữ Hán có đặc điểm là chữ viết tách rời âm đọc, học chữ nào biết đọc chữ ấy, chưa học thì nhìn chữ không đọc được, mà nghe đọc được nhiều khi không viết được.

b) *Khảo sát về cách ghi nhớ chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Tác giả đã thực hiện một cuộc khảo sát đối với 124 sinh viên K66, K67 Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong giai đoạn đầu học tiếng Trung về các phương pháp ghi nhớ chữ Hán, kết quả được thể hiện ở bảng 5:

STT	Phương pháp ghi nhớ chữ Hán của sinh viên K66, K67 Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Kết quả lựa chọn	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Học thuộc lòng cả chữ Hán	70	56.6%
2	Học một phần bộ thủ	38	31.2%
3	Ghi nhớ theo hình dạng chữ	29	23.4%
4	Sử dụng phương pháp chiết tự	23	19.1%
5	Sử dụng câu chuyện văn hóa chữ Hán - Hiểu về kết cấu chữ Hán, nguồn gốc và các câu chuyện liên quan	44	35.2%
6	Sử dụng các bộ giống nhau để nhớ chữ	60	48.5%
7	Căn cứ vào ý nghĩa bộ thủ chữ Hán, tự biên soạn câu chuyện của chính mình	22	18%

Bảng 5: Phương pháp tự ghi nhớ chữ Hán của sinh viên K66, K67 Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Bảng trên cho thấy đa số sinh viên vẫn sử dụng phương pháp học thuộc lòng để ghi nhớ chữ Hán, tỷ lệ bình chọn chiếm 56.6%, trong đó hai phương pháp chiếm tỉ lệ thấp nhất là phương pháp sử dụng chiết tự với 19.1% và phương pháp căn cứ vào ý nghĩa bộ thủ chữ Hán, tự biên soạn câu chuyện của chính mình với 18%. Có thể thấy rằng, phần lớn sinh viên vẫn chưa thực sự tập trung, chưa hiểu sâu sắc được ý nghĩa và câu chuyện bao hàm trong mỗi chữ Hán.

c) Khảo sát về nhu cầu của sinh viên đối với phương pháp dạy học của giảng viên

Trong giai đoạn sơ cấp, để ghi nhớ được chữ Hán thì việc nghe giáo viên phân tích chữ là rất cần thiết. Kết quả khảo sát cho thấy 82% sinh viên cho rằng giáo viên nên vừa dạy chữ kết hợp với phân tích chữ ngay trên lớp là cần thiết, 21% cho rằng việc nhớ chữ Hán thông qua giao tiếp là cần thiết, đặc biệt có tới 97 sinh viên (chiếm 78%) hy vọng giáo viên khi giảng dạy chữ Hán ngoài việc phân tích nội hàm chữ Hán ra thì cần mở rộng đặt câu với chữ Hán đó, học từ phải đặt trong ngữ cảnh. Có thể thấy, người học cũng rất chú trọng vào việc sử dụng ngôn ngữ ứng dụng trong giao tiếp. Đây cũng là một phương pháp học hiệu quả cần được phát huy. Kết quả thống kê được thể hiện ở bảng sau:

STT	Phương pháp	Kết quả lựa chọn	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Nghe giảng viên phân tích chữ	120	82%
2	Chép lại chữ theo sách	4	3%
3	Chép theo sự hướng dẫn của giáo viên	8	6%
4	Học thông qua giao tiếp	26	21%

Bảng 6: Phương pháp ghi nhớ chữ Hán thông qua dạy học của giảng viên

Vậy câu hỏi được đặt ra ở đây là “*Khi nghe giảng viên phân tích chữ Hán thì phương pháp giảng dạy chữ Hán nào mà sinh viên thấy rằng giúp việc ghi nhớ chữ Hán đạt hiệu quả cao nhất ?*”. Đây là một câu hỏi tích nhiều đáp án, và thật bất ngờ kết quả khảo sát nằm ngoài sự tưởng tượng của nhóm tác giả. Phương pháp luyện đi luyện lại nhiều lần được sinh viên lựa chọn nhiều nhất với 79 người, chiếm tỷ lệ 64%. Nhóm tác giả thiết nghĩ rằng người học sẽ lựa chọn phương pháp giảng dạy chữ Hán thông qua trò chơi hoặc phương pháp phân tích bằng bộ thủ hay phương pháp chiết tự là nhiều nhất. Lý do nhóm tác giả nghĩ các bạn đều là thanh niên nên tâm lý chỉ thích chơi không thích học vì thế sẽ lựa chọn phương pháp đỡ mất công sức nhiều nhất. Tuy nhiên, cũng có sinh viên lựa chọn việc dạy bằng phương pháp chiết tự hay phân tích bộ kiện, bộ thủ, dạy theo ngôn ngữ tình huống hay sử dụng thẻ nhớ vv.... Mặc dù, tỷ lệ không nhiều vì mỗi người học phù hợp với các phương pháp giảng dạy khác nhau, họ có cách ghi nhớ chữ Hán khác nhau. Điều này chứng tỏ đại đa số bộ phận sinh viên chưa hiểu sâu về văn hóa Trung Quốc.

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp được người học cho rằng đạt hiệu quả nhất	Tỷ lệ (%)
Dạy ngôn ngữ tình huống tình huống	32	26%
Dạy học bằng đồ vật hoặc thẻ flash card	25	20%
Dạy luyện đi luyện lại nhiều lần	79	64%
Dạy bằng phương pháp chiết tự	43	35%
Dạy thông qua trò chơi	19	15%

Dạy phân tích bộ kiện, bộ thủ	24	19%
Dạy theo câu chuyện liên quan đến văn hóa	44	48%
Dạy theo quy tắc bút thuận	22	18%

Bảng 7: Khảo sát về phương pháp giảng dạy chữ Hán mà sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất cho rằng đạt hiệu quả nhất

Bên cạnh đó, nhằm mục đích tháo gỡ những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học chữ Hán, nhóm khảo sát cũng thống nhất đặt ra câu hỏi “*Bạn có kiến nghị gì với người dạy về việc dạy chữ Hán*” và nhận được khá nhiều câu trả lời như: Kiểm tra chữ Hán thường xuyên trên lớp; Tăng thời gian dạy phân tích chữ Hán; Người dạy đặt nhiều câu hỏi với chữ đã được học; Phân tích sâu hơn nữa về chữ Hán; Nên dạy chữ Hán theo bộ, chia nhỏ phân tích chữ... Điều này phần nào giúp giáo viên nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán trong Nhà trường.

d) Khảo sát về khả năng tự học và những trở ngại của sinh viên đối với việc học chữ Hán

Khả năng tự học chữ Hán

Để tìm hiểu về tinh thần tự giác học chữ Hán của người học trong khoảng thời gian rảnh rỗi, nhóm tác giả đã đặt ra câu hỏi số 10 trong phiếu khảo sát như sau: “*Bạn có thường xuyên dành thời gian cho việc ôn luyện chữ Hán không?*”. Kết quả có 29 người (chiếm 23.4%) chọn thường xuyên ôn luyện, 87 người (chiếm 70.2%) thi thoảng ôn luyện, có 8 người (chiếm 6.4%) không dành thời gian cho việc ôn luyện chữ Hán. Theo điều tra của nhóm tác giả, người học chỉ về nhà làm bài tập cho xong cho đủ bài, chứ không tập trung vào luyện viết để nhớ chữ Hán. Đây là một thực trạng đáng buồn của không chỉ của riêng sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất mà của hầu hết sinh viên học tiếng Trung hiện nay. Nhà bác học A.Einstein từng nói: “Kiến thức chỉ có được qua tư duy của con người”. Muốn con người có được tư duy tốt nhất để chiếm lĩnh kiến thức một cách hiệu quả, thì trong quá trình học tập cần nhất là phải xây dựng phương pháp học tập riêng cho mình, gọi là cách tự học, lý giải cho việc sinh viên không có thói quen ôn tập thường xuyên có thể là do khi còn học ở trường phổ thông, học sinh chưa được chú trọng xây dựng thói quen, ý thức và kỹ năng tự học. Vì thế khi học tiếp lên sau phổ thông họ bị lúng túng, phải tự mò mẫm. Đó là đối với người học chủ động, còn lại với người học học một cách thụ động thì việc học sẽ không đạt hiệu quả cao, đặc biệt với tâm lý tiếng Trung chỉ là môn học tự chọn nên không được chú trọng.

Những trở ngại khi học chữ Hán

Để tìm hiểu những trở ngại khi người học bắt đầu học chữ Hán, nhóm tác giả đã thông qua câu hỏi số 14 trong phiếu khảo sát. Kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Khó khăn, trở ngại khi bắt đầu học chữ Hán	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không có đủ thời gian để học	18	15%
Ít sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	45	36%
Thật khó để nhớ chữ	108	88%
Giáo trình không phù hợp	3	2%

Bảng 8: Khảo sát những trở ngại khi học chữ Hán

Theo bảng số liệu trên thấy rằng, 108 sinh viên (chiếm 88%) cho rằng chữ Hán khó nhớ, nguyên nhân do chữ Hán là một loại chữ tượng hình khác với hệ chữ Latinh nên người học cảm thấy lúng túng khi học.

e) Khảo sát về chất lượng viết chữ Hán của sinh viên trong giai đoạn sơ cấp

Để tìm hiểu về chất lượng viết chữ Hán của sinh viên cũng như tìm ra các lỗi viết sai, viết nhầm trong quá trình viết chữ Hán mà sinh viên thường mắc phải, đồng thời tìm cách khắc phục và cải thiện kỹ năng viết của sinh viên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 124 sinh viên K66, K67 đang theo học các học phần tự chọn “Tiếng Trung 1” và “Tiếng Trung 2” của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Nhóm tác giả đã lựa chọn 14 chữ Hán mà người học thường nhầm nhất trong giáo trình Hán ngữ 1 mà Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện đang sử dụng. Mục đích để tìm hiểu trong giai đoạn học tiếng Trung sơ cấp sinh viên hay bị sai ở những lỗi nào để từ đó đưa ra phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao khả năng nhớ chữ Hán cho sinh viên. Kết quả khảo sát được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Chữ Hán	Viết đúng	Viết sai	Viết nhầm	Biến dạng	Viết ẩu
我	75	20	9	15	5
难	58	32	14	12	8
好	103	15	0	4	2
银	58	35	2	0	29
买	50	28	33	0	13
两	100	14	7	0	3
天	82	10	5	11	16
鸡	27	34	28	10	25
在	90	19	9	13	13

学	62	4	9	3	46
校	61	21	23	0	19
福	47	30	29	5	13
弟	51	11	12	12	40
住	90	19	9	5	1
Tổng	938	298	201	75	233
Tỷ lệ	53.75%	17.08%	11.52%	4.30%	13.35%

Bảng 9: Khảo sát những lỗi khi viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất





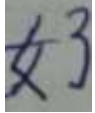




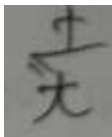


Theo bảng trên, kết quả tổng hợp thu được bước đầu cho thấy trong 124 bài viết của sinh viên có 807 chữ viết có vấn đề, trong đó: 201 chữ viết nhầm, 289 chữ viết sai, 233 chữ viết ẩu (Chữ viết ẩu ở đây bao gồm thừa thiếu nét, chữ viết không nhận ra mặt chữ) và 75 chữ viết bị biến dạng. Lỗi viết sai nét chữ Hán chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong tổng số các loại lỗi sai về chữ Hán. Lỗi sai nét viết chữ Hán được chia thành ba loại cụ thể: lỗi biến dạng nét viết, lỗi viết biến dạng và lỗi sai viết nhầm.

Như trên đã thống kê, trong dữ liệu nghiên cứu, chúng tôi tìm được 289 chữ viết sai, chiếm 17,08% tổng số chữ Hán được khảo sát, con số đứng thứ hai sau chữ viết ẩu là 13,35 tổng số chữ Hán được khảo sát, chữ biến dạng chỉ chiếm 4,3%. Mặc dù xác định được các chữ viết sai, song để phân loại và ghi ra lỗi sai ở từng chữ cụ thể là điều không đơn giản. Sở dĩ như vậy là vì đại đa số sinh viên viết ngoáy, chữ viết xấu, nhiều chữ bị dập xóa, nhiều chữ tương đối mờ. Mặt khác, các chữ viết sai không có trong phong chữ Hán, chúng tôi chỉ có thể xử lý bằng cách chụp ảnh và cắt trực tiếp các chữ sai ở bài viết của sinh viên để đưa vào sử dụng trong bài.

Dưới đây chúng tôi bước đầu phân tích các chữ viết sai của sinh viên dựa trên các nét bút và các bộ cấu tạo nên chữ, có thể chia những chữ viết sai thành các loại như: Chữ sai do các nét (thừa nét, thiếu nét, độ dài nét); Chữ sai về bộ thủ, bộ kiện (thừa bộ, thiếu bộ, nhầm bộ, tách bộ); Chữ sai do nhầm lẫn giữa các chữ Hán (chủ yếu ở giai đoạn này do hiện tượng đồng âm. Sau đây nhóm tác giả đi sâu vào phân tích các lỗi viết chữ Hán sai mà sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất thường mắc phải.

- *Lỗi sai từ các nét cấu tạo nên chữ Hán*

Nếu căn cứ vào các nét bút cấu tạo nên chữ, có thể chia những chữ viết sai thành các loại như: Chữ sai do thừa nét; Chữ sai do thiếu nét; Chữ sai do nhầm nét (nhầm nét này với nét khác); Chữ sai do nét bút có độ dài ngắn không chính xác (dưới đây gọi tắt là chữ sai do độ dài nét). Bảng dưới đây là một số ví dụ cụ thể, trong đó hình ảnh là chữ sai, chữ nhỏ bên cạnh là chữ đúng.

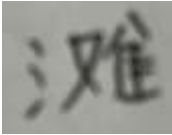
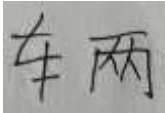

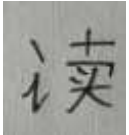
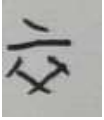




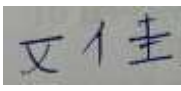


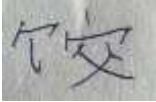
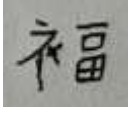
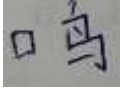
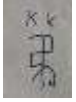
<i>Lỗi sai thừa nét</i>	银 	鸡 	我 	住 
<i>Lỗi sai thiếu nét</i>	好 	福 	学 	卖 
<i>Lỗi sai do độ dài nét</i>	天 	买 	住 	难 

Bảng 10: Lỗi sai từ các nét cấu tạo nên chữ Hán

Đối với sinh viên mới học tiếng Trung thì việc viết sai các nét là điều thường gặp phải, viết thừa, thiếu nét hoặc nhầm lẫn về vị trí các nét chữ, ví dụ chữ “买 Mãi” nét cuối cùng là “chấm dài” thì lại viết thành nét “mác”, chữ “天 tiān” viết nhầm thành chữ “夫 fū”, Chữ “银 yín” viết thành chữ “很- hěn”. Lỗi sai nét Chấm 点 “丶” xuất hiện ở chữ “鸡 Jī, 难 nán, 卖 Mài, hoặc lỗi sai nét bút Sổ dọc 竖 “丨” xuất hiện trong các chữ Hán “银 yín, 校 Xiào, 在 zài”, lỗi sai nét bút “一” xuất hiện trong các chữ Hán “天 tiān, 卖 Mài”. Chữ “卖 mài” nét cuối cùng là “chấm dài” thì lại viết thành nét “mác”. Điều này cho thấy ngay từ giai đoạn nhập môn, sinh viên chưa nắm được các nét cơ bản và quy tắc viết chữ.

- *Lỗi sai về bộ thủ, bộ kiện*

Mỗi chữ Hán có số lượng bộ kiện khác nhau, người học thường tăng thêm hoặc bỏ bớt các bộ kiện trong một chữ Hán do chưa ghi nhớ đầy đủ chữ Hán đó. Đặc biệt do đặc thù của chữ Hán chỉ cần thêm bớt một nét là thành bộ khác, hoặc thành những từ không có nghĩa. Vì thế, sinh viên rất dễ bị nhầm lẫn khi viết các chữ Hán. Với lỗi thay thế nhầm bộ kiện, tức là người học thay thế bộ kiện A với bộ kiện B trong quá trình viết một chữ Hán, dẫn đến chữ Hán không chính xác về nghĩa. Người học trong giai đoạn cơ sở chủ yếu mắc phải bốn loại lỗi sai sau: thừa bộ, thiếu bộ, nhầm bộ, tách bộ. Tỷ lệ xuất hiện những lỗi sai do nhầm bộ thường tập trung vào các chữ: 难, 银, 校, 弟, 住, 福, 鸡, 两. Theo tình trạng lỗi sai về bộ thủ của người học, chủ yếu tập ở các dạng như sau:

Lỗi sai thừa bộ	难 	两 	果 	卖 
Lỗi sai thiếu bộ	校 	鸡 	弟弟 	难 
Lỗi sai do tách bộ	好 	难 	校 	找 
Lỗi sai do nhầm bộ	校 	福 	鸡 	弟 

Bảng 11: Lỗi sai thay đổi bộ kiện

Ngoài ra, người học thường hay nhầm lẫn các bộ kiện có hình dạng tương tự nhau.

Ví dụ:

- Bộ kiện “𠂇” và bộ kiện“𠂆” có hình dạng hơi giống nhau nên người học thay thế nhầm các bộ kiện này trong từ “福 phúc” thành chữ 𠂆福; hoặc người học nhầm lẫn bộ 3 chấm thủy “氵” với bộ băng “冫” như chữ 准 và 淮.

- Tương tự với cặp bộ kiện khác như: "日" viết nhầm thành "曰", bộ hoà 禾 giống bộ mộc 木. Hoặc khi viết chữ “买 mua”, sinh viên lại viết thành chữ “卖 bán” và ngược lại viết chữ 卖 thành chữ 买, chữ 鸡 thành chữ 鸟 chữ 银 thành chữ 艮, vv.... Điều này chứng tỏ trong quá trình học chữ Hán, các em chưa hiểu rõ về vai trò của các bộ thủ và ý nghĩa của từng bộ thủ đã học.

- Lỗi sai nhầm lẫn giữa các chữ Hán

Lỗi sai nhầm lẫn giữa các chữ Hán được hiểu là các từ có phiên âm giống nhau, cách đọc giống nhau nhưng viết khác nhau và nghĩa của từ cũng khác nhau. Hay nói cách khác, lỗi sai chữ Hán do hiện tượng đồng âm hoặc âm gần giống nhau khi đọc chữ Hán là hiện tượng lỗi sai chữ Hán mà người học thay thế các chữ Hán đúng bằng chữ Hán có cách phát âm giống hoặc tương tự với các chữ Hán yêu cầu cần phải được viết đúng nghĩa đúng nét bút. Lỗi này thường gặp phải khi giáo viên đọc từng từ chữ Hán cho sinh viên viết mà không lồng vào ngữ cảnh.

Ví dụ:

<i>Lỗi sai do đồng âm</i>	难	弟	鸡

Bảng 12: Lỗi sai chữ Hán do đồng âm

Trong giai đoạn sơ cấp, nguyên nhân gây ra lỗi thường tập trung vào các chữ người học hay bị nhầm lẫn như: hai chữ 难 [Nán] có nghĩa là khó và chữ 男[Nán] có nghĩa là nam với cùng phát âm là “Nán” ; 鸡[Jī] có nghĩa là con gà và 七[Qī] có nghĩa là số bảy, nhưng cách phát âm có sự khác biệt giữa nhóm âm bật hơi và không bật hơi. Nguyên nhân dẫn đến việc viết sai trên chứng tỏ không những sinh viên cần phải nhớ chữ Hán mà còn phải chú ý đến cách phát âm của từng từ.

2. Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất

Thông qua phiếu khảo sát thực tế và tiến hành phân tích các lỗi sai của sinh viên khi viết chữ Hán cùng với kinh nghiệm thực tế giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp, nhóm tác giả đã nghiên cứu được 06 phương pháp giảng dạy chữ Hán được cho là phù hợp với sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất như sau:

2.1. Phương pháp dạy theo quy tắc bút thuận

Việc luyện tập viết chữ Hán phải bắt đầu từ việc luyện viết các nét chữ. Nét chữ viết đúng hay sai, viết đẹp hay xấu đều trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng viết chữ Hán.

Vì thế kiến nghị giáo viên ngoài kỹ năng viết bảng nên kết hợp với việc trình chiếu các nét cơ bản thông qua phần mềm chạy chữ Flash Player trên màn chiếu để việc giảng dạy chữ Hán đạt hiệu quả hơn.

Hiện nay có xu hướng cho rằng việc dạy học và viết chữ Hán là nhiệm vụ của các môn thực hành tiếng ở giai đoạn cơ sở. Người dạy lên lớp giảng chủ yếu sử dụng máy tính trình chiếu, cả buổi học có khi không viết chữ nào, hoặc có viết thì cũng rất hạn chế. Người học chủ yếu đọc và học các bài giảng do giảng viên chuẩn bị sẵn, lên lớp không cần ghi chép. Nhóm tác giả cho rằng cách làm này là chưa thỏa đáng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng viết chữ của người học, nhất là trong giai đoạn cơ sở này. Việc sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả và chất lượng giảng dạy ngoại ngữ là điều tất yếu và nên làm song không nên quá lệ thuộc, với chữ Hán vẫn cần kết hợp cả viết và trình bày bảng để người học không quên chữ.

2.2. Phương pháp dạy viết theo bộ thủ kết hợp với phân tích chữ

Học tiếng Trung giai đoạn đầu, trong đó viết chữ Hán là vô cùng quan trọng và rất cần thiết đối với những người học lần đầu tiếp xúc với tiếng Trung. Người dạy ngay từ những buổi học đầu tiên cần phải định hướng cho người học tầm quan trọng của chữ Hán, bởi chữ Hán là đặc sản của tiếng Trung Quốc. Người dạy nên hướng dẫn cho người

học các phương pháp ghi nhớ và học chữ Hán theo hệ thống và phân loại theo bộ thủ, phân biệt các chữ cận hình, ví dụ như: 人 nhân、大 đại、天 thiên、夫 phu... hay 河 hà、汤 thang、酒 tửu、酉 tị v.v...

Các kiến thức về chữ Hán bao gồm: lịch sử phát triển của chữ Hán, đặc điểm tính chất của chữ Hán, sự biến đổi hình thể của chữ Hán và đặc biệt là cấu tạo của chữ Hán theo “tứ thư” (tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh). Đối với các chữ hình thanh cần nói rõ tác dụng biểu âm của thanh phù và tác dụng biểu ý của hình phù. Không chỉ vậy, để người học nắm được hệ thống, người dạy nên chia các chữ Hán theo các mảng như các chữ liên quan đến con người, sự vật, đồ vật, các chữ liên quan đến các hiện tượng tự nhiên... vì vậy, ngay từ giai đoạn đầu, người dạy cần cung cấp các kiến thức liên quan đến bộ và giảng dạy chữ Hán thông qua việc phân tích các bộ trong chữ. Nhóm tác giả lấy một số ví dụ điển hình trong cuốn sách Giáo trình Hán ngữ để làm rõ việc nhớ chữ Hán theo bộ được thể hiện ở hình dưới đây:

Hình : cách phân tích bộ trong chữ Hán

Bộ	Chữ	Ý nghĩa của bộ	Các chữ chứa bộ
氵	水	Bộ 3 chấm thủy thường chỉ sự vật liên quan đến cây	酒 rượu, 江 sông, 汤 canh
扌	手	Bộ tài gậy (tay) thường là động từ liên quan đến sử dụng tay	找 tìm, 打 đánh, 换 đổi, 扛 vác, 扔 ném...
亻	人	Ý nghĩa của các chữ có bộ nhân đứng thường liên quan đến con người	你 : bạn, anh, chị 他: anh ấy, nó ,休 nghỉ ngơi , 住 trú, ở, sống ở ,伯 bác
木	木	Bộ mộc, thường chỉ sự vật liên quan đến cây	校, 楼, 树, 桃
尸	尸	Bộ thi, thường liên quan đến thi thể	尿, 屎
口	口	Bộ khẩu, thường liên quan đến miệng	吃, 吗, 河
讠	言	Bộ khẩu, thường liên quan đến lời nói	课, 认

Bảng 13: Cách phân tích bộ trong chữ Hán

Từ việc phân tích các bộ như đã nêu ở trên, người dạy nên phân tích sâu hơn các hậu tố đằng sau để thuận lợi cho người học trong phần nhớ chữ. Ví dụ bộ ngôn 讠 khẩu liên quan đến cái miệng, ví dụ: 吃 ăn bao gồm bộ khẩu và bộ ngật, chữ 吗 : không (trợ từ nghi vấn) bao gồm bộ khẩu 讠 và chữ mã 马. Lại một ví dụ khác khi liên quan đến phát ngôn (lời nói) thì trong từ xuất hiện bộ 讠 . điển hình với giai đoạn sơ cấp chữ 课 bài khóa, bài học thì bao gồm 讠 và chữ 果 (quả) biểu thị thành quả của lời nói, chữ 语

ngữ gồm bộ 讠 chữ 五 số 5, chữ 口 miệng, một cái miệng phát ngôn ra 5 loại ngôn ngữ (言), chữ 谢 cảm ơn gồm bộ 讠 bộ 身 thân và bộ thốn 寸.



Hình 2: Cách phân tích bộ trong chữ Hán

2.3. Phương pháp chiết tự

Chữ Hán rất khó học, ông cha ta trước đây khi học chữ Hán đã tạo ra nhiều câu thơ, câu ca dao để ghi nhớ. Những câu thơ, câu ca dao này mặc dù không chỉ ra được nguồn gốc và cấu tạo của chữ, song nó có thể giúp người học ghi nhớ cách viết chữ, ví dụ như bảng dưới đây:

Chữ Hán	Nghĩa	Phân tích theo chiết tự
德	Đức	“Chim chích mà đậu cành tre (彳) Thập (十) trên tứ (四) dưới nhất (一) đè chữ tâm (心).”
孝	Hiếu	“Đất gì mà đất bùn ao (土) Ai cắm cây sào mà cắm chẳng ngay (丿) Con ai mà đứng ở đây (子) Đứng thì chẳng đứng dựa tay vào sào.”
者	Giả	Ông thổ (土) vác cây tre (丿) đè bà nhật (日)
疆	Cương	Đất (土) sao khéo ở trong cung (弓) Ruộng (田) thời hai mẫu bờ (一) chung ba bờ

Bảng 14: Cách phân tích theo chiết tự

Hay bài thơ “Không chồng mà chữa” của Hồ Xuân Hương có xuất hiện 2 câu thơ: “Duyên thiên (天) chưa thấy nhô đầu dọc (夫) Phận liễu (了) sao đà nảy nét ngang (子).”

Nhóm tác giả cho rằng những câu thơ, câu ca dao này không chỉ giúp người học nhớ được chữ Hán mà còn tạo hứng thú cho người học. Tuy nhiên, chiết tự của chữ Hán không nhiều, vì vậy người dạy nên tích lũy một số câu và sử dụng trong việc giảng dạy chữ Hángiai đoạn cơ sở.

2.4. Phương pháp thuyết giảng quy loại hiện tượng để bị nhầm

Một điểm quan trọng trong phương pháp giảng dạy chữ Hán là người dạy cần lường trước được những lỗi sai người học có thể mắc phải, nhóm các chữ mà người học

thường hay nhầm lẫn, từ đó trong khi dạy cần chỉ ra, lưu ý người học giúp họ tránh viết sai viết nhầm.

Chỉ đơn cử như ở bài bài 3 quyển giáo trình Hán ngữ 1 có nội dung “Tôi đi ngân hàng đổi tiền” có cụm chữ gần giống 我找钱, do ảnh hưởng của các chữ “戈, 我, 钱, 成 ...” đều xuất hiện chữ “戈”, nên người học chỉ cần không để ý thì rất dễ viết thừa nét ở các chữ “戈”. Bảng dưới đây là một số ví dụ mà nhóm tác giả liệt kê xuất hiện ngay từ đầu giáo trình Hán ngữ, giúp người dạy lưu ý khi dạy các chữ dễ viết nhầm, viết sai:

Nguyên nhân	Các chữ dễ nhầm	Phân tích
Hình thể giống nhau	千干 外处 贝见	<p>“千, 干” là hai chữ có số nét giống nhau (3 nét), hình thể giống nhau nên rất dễ nhầm. Sự khác biệt của chúng là nét đầu của chữ “千” là nét phẩy, còn nét đầu của chữ “干” là nét ngang. Khi dạy cần chỉ ra sự khác biệt này để người học không bị nhầm. Sự khác biệt của hai chữ “外, 处” là ở nét thứ 3. “外” có nét thứ 3 là nét chấm, còn “处” là nét móc (nét móc dài và bao trùm sang phần bên phải).</p> <p>Khi dạy cần nói rõ cho người học các chữ “贝” là chữ Bội trong chữ bảo bối, con người là quý vì thế ở bên trong xuất hiện chữ “人” nhân, còn chữ “见” là chữ “Kiến” có nghĩa là gặp, thường dùng trong chữ 叩见(khấu kiến), 拜见(bái kiến)...biểu thị một người quỳ gối đề xin được gặp mặt đức vua, vì thế nét ở đây không phải nét chấm mà là nét sổ ngang móc, gần giống chữ 人 chứ không phải chữ 人</p>
	牛午 未末 士土	<p>Các nhóm chữ này có hình thể giống nhau, chúng chỉ khác nhau một chút về độ dài ngắn của nét bút. Khi dạy cần phân biệt chúng với nhau để người học không bị nhầm. Ví dụ khi dạy chữ “牛” nghĩa ngưu (con trâu), xuất hiện trong từ “午” nghĩa: Ngọ. Hay khi dạy từ 士 nghĩa sĩ trong chữ chiến sỹ (战士), từ thổ 土 trong chữ thổ địa (土地), hay chữ 未 nghĩa Vị trong chữ vị hôn thê 未婚妻, vị hôn phu 未婚夫, chữ 末 nghĩa mạt (kết thúc), xuất hiện trong chữ 周末 cuối tuần (biểu thị cho kết thúc 1 tuần). người dạy cần nói rõ nét nào dài, nét nào ngắn và giảng cho sinh viên hiểu ý nghĩa của nó như thế nào</p>
Hệ tương đồng âm	男 难 在 再	<p>Đây là nhóm các cặp chữ đồng âm, rất dễ nhầm với nhau. Khi dạy, cần nói rõ ý nghĩa của chúng, những từ ngữ mà chúng xuất hiện. Như vậy sẽ giúp</p>

	第 弟	người học tránh được việc viết nhầm. Ví dụ trong cặp “男, 难”, cần nói cho người học “男” là “danh từ” có nghĩa là Nam (trong quan hệ nam nữ) có bộ lực (力) và bộ điền (田), đàn ông dùng sức lực gánh cả thửa ruộng trên vai, còn “难” là “tính từ” chỉ mức độ, nghĩa hán việt là “Nan” thường xuất hiện trong chữ gian nan, nan y (khó chữa) ...
Hện tượng cận hình	我找钱 人大天夫 矢	Do ảnh hưởng của các chữ “戈, 我, 钱, 成...” nên người học rất dễ viết thừa nét ở các chữ “戈”. Khi dạy để ý chỉ ra sự khác biệt của chúng để người học không viết thừa nét. Hoặc ví dụ như: 人 nhân, 大 đại, 天 thiên, 夫 phu...

Bảng 15 : Thuyết giảng các hiện tượng cận hình

2.5. Phương pháp lặp lại thực hành

Trong giảng dạy và học ngoại ngữ, một trong những cách học từ vựng phổ biến nhất, tuy hơi khô cứng là phương pháp lặp lại nhiều lần, phương pháp này thực sự phát huy tác dụng rất lớn giúp sinh viên nhớ chữ Hán một cách hiệu quả. Giáo viên nên dành chút thời gian khoảng 15 phút đầu để kiểm tra những từ vựng đã được học từ bài học trước. Bên cạnh việc làm bài tập đầy đủ, giáo viên nên hướng dẫn sinh viên cách tập tô chữ Hán. Tập tô chữ Hán cũng là một phương pháp để ghi nhớ chữ Hán hiệu quả.

2.6. Sử dụng phương pháp tổng hợp

Do chữ Hán khó học, khó nhận biết, khó nhớ nên người dạy cần linh hoạt sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp để giúp người học nắm được âm đọc, hình thể và ý nghĩa của chữ. Trong ba mặt hình, âm, ý của chữ Hán cần đặc biệt chú ý sử dụng các phương pháp giúp người học ghi nhớ được hình thể của chữ. Các phương pháp cần lôi cuốn, gây chú ý, từ đó tạo say mê, hứng thú cho người học. Ngay từ giai đoạn đầu, người dạy cần cung cấp các kiến thức liên quan đến bộ và giảng dạy chữ Hán thông qua việc phân tích các bộ trong chữ.

- Đối với chữ tượng hình, thì nên quy loại dạy theo bộ. Ví dụ khi dạy chữ kê (con gà) “鸡” cần cung cấp cho người học bộ điều “鸟” và nói rõ ý nghĩa của các chữ có bộ điều thường liên quan đến loài chim: 鸭 nghĩa là vịt; 鹅 nghĩa là ngỗng... Hay ví dụ các chữ có bộ tâm (cả bộ tâm nằm và bộ tâm đứng) “恨, 愉, 志, 忐忑, 愁, 想” thường liên quan đến các hoạt động hay trạng thái tâm lý...

- Đối với các chữ hội ý và một số chữ chỉ sự nên sử dụng phương pháp phân tích hình thể để nói rõ mối quan hệ giữa hình thể và ý nghĩa của chữ, cũng có thể thông qua cả tranh ảnh để chỉ ra sự biến đổi hình thể của chữ. Đây cũng chính là phương pháp nắm được ý nghĩa thông qua cấu tạo của chữ. Ví dụ khi dạy các chữ “日 nhật, 月 nguyệt, 川 sông, 水 nước” có thể đưa ra hình ảnh và diễn biến hình thể của chữ như dưới đây:



Hình 3: Hình ảnh và biến đổi hình thể của chữ Hán (nguồn Baidu.com)

- Đối với các chữ hình thanh cần sử dụng phương pháp phân tích hình thể của chữ, chia ra bộ phận biểu thị âm thanh (thanh phù) và bộ phận biểu thị ý nghĩa (hình phù) của chữ. Ví dụ các chữ “请, 清, 情, 晴, 睛, 蜻” đều là các chữ hình thanh, phần bên phải “青” biểu thị âm đọc, phần bên trái biểu thị ý nghĩa. “请” là “mời” nên có bộ ngôn “讠”, “清” là “trong” nên có bộ ba chấm thủy “氵”, “情” là “tình cảm” nên có bộ tâm đứng “忄”, “晴” là “trời nắng” nên có bộ nhật “日”, “睛” là “mắt” nên có bộ mục “目”, “蜻” là “con chuồn chuồn” nên có bộ trùng “虫”. Nếu sử dụng phương pháp này chúng tôi cho rằng có thể giúp người học tránh được nhiều lỗi sai.

3. Kết quả đạt được

Để minh chứng cho việc áp dụng sáu phương pháp giảng dạy trên đối với sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất là thích hợp, nhóm tác giả lại tiếp tục tiến hành khảo sát lần thứ 2 với trên 14 chữ Hán trên sau khi áp dụng 06 phương pháp trên. Kết quả khảo sát được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Yếu tố	Trước khi áp dụng phương pháp giảng dạy ghi nhớ chữ Hán		Sau khi áp dụng các phương pháp giảng dạy ghi nhớ chữ Hán	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Viết đúng	938	53.75%	1357	77.77%
Viết sai	298	17.08%	87	4.99%
Viết nhầm	201	11.52%	180	10.32%
Biến dạng	75	4.30%	18	1.03%
Viết ẩu	233	13.35%	103	5.90%

Bảng 16: Bảng thống kê kết quả điều tra chất lượng viết chữ Hán của sinh viên K66, K67 trước và sau khi áp dụng phương pháp giảng dạy ghi nhớ chữ Hán

Kết quả phân tích các mẫu khảo sát trên cho thấy: Sau khi áp dụng 06 phương pháp giảng dạy ghi nhớ chữ Hán mà nhóm tác giả đề xuất ở trên thì tỷ lệ viết đúng chữ Hán tăng lên từ 53,75% lên 77,77%. Tỷ lệ viết sai giảm rõ rệt từ 17,08% xuống còn 4,99% điều này chứng tỏ sinh viên đã biết cách vận dụng phương pháp các phân tích chữ để ghi nhớ chữ Hán, đặc biệt là phương pháp phân tích theo bộ thủ, phương pháp quy loại các hiện tượng hay bị nhầm. Tỷ lệ chữ viết ẩu cũng giảm từ 13,35% xuống còn 5,9% chứng tỏ sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng khi viết ẩu, chữ Hán không

giống như các loại chữ khác, chỉ cần người viết ầu (độ dài ngắn các nét khác nhau, nhằm lẫn giữa các nét đặc biệt là nét ngang với nét phẩy) thì kết quả chữ Hán đó bị chuyển nghĩa hoặc không có nghĩa. Riêng tỷ lệ viết nhằm vẫn còn nhiều, có lẽ là do hiện tượng đồng âm trong tiếng Hán gây nên.

Điều này chứng tỏ sinh viên đã có ấn tượng và biết vận dụng các phương pháp trên vào việc phân tích chữ Hán. Đây cũng là các nhóm phương pháp mà giáo viên được khảo sát hay vận dụng để giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp. Điều này cũng khẳng định những phương pháp giảng dạy chữ Hán của nhóm tác giả phù hợp cho sinh viên khối không chuyên của Trường Đại học Mở - Địa chất.

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của nhóm tác giả nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất. Thông qua những kết quả đã thu thập được từ việc khảo sát, nhóm tác giả đã nghiên cứu phương pháp dạy chữ Hán mà nhóm tác giả cho là phù hợp với đặc thù của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất. Nội dung đề tài bắt đầu từ phần khái quát tình hình dạy và học chữ Hán trong và ngoài nước, tổng quan lý thuyết. Thông qua kết quả khảo sát nhóm tác giả nghiên cứu chọn ra phương pháp giảng dạy chữ Hán chính mà nhóm tác giả thấy thực sự đem lại hiệu quả giúp sinh viên trong việc ghi nhớ chữ Hán, đó là các phương pháp: *Phương pháp dạy chữ Hán theo quy tắc bút thuận*, *Phương pháp dạy viết theo bộ thủ kết hợp với phân tích chữ*, *Phương pháp chiết tự*, *Phương pháp thuyết giảng quy loại hiện tượng dễ bị nhầm*, *Phương pháp lặp lại thực hành*, *Sử dụng phương pháp tổng hợp*. Không những thế, nhóm tác giả tiếp tục đi sâu nghiên cứu về tổng quan về chữ Hán để tìm hiểu đặc điểm, cấu tạo của chữ Hán và các phương pháp giảng dạy chữ Hán được áp dụng để dạy chữ Hán cho người học, đồng thời phân tích những ưu và nhược điểm của các phương pháp giảng dạy trên.

Thông qua kết quả khảo sát về việc học chữ Hán của sinh viên để tiến hành phân tích, quy loại các lỗi mà sinh viên thường hay mắc phải. Mặt khác nhóm nghiên cứu thông qua việc khảo sát giáo viên để tìm hiểu các quan điểm, phương pháp giảng dạy chữ Hán giai đoạn sơ cấp mà họ đã và đang áp dụng. Để từ đó, nhóm tác giả áp dụng các phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất.

Người học tiếng Trung nhất là trong giai đoạn sơ cấp thì đều gặp phải vấn đề mắc lỗi sai chữ Hán. Đây là hiện tượng tất yếu trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ Trung Quốc. Nguyên nhân gây ra các lỗi sai rất đa dạng, bao gồm ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích, yếu tố văn hóa, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, ảnh hưởng của môi trường học tập... Nhóm tác giả đã phân tích các ví dụ lỗi sai trong cách viết chữ Hán của người học, điều này làm cơ sở để tìm ra phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp với người học, chiến lược ứng dụng các phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung tại Trường Đại học Mở - Địa chất.

Với việc khảo sát từ phía người dạy đã góp phần giúp nhóm nghiên cứu hiểu thêm

được cách nhìn nhận và phương pháp giảng dạy về việc giảng dạy tiếng Trung (đặc biệt là chữ Hán) trong giai đoạn sơ cấp. Kết quả khảo sát từ phía người học đã giúp nhóm nghiên cứu hiểu và nắm bắt được những mong muốn về phương pháp giảng dạy và khó khăn, hạn chế khi học chữ Hán. Điều này có vai trò hết sức quan trọng trong việc thiết giúp nhóm tác giả đề xuất phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu của sinh viên trong Trường Đại học Mở - Địa chất.

Các kết quả nghiên cứu chính của đề tài

Thứ 1: Có 11 phương pháp giảng dạy tiếng Trung đã và đang được áp dụng trong việc giảng dạy tiếng Trung Quốc, đó là: Phương pháp dạy chữ Hán theo quy tắc bút thuận, Phương pháp dạy chữ Hán theo kiểu truyền thống, Phương pháp dạy chữ Hán theo bộ thủ, bộ kiện, Phương pháp qua liên tưởng hình ảnh, đồ vật, Phương pháp phân tích ngữ nghĩa, Phương pháp sử dụng trò chơi, Phương pháp giảng dạy chữ Hán đa phương tiện, Phương pháp luyện tập thường xuyên, Phương pháp học qua bối cảnh văn hóa, Phương pháp dạy chữ Hán theo chiết tự, Phương pháp thuyết giảng quy loại hiện tượng dễ bị nhầm. Đồng thời tác giả cũng tiến hành tìm ra được những ưu và nhược điểm trong mỗi phương pháp giảng dạy đó.

Thứ 2: Tìm hiểu được cách nhìn nhận, đánh giá và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc nói chung, chữ Hán nói riêng của một số giảng viên tại các cơ sở đào tạo. Đồng thời cũng tìm hiểu được những khó khăn, hạn chế và mong muốn của sinh viên trong việc học môn tiếng Trung tại Trường Đại học Mở - Địa chất.

Kiến nghị

Về phía nhà trường và khoa bộ môn, cần phải thay đổi giáo trình, tăng thời lượng giảng dạy môn tiếng Trung, nên bố trí thêm một đến hai tiết giảng dạy chuyên môn Hán tự để nhằm tăng thêm lượng từ vựng, đồng thời hạn chế được vấn đề quên chữ của sinh viên. Bên cạnh đó cần thiết kế lộ trình giảng dạy kết hợp học tập và giải trí, tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc hội thảo để sinh viên giao lưu kiến thức và trao đổi kinh nghiệm với nhau.

Về phía giảng viên, trong quá trình dạy chữ Hán, giảng viên căn cứ vào các phương pháp giảng dạy đã kiến nghị ở trên mà dẫn dắt người học suy nghĩ theo chiều hướng tưởng tượng phong phú, phân tích quy tắc bút thuận thông qua kết cấu của chữ, giúp người học tránh nhầm lẫn giữa các chữ có nét tương đồng, sử dụng phương pháp triết tự với những từ phức tạp, sử dụng phương pháp kiểm tra thường xuyên.... Ngoài ra, giảng viên có thể mượn kết cấu chữ Hán, tạo thành những câu đố, áp dụng vào việc kiểm tra thường ngày, thúc đẩy tư duy và việc tự học của sinh viên.

Về phía sinh viên thì cần có sự kiên trì, chăm chỉ, tự tìm ra phương pháp học phù hợp với bản thân để có thể ghi nhớ chữ lâu dài. Sinh viên khi mới bắt đầu cần học kỹ những nét cơ bản, các quy tắc viết theo nét bút thuận, theo bộ thủ cơ bản. Sau dần, có thể áp dụng phương pháp học chữ theo chiết tự, về câu chuyện của chữ hay qua các câu thơ, ca dao, phân tích quy loại các hiện tượng hay bị nhầm... Đây là các phương pháp học lâu đời, đã được nhiều người áp dụng.

Hạn chế của Đề tài

Do hạn chế về mặt thời gian và phạm vi nghiên cứu của đề tài nên kết quả nghiên cứu chỉ ở mức độ khiêm tốn. Nhóm nghiên cứu mới khảo sát được ở một số giảng viên, sinh viên và một loại giáo trình hiện đang sử dụng để giảng dạy môn tiếng Trung tại Trường Đại học Mở - Địa chất. Nếu phạm vi nghiên cứu không chỉ dừng lại ở một giáo trình, ở một trình độ nhất định, thì kết quả nghiên cứu của Đề tài sẽ thuyết phục hơn, và khi đó có thể phát triển đề tài dưới góc độ nghiên cứu và đề xuất phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên học tiếng Trung Quốc giai đoạn trung và cao cấp trong môi trường không chuyên ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Ngọc Hàm, *Chữ Hán chữ và nghĩa*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2011
- [2] Đỗ Phương Thảo. *Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho người học dân tộc thiểu số - Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hà Giang*. Luận văn thạc sĩ, 2011.
- [3] Bùi Thị Trang, *Phân tích lỗi sai trong quá trình dạy và học chữ Hán ở Việt Nam giai đoạn sơ cấp*. Luận văn thạc sĩ, 2013.
- [4] Lê Xuân Thảo, *Thực trạng và những biện pháp nâng cao chất lượng viết chữ Hán của người học khoa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc*, Đại học Quốc gia, Hà Nội, đề tài NCKH cấp trường, 2007
- [5] Bùi Huy Cường, *Đặc điểm chữ Hán và phương pháp dạy học chữ Hán giai đoạn cơ sở*, Học viện kỹ thuật Quân sự, số 3-9, 2016
- [6] Hoàng Thị Thu Thủy, *Cách dạy và học chữ Hán của người Việt xưa dưới góc nhìn của phương pháp giảng dạy hiện đại*, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, 2019.
- [7] Vương Tiểu Nam. *Phân tích lỗi sai khi viết chữ Hán của lưu người học Việt Nam - Luận văn thạc sĩ Học viện Sư phạm Yên Nam*, 2009, Tr. 1-2.
- [8] Ngô Thị Oanh, “*Phân tích thực trạng viết chữ Hán của lưu người học Việt Nam*”, trường Đại học Tây Bắc (Trung Quốc) (吴氏莺 · 《各阶段的越南留学生汉字书写分析》, 2011.
- [9] Trương Gia Quyền, Trần Thị Thu Hằng, “*Phương pháp nhận thức khi học chữ Hán của người học Việt Nam – lấy trường phái giảng dạy nhận biết và viết chữ Hán làm ví dụ*” (张家权、阮氏秋姮 《越南学生学习汉字的方法, 学生书写汉字的偏误问题及汉字教学建议—以胡志明市国家大学中国语文系为例》 海外华文教育, 2017 年), năm 2017.
- [10] Lục Quán Châu, Thi Trọng Hiền, Hoàng Vận Linh, Giản Uyên Như, tuyển tập tóm tắt luận văn hội thảo nghiên cứu quốc tế giáo dục chữ Hán và chữ Hán, năm 2017 lần thứ 7 “陆冠州, 施忠贤, 黄韵玲, 简婉茹, 越南学生学习汉字的认知策略. 以识写分流教学为例” 第七届汉字 与汉字教育国际研讨会论文摘要集, 2017 年.
- [11] 吴卢春, 孙亚楠. *原型理论对汉字教学的启示*[J]. 赤峰学院学报, 2010.
- [12] 迟安然. “六书” 理论在对外汉字教学中的应用 [D]. 吉林大学, 2012.
- [13] 苏培成. “*现代汉字学纲要*”. 北京大学出版社, 2004, Tr. 26-34.
- [14] Mã Hiên Lâm, “*Hán tự học hiện đại*”, nhà xuất bản Tế Nam, 2013 trang 53-91. 马显彬 《现代汉字学》. 暨南大学出版社, 2013: 53-91

[15] Ngô Lô Xuân, Tôn Nhã Nam “*Gợi ý phương pháp lý luận giảng dạy chữ Hán*”, tạp chí Học viện Nghệ Phong, năm 2010. 吴卢春, 孙亚楠 “*原型理论对汉字教学的启示*”[J].赤峰学院学报, 2010.

[16] Trần Thúy Bảo, “*Tác dụng của việc giảng dạy chữ Hán bằng phương pháp gợi nhớ qua đồ vật, thẻ, tranh vẽ*”, nhà xuất bản Tế Nam, năm 2010. 陈翠宝. *图画启发外国学生在汉字学习过程中的原型配对作用* [D].暨南大学, 2010.

[17] Chì An Nhiên, “*Ứng dụng Lục Thư*” vào phương pháp giảng dạy chữ Hán”, nhà xuất bản Đại học Cát Lâm, 2012. 迟安然.“*六书*” 理论在对外汉字教学中的应用 [D].吉林大学, 2012.

[18] Lý Phồn, “*Phương pháp dạy chữ Hán sử dụng trò chơi - với đối tượng mới bắt đầu học chữ Hán thuộc hệ Phi chữ Hán*”, nhà xuất bản Ngoại ngữ Đại học Thượng Hải, 2010. 李攀. *支架汉字教学模式——针对非汉字圈的汉语初学者*[D].上海外国语大学, 2010.

[19] Thích Xuân Hoàng, Vương Vỹ Triệu, “*Kiến thức cơ bản trong giảng dạy tiếng Trung Quốc*”, 2020 trang 48-63, 施春宏、王伟超. 《*汉语基本知识(汉字篇)*》, 2020: 48-63.

[20] Diệu Mỹ Na, “*Ứng dụng phương pháp dạy chữ Hán trong tiếng Trung Quốc*”, tạp chí nghiên cứu kinh tế, 2012 (2), trang 258,259. 姚美娜. *字本位在对外汉语词汇教学中的应用*[J].经济研究导刊, 2012(2): 258-259.

[21] Trương Hy Xương, “*Bàn luận về tác dụng dạy chữ Hán qua bộ thủ và chữ hình thanh*”, năm 2007, trang 21-28. 张熙昌. *论形声字声旁在汉字教学中的作用*[J].语言教学与研究, 2007(2): 21-28.

Phụ lục 1: Phiếu khảo sát dành cho giảng viên

1. Bạn cho rằng việc dạy chữ Hán có quan trọng không?
A. Có B. Không
2. Bạn cho rằng việc dạy chữ Hán có nên dạy đặt lòng trong ngữ cảnh không?
A. Có B. Không
3. Bạn cho rằng nên dạy chữ Hán trước hay dạy khẩu ngữ trước ?
A. Dạy chữ Hán trước B. Dạy khẩu ngữ trước
4. Bạn cho rằng việc dạy tiếng Trung nên bắt đầu từ kỹ năng nào trước ?
A. Nghe B. Nói C. Đọc D. Viết
5. Trong quá trình giảng dạy, thời gian bạn dành cho việc dạy chữ Hán chiếm bao nhiêu phần trăm ?
A. 10-20% B. 50-60%
B. 30-40% D. 70-80%
6. Bạn cảm nhận sinh viên có cảm thấy hứng thú với chữ Hán không?
A. Đại bộ phận có hứng thú
B. Chỉ một phần nhỏ
C. Không cảm thấy hứng thú
7. Trường của bạn có dạy riêng môn luyện viết chữ Hán không?
A. Có B. Không
8. Bạn đánh giá giáo trình Quý trường đang sử dụng để dạy chữ Hán như thế nào ?
A. Hay B. Bình thường C. Không hay
9. Thời gian bạn dành cho việc dạy phiên âm là bao lâu?
A. 9 tiết C. 15 tiết
B. 21 tiết D. 27 tiết
10. Dạy chữ Hán có nên phân giai đoạn (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) để dạy không?
A. Không B. Có
11. Bạn cho rằng quy tắc bút thuận quan trọng không ?
A. Có B. Không
12. Giai đoạn sơ cấp dạy chữ Hán, phiên âm chiếm tỷ trọng bao nhiêu % ?
A. 10-20% B. 50-60%
C. 30-40% D. 70-80%
13. Khi sinh viên viết sai chữ có nên sửa ngay lúc đó không?
A. Có B. Không
14. Bạn cho rằng nội dung nào nên cải tiến trong quá trình dạy chữ Hán ?
A. Phương pháp dạy C. Nội dung dạy

B. Đề cương dạy

D. Giáo trình

15. Ở lớp của bạn, sinh viên nhận biết chữ Hán tốt chiếm tỷ trọng bao nhiêu ?

A. 10-20%

B. 30-40%

C. 50%

D. Trên 50%

16. Bạn thường dùng phương pháp nào để giảng dạy chữ Hán ?

A. Phương pháp giảng dạy theo bộ kiện chữ Hán

B. Phương pháp giảng dạy dựa trên văn hóa chữ hán

C. Phương pháp lặp lại liên tục

D. Phương pháp tổng hợp

E. Phương pháp tạo trò chơi

F. Phương pháp sử dụng thẻ nhớ

G. Phương pháp khác

17. Đối với việc giảng dạy chữ Hán trong giai đoạn sơ cấp, bạn có kiến nghị gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 2: Phiếu khảo sát dành cho sinh viên

Họ và tên tiếng Trung:

Phiên âm:

Giới tính:

1. Đây có phải là lần đầu tiên bạn học tiếng Trung ?
A. Có B. Không
2. Bạn học tiếng Trung được bao lâu?
A. Mới học B. 3 tháng C. 6 tháng D. Gần 1 năm
3. Trước khi học tiếng Trung bạn có biết gì về ngôn ngữ này không?
A. Có B. Không
4. Bạn có thích học tiếng Trung không?
A. Có B. Không
5. Bạn có thích viết chữ Hán không?
A. Có B. Không
6. Bạn nghĩ học chữ Hán có quan trọng không ?
A. Có B. Không
7. Bạn nghĩ chữ Hán khó hay không?
A. Rất khó B. Khó C. Không khó D. Dễ
8. Bạn thấy kỹ năng nào trong tiếng Trung **dễ** học nhất?
A. Nghe B. Nói C. Đọc D. Viết
9. Bạn thấy kỹ năng nào trong tiếng Trung **khó** học nhất?
A. Nghe B. Nói C. Đọc D. Viết
10. Bạn có thường xuyên dành thời gian cho việc ôn luyện chữ Hán không ?
A. Thường xuyên B. Thi thoảng C. Không
11. Bạn nghĩ học chữ Hán thế nào là hiệu quả ?
A. Thông qua hướng dẫn của giáo viên
B. Thông qua tự ôn luyện
12. Trong các phương pháp sau đây, bạn nghĩ phương pháp nào giúp bạn ghi nhớ chữ Hán nhanh nhất?
A. Nghe giảng viên phân tích chữ
B. Chép lại chữ theo sách
C. Chép theo hướng dẫn của giáo viên
D. Học thông qua giao tiếp
13. Học chữ Hán riêng biệt hay học câu đặt trong ngữ cảnh, bạn thấy học cái nào tốt hơn?
A. Riêng biệt B. Học câu đặt trong ngữ cảnh
14. Bạn gặp phải trở ngại gì khi học chữ Hán? (nhiều lựa chọn)
A. Chữ Hán khác với chữ nước ta
B. Thật khó để nhớ chữ
C. Không có đủ thời gian để học

- D. Giáo trình không phù hợp
- E. Ít sử dụng trong cuộc sống hàng ngày
- F. Lý do khác:.....

15. Bạn thích phương pháp dạy nào khi học chữ Hán? (nhiều lựa chọn)

- A. Dạy bằng ngôn ngữ tình huống
- B. Dạy bằng phương pháp chiết tự
- C. Dạy bằng đồ vật hoặc thẻ flash card
- D. Dạy thông qua trò chơi
- E. Luyện đi luyện lại nhiều lần
- F. Phương pháp phân tích bộ kiện, bộ thủ
- G. Kể câu chuyện liên quan đến văn hóa
- H. Dạy theo quy tắc bút thuận

16. Bạn có sử dụng sách luyện chữ Hán (汉字本) để luyện chữ không?

- A. Có
- B. Không

17. Giai đoạn sơ cấp, phương pháp ghi nhớ chữ Hán mà bạn hay sử dụng nhất (Chọn tối đa 3 phương pháp)

- A. Học thuộc lòng cả chữ
- B. Học 1 phần bộ thủ
- C. Dựa vào hình dạng chữ để học thuộc lòng
- D. Sử dụng phương pháp chiết tự
- E. Sử dụng câu chuyện văn hóa chữ Hán - Hiểu về kết cấu chữ Hán, nguồn gốc và các câu chuyện liên quan
- F. Sử dụng các bộ giống nhau để nhớ chữ
- G. Căn cứ vào ý nghĩa bộ thủ chữ Hán, tự biên soạn câu chuyện của chính mình

18. Bạn có thích giáo trình học tiếng Trung đang sử dụng không?

- A Có
- B Không
- C Tạm ổn

19. Bạn có kiến nghị gì về việc dạy chữ Hán ?

- A. Kiểm tra viết chữ Hán thường xuyên trên lớp
- B. Tăng thời gian dạy về chữ Hán
- C. Giảng viên đặt nhiều ví dụ với các chữ đã học
- D. Phân tích nhiều, sâu hơn nữa về chữ Hán
- E. Nên dạy chữ Hán theo bộ, chia nhỏ phân tích chữ

20. Bạn hãy viết các chữ Hán sau theo phiên âm cho sẵn:

Wǒ	<input type="text"/>	Nán	<input type="text"/>	Hǎo	<input type="text"/>	Yín	<input type="text"/>	Mài	<input type="text"/>	Liǎng	<input type="text"/>	Tiān	<input type="text"/>
Jī	<input type="text"/>	Zài	<input type="text"/>	Xué	<input type="text"/>	Xiào	<input type="text"/>	Fú	<input type="text"/>	Dì	<input type="text"/>	Zhù	<input type="text"/>

Phụ lục 3: Sản phẩm khoa học của đề tài

Bài báo đăng trên tạp chí trong nước



MỤC LỤC

Trang

KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập, nghiên cứu lý luận chính trị và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay	3
LẠI SƠN TÙNG	Khái niệm và đặc điểm về pháp luật về trách nhiệm sản phẩm của nhà cung cấp hàng hóa	10
NGUYỄN VĂN TRÒN	Hòa giải giữa nạn nhân và người phạm tội theo hướng tư pháp phục hồi trong pháp luật hình sự của Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam	19
ĐINH TẤN PHONG	Quản lý đất đai theo định hướng "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn" ở Việt Nam hiện nay	29
NGUYỄN MINH TUẤN TRẦN THANH XUÂN	Những sáng tạo về lập pháp của quốc triều hình luật thời Lê	39
TRẦN HOÀNG LUÂN	Bất cập trong việc thanh toán và hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn - giải pháp và kiến nghị	47
NGUYỄN NĂNG QUANG	Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân tại Tòa án Cộng hòa liên bang Đức: Nghiên cứu so sánh và gợi mở bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	55
TRẦN ANH SƠN	Phân tích khả năng sinh lời ở các doanh vận tải biển niêm yết trên thị trường chứng khoán theo mô hình DUPONT	65
VŨ THỊ HỒNG DIỆP	Mô hình kinh tế xanh ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm khi phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam	74
BÙI VĂN AN	Yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho công nhân các khu công nghiệp Đồng Nai	81
BÙI THANH BÌNH TRẦN THỊ THANH MINH	Phát triển nguồn nhân lực ở tỉnh Lai Châu	91
HOÀNG THỊ NGÂN	Thực hiện chức năng kiến tạo phát triển của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay	98
NGUYỄN THỊ LINH	Yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng trong công việc của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	106

KHOA HỌC NHÂN VĂN

TRẦN THỊ THU HIỀN (và nhóm tác giả)	Giải pháp tạo hứng thú học chữ Hán cho sinh viên trong giảng dạy tiếng Trung	114
--	--	-----

CONTENTS

Page

SOCIAL SCIENCES

NGUYEN THI TUYET MAI	Ho Chi Minh's ideology on learning and studying Political Theory and its Application by our Party today	3
LAI SON TUNG	Em bổ sung sau	10
NGUYEN VAN TRON	Reconciliation between victims and offenders through Restorative Justice in German Criminal Law and its Implications for Vietnam	19
DINH TAN PHONG	Land management under the direction of "small government, large society" in Vietnam nowadays.	29
NGUYEN MINH TUAN TRAN THANH XUAN	Creative legislative innovations of the legal system during the Le dynasty	39
TRAN HOANG LUAN	Em bổ sung sau	47
NGUYEN NANG QUANG	Resolving individual labor disputes in the federal labor court of Germany: A comparative study and lessons for Vietnam	55
TRAN ANH SON	Analyzing profitability potential of listed maritime transportation businesses on the stock market using the Dupont model	65
VU THI HONG DIEP	Green economy in some countries and lessons learned for green economic development in Vietnam	74
BUI VAN AN	Factors affecting the popularization and education of law enforcement for workers in Dong Nai's manufacturing facilities	81
BUI THANH BINH TRAN THI THANH MINH	Human resource development in Lai Chau province	91
HOANG THI NGAN	The Implementation of the Function of Creating and Developing Universities in Vietnam Today	98
NGUYEN THI LINH	Factors Influencing Job Satisfaction among Faculty Members at the University of Science, Thai Nguyen University	106

HUMANE SCIENCES

TRAN THI THU HIEN (and group of authors)	Solutions to create interest in learning Chinese characters for students in teaching Chinese.	114
---	---	-----

GIẢI PHÁP TẠO HỨNG THÚ HỌC CHỮ HÁN CHO SINH VIÊN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG

TRẦN THỊ THU HIỀN*

NGUYỄN THỊ VĨNH HÀ**

NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH***

ĐỖ HỮU HOÀNG BÁCH****

Tóm tắt: Phương pháp giảng dạy chữ Hán trong tiếng Trung có ý nghĩa rất quan trọng, vì chữ Hán khó hiểu và khó ghi nhớ nên giảng viên phải áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực và thú vị trong giờ học để sinh viên biết học, ham học, vui học chữ Hán, từ đó có thể giúp sinh viên vượt qua các rào cản, giảm bớt khó khăn trong việc học chữ Hán, nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức về chữ Hán; Đây cũng chính là đặt nền tảng vững chắc để sinh viên học tốt hơn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời đảm bảo quá trình giảng dạy diễn ra thuận lợi, đạt được hiệu quả giảng dạy và đạt được mục đích đào tạo.

Từ khóa: Phương pháp giảng dạy; chữ Hán; hứng thú; tiếng Trung

Abstract: The teaching method of Chinese characters in Chinese language education is very important, because Chinese characters are difficult to understand and memorize, teachers must employ active and engaging teaching methods to foster students' interest, motivation, and enjoyment in learning Chinese characters. This approach can help students overcome barriers and reduce difficulties in learning Chinese characters while enhancing their knowledge absorption effectively.; This is also laying a solid foundation for students to better learn listening, speaking, reading, and writing skills, ensuring a smooth and successful teaching process that achieves the desired educational outcomes.

Keywords: Teaching methods; Chinese characters; interest; Chinese

Đặt vấn đề

Vấn đề giảng dạy chữ Hán thường là một điểm khó trong suốt quá trình giảng dạy tiếng Trung. Nguyên nhân thứ nhất là do chữ Hán không thuộc hệ chữ viết phiên âm, không phải là chữ cái ghép vần; Thứ hai, số lượng chữ Hán nhiều và kết cấu phức tạp, sinh viên thấy khó học, dẫn đến sợ học chữ Hán; Thứ ba, nền tảng chuyên môn của một số giảng viên chưa vững vàng nên vẫn còn hạn chế hiểu biết đầy đủ về chữ Hán, chưa thực sự nắm vững vị trí, vai

trò của việc dạy chữ Hán trong rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung, ngoài ra thời lượng giảng dạy còn hạn chế; Thứ tư, việc áp dụng phương pháp giảng dạy chữ Hán chưa được cân bằng và toàn diện, đôi khi giảng viên chưa chú ý đầy đủ đến động cơ học tập của sinh viên, chưa quan tâm đến sự khác biệt cá nhân của người học.

1. Cơ sở lý thuyết

Theo 骆小所¹, chữ Hán thuộc loại văn tự

* TS., Giảng viên trường Đại học Mỏ - Địa chất; Email: hientranhsk@gmail.com

** ThS., Giảng viên trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội.

*** ThS., giảng viên trường Đại học Mỏ - Địa chất.

**** ThS., giảng viên trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị.

¹ 骆小所主编,《现代汉语引论》,云南人民出版社,1999.

khó đọc, khó nhớ, khó viết. Do đó giảng viên phải áp dụng các phương pháp giảng dạy tăng hứng thú ham học chữ Hán cho sinh viên. Từ lý thuyết tâm lý học và các nghiên cứu trạng thái tâm lý của người học, hứng thú học tập là xu hướng tâm lý tích cực có từ kết quả của hoạt động tế bào thần kinh não bộ khi tham gia các hoạt động khám phá có hướng dẫn đúng phương pháp.² Theo “Thuyết văn giải tự” của Hứa Thận, lý luận lục thư đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa hình và nghĩa của chữ Hán, đồng thời có thể giúp người học ghi nhớ âm, hình và nghĩa của chữ Hán tốt hơn, điều này được ứng dụng rộng rãi trong việc dạy học và nghiên cứu chữ Hán cho tới nay.³ Phương pháp giảng dạy tạo hứng thú học chữ Hán cho sinh viên có những ưu điểm sau:

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy tạo hứng thú học chữ Hán cho sinh viên, làm cho bầu không khí lớp học dễ chịu và tự nhiên dẫn tới sinh viên có tâm lý thoải mái dễ tiếp thu kiến thức, đồng thời là cách hiệu quả để củng cố trí nhớ, sinh viên có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập, làm giảm đi nỗi sợ chữ Hán, nâng cao sự tự tin trong học tập và bảo vệ hứng thú học tập của sinh viên.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy tạo hứng thú học chữ Hán cho sinh viên được giảng viên sử dụng chỉnh linh hoạt theo tình hình lớp học, hoàn toàn trái ngược với cách “dạy theo công thức cố định”. Giảng viên thiết kế nội dung giảng dạy có tính cá nhân hóa để sinh viên có học tốt hơn, học nhanh hơn do sinh viên được thực hành nhiều hơn, đạt được hiệu quả dạy và học tốt hơn.

Thứ ba, phương pháp giảng dạy tạo hứng thú cho sinh viên học chữ Hán có lợi cho việc xây dựng văn hóa lớp học, có thể tạo ra giờ học tiếng Trung ấm áp, hài hòa, tích cực tương tác đồng thời đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Trong những năm gần đây, giảng dạy chữ Hán đã được chú trọng nhưng việc nghiên cứu giảng dạy chữ Hán tạo hứng thú học tập cho sinh viên cũng như nghiên cứu phương pháp dạy học tích cực đối chữ Hán đều chưa đủ sâu, chưa nhiều.

Chúng tôi cho rằng sử dụng các phương pháp giảng dạy tạo hứng thú học chữ Hán cho sinh viên là công việc quan trọng trong việc giảng dạy tiếng Trung để khơi dậy tinh thần ham học chữ Hán vì học tốt chữ Hán sẽ tạo nền tảng quan trọng, một mặt giúp nâng cao trình độ tiếng Trung của sinh viên, giúp sinh viên phát triển trí tuệ và tiềm năng ngôn ngữ; mặt khác, nó giúp sinh viên còn có thể tìm hiểu được đặc trưng tinh hoa văn hóa của dân tộc Trung Hoa trong chữ Hán.

2. Tầm quan trọng của việc dạy chữ Hán

Từ trước đến nay, các ngôn ngữ có chữ viết thường biểu thị ngữ âm và liên quan đến ngữ nghĩa, đặc biệt là các ngôn ngữ phương Tây, hơn nữa số lượng chữ rất ít nên việc dạy viết chữ rất đơn giản. Còn chữ Hán trong tiếng Trung thì có tính biểu ý, do đó giảng dạy chữ Hán đóng vai trò rất quan trọng đối với dạy và học tiếng Trung.⁴ Tầm quan trọng của việc dạy chữ Hán bắt nguồn từ tầm quan trọng của chữ Hán đối với tiếng Trung, chủ yếu thể hiện ở các phương diện sau:

² 周健,《汉字教学理论与方法》[M]. 北京大学出版社, 2007

³ 许慎撰,《说文解字》,中华书局出版社, 1963

⁴ 周健,2007,《汉字教学理论与方法》[M].北京:北京大学出版社

2.1. Mối liên hệ giữa hình, âm và nghĩa trong chữ Hán

Các lý thuyết ngôn ngữ học hiện nay thường cho rằng chữ viết và ngôn ngữ có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng ở các ngôn ngữ khác nhau, mức độ gắn bó chặt chẽ giữa ngôn ngữ và chữ viết khác nhau. Chữ viết có ba yếu tố là âm, hình, nghĩa, trong đó hình là cốt lõi, con người thông qua quan sát hình thái chữ để hiểu gián tiếp âm thanh và ý nghĩa của chữ. Các ngôn ngữ khác nhau thì âm và ý của chữ viết là khác nhau, trong chữ viết của hệ thống ngữ âm, hình và âm có liên quan trực tiếp, hình và nghĩa của chữ có liên quan gián tiếp. Tiếng Trung là một ngôn ngữ tương đối đặc biệt, trong đó chức năng của chữ Hán đóng vai trò mấu chốt vì trong khi chữ Hán là chữ viết của hệ thống biểu ý, hình thái chữ Hán có liên quan trực tiếp đến ý nghĩa chữ Hán, hình thái chữ Hán và liên quan gián tiếp đến cách phát âm.

Ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu kết hợp giữa âm và nghĩa có vai trò giao tiếp. Do đó chữ viết của biểu ý và ngôn ngữ có mối quan hệ chặt chẽ hơn so với chữ viết biểu âm. Qua đây có thể thấy mối quan hệ mật thiết giữa chữ Hán và tiếng Trung được thể hiện ở các đặc điểm sau:

2.1.1 Tính biểu ý của chữ Hán có ảnh hưởng đến việc hình thành nghĩa của từ

Nghĩa của từ trong tiếng Trung phần lớn được dựa trên nghĩa của các chữ Hán, trong số các từ ngữ tiếng Trung, những từ ngữ không liên quan gì đến nghĩa của chữ Hán chủ yếu là các từ ghép có 2 âm tiết và phiên âm ngoại lai. Nghĩa của các từ đơn trong tiếng Trung thường là ý nghĩa gốc hoặc ý nghĩa mở rộng của các chữ Hán, ví dụ: 人 người, 手 tay, 刀 dao, 雨 mưa, 山 núi... Nghĩa của các từ song âm tiết trong tiếng

Trung thường là nghĩa tổ hợp của các chữ Hán, ví dụ: 工人 công nhân, 食堂 nhà ăn, 商店 cửa hàng, 教室 lớp học... hoặc nghĩa mở rộng sau khi kết hợp sử dụng các chữ Hán, ví dụ: 火 nóng rực, 面 mặt quen quen, 胆小 rụt rè... Do đó nghĩa của chữ Hán và nghĩa của từ ngữ tiếng Trung có mối liên hệ chặt chẽ và khác biệt so với các ngôn ngữ khác. Từ góc độ giảng dạy tiếng Trung, giảng viên có thể chọn lọc các phương pháp dạy chữ Hán giúp sinh viên nắm được nghĩa của chữ Hán thì sẽ hiểu được nghĩa của từ.

2.1.2 Tính tượng hình của chữ Hán có ảnh hưởng đến việc hiểu nghĩa của từ

Hầu hết các chữ Hán được hình thành theo sáu loại cấu tạo chữ: chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh, chữ giả tá, chữ chuyển chú, trong đó chữ hình thanh chiếm số lượng nhiều nhất (80% toàn bộ chữ Hán). Mặc dù tính tượng hình của chữ Hán đã bị suy yếu sau khi trải qua những thay đổi về lịch sử, nhưng đối với chữ hình thanh, điều này không ảnh hưởng đến việc hiểu nghĩa của chữ Hán theo cách cấu tạo chữ. Chữ hình thanh là những chữ bao gồm hai phần: phần hình (形) là thể hiện ý nghĩa chính mà đã được dùng từ lâu đời, và phần thanh (声) là phần thể hiện cách phát âm chính xác của từ đó. Ví dụ: các chữ Hán có bộ thủ “扌” (bộ tài gậy) với hành động có liên quan đến “tay” (打 đập, 抽 rút, 抓 nắm, 按 ấn), hoặc chữ Hán có liên quan đến “火 lửa” bộ hỏa (热 nóng, 煮 nấu, 熟 chín, 煎 chiên), các chữ Hán có bộ thủ “宀” (bộ miên) hầu hết liên quan đến “nhà” (宅 nơi ở, 灾 tai họa, 室 phòng, 宫 cung điện, 家 nhà).

2.1.3 Chữ Hán có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển tiếng Trung

Sau khi chữ Hán hình thành, ngôn ngữ viết của tiếng Trung được hình thành dựa

trên cơ sở các chữ Hán. Quy tắc ngữ âm của tiếng Trung thường được biểu hiện dưới dạng quy tắc âm chữ Hán. Trong lịch sử Trung Quốc, các văn bản như “Tam Tự Kinh”, “Bách gia tính”, “Thiên tự văn...” đều sử dụng quy tắc âm chữ trong giảng dạy để làm tiền đề cho quy tắc ngữ âm của tiếng Trung. Trong quy tắc tiếng phổ thông Trung Quốc, quy tắc âm chữ của 3500 chữ Hán thông dụng cũng là căn cứ ngữ âm của tiếng Trung hiện đại. Một số từ tiếng Trung hiện đại được hình thành trên cơ sở các chữ Hán, ví dụ: 日、月、明; 山、出; 人、从、众...

2.2. Nắm vững chữ Hán giúp ích cho việc học tiếng Trung

Do chữ Hán có quan hệ mật thiết với tiếng Trung nên nếu giảng viên chú trọng vai trò chữ Hán thì sẽ nâng cao được trình độ và hiệu quả giảng dạy, đồng thời sẽ giúp cho người học có thể vượt qua tâm lý sợ chữ Hán, linh hoạt và chủ động hơn trong tiếp thu kiến thức, từ đó cũng phát huy năng lực chủ động quan sát, tìm tòi và tạo hứng thú cho người học.

2.2.1. Nắm vững nghĩa của chữ Hán để việc học tập trở nên đơn giản

Theo một số nghiên cứu, sự tồn tại và biến đổi âm của chữ Hán trong âm của từ ngữ tiếng Trung có mối quan hệ mật thiết. Sinh viên nhớ được nhiều chữ Hán thì vốn từ vựng tiếng Trung tăng lên đáng kể, việc học tiếng Trung sẽ trở nên đơn giản hơn. [4]

Đầu tiên, học tốt chữ Hán giúp sinh viên hiểu sâu và nhớ lâu nghĩa của từ ngữ tiếng Trung. Như chúng tôi đã đề cập phía trên, nghĩa của chữ Hán có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nghĩa của từ ngữ, nắm vững nghĩa của chữ thì có thể hiểu rõ hơn nghĩa của từ. Trong từ ngữ tiếng Trung, rất

nhiều nghĩa của từ có thể lý giải bằng trực quan sinh động thông qua nghĩa của chữ. Ví dụ: 电脑 máy tính, 自行车 xe đạp, 手机 điện thoại di động, 血红 máu đỏ, 蚕食 tằm ăn rối...

Thứ hai, sinh viên học tốt chữ Hán có thể phân biệt được các từ đồng âm khác chữ trong ngữ cảnh cụ thể, ví dụ: 公式 công thức, 公事 công việc, 工事 công sự, 攻势 tấn công, 宫室 cung thất; 娇气 duyên dáng, 骄气 kiêu ngạo... để tránh xảy ra lỗi sai.

Thứ ba, sinh viên học tốt chữ Hán kết hợp nắm vững ngữ pháp tiếng Trung hiện đại thì kiến thức sẽ có hệ thống và chuẩn xác, giúp cho nghiên cứu chuyên sâu các tài liệu ngôn ngữ viết được thuận lợi hơn.

2.2.2. Nâng cao trình độ đọc viết chữ Hán

Đầu tiên, ở giai đoạn sơ cấp, sinh viên có thể học với sự trợ giúp của cách phiên âm tiếng Trung trong giáo trình, nhưng ở giai đoạn nâng cao, họ phải học kiến thức sâu rộng hơn trên nền tảng nắm vững được chữ Hán. Vì vậy, sinh viên nắm vững chữ Hán có thể làm phong phú thêm vốn từ vựng, là cơ sở để sinh viên học chuyên sâu và mở rộng phạm vi học tiếng Trung.

Thứ hai, ở xã hội hiện đại, song song với ngôn ngữ lời nói thì ngôn ngữ viết cũng chiếm vị trí quan trọng. Do các phương tiện truyền tải tin tức như mạng internet, báo chí, công nghệ thông tin phát triển phong phú và mạnh mẽ thông qua ngôn ngữ viết đã tăng lên đáng kể, vì vậy người sử dụng ngôn ngữ viết trong đó có viết chữ Hán làm phạm vi thông tin ngôn ngữ viết rộng hơn và nhiều cơ hội giao tiếp hơn ngôn ngữ lời nói.

3. Phương pháp giảng dạy nâng cao hứng thú học chữ Hán cho sinh viên

Giảng viên tiếng Trung gặp nhiều khó khăn trong việc dạy chữ Hán, do sinh viên

khó nhận biết, khó hiểu và khó nhớ chữ Hán. Có ít nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán mang tính hệ thống, toàn diện; các giáo trình, tài liệu chuyên khảo về dạy học chữ Hán chỉ chiếm một bộ phận nhỏ. Làm thế nào để khơi dậy hứng thú học chữ Hán cho sinh viên, kích hoạt bầu không khí tích cực giờ học chữ Hán, tăng niềm vui học chữ Hán, kích thích ý thức cạnh tranh tiềm ẩn của sinh viên, nâng cao tính chủ động và ý thức tự giác học chữ Hán của sinh viên, tạo ra hiệu quả giảng dạy là vấn đề cần được giải quyết cấp thiết. Sau một thời gian nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm và kết hợp thực tiễn giảng dạy, chúng tôi đã tổng kết một số phương pháp giảng dạy chữ Hán như sau:

Giảng viên phân chia các nhóm sinh viên có trình độ tổng thể tương đương nhau, không có chênh lệch lớn, về cơ bản là đối ứng 1-1 để tiến hành kiểm tra bài. Sau đó giảng viên cùng sinh viên đánh giá kết quả học chữ Hán. Mỗi hai tuần tính tổng điểm thi thua để cộng điểm học tập cho nhóm có thành tích cao nhất, kết quả của 2 tuần trước sẽ không được đưa vào tuần mới, để không làm khoảng cách giữa hai bên bị quá chênh lệch và tránh khiến nhóm còn lại mất hứng thú, đồng thời tạo động lực để bắt kịp nhóm học khá hơn. Cuối cùng nhóm chiến thắng sẽ được khen ngợi, được cộng điểm thi và tặng quà;

Phương thức thi đua học chữ Hán như trên không những làm cho mỗi sinh viên đều có ý thức học tập tự giác học tập, mà còn khiến các thành viên trong nhóm phải giám sát và khuyến khích lẫn nhau để nâng cao trình độ chung, còn sinh viên học kém thì tăng cường tính tự giác và chủ động học tập hơn, đây là một trong những cách tốt nhất để thúc đẩy học chữ Hán tốt hơn so việc giảng viên phải giám và sử dụng các

biện pháp cưỡng chế học tập. Sau đây là các phương pháp cụ thể:

3.1. Phương pháp nhận biết chữ Hán

Có ba cách trong phương pháp này, cách thứ nhất là kiểm tra chữ Hán, các nhóm cử thành viên lên bảng, giảng viên đọc chữ, sinh viên viết chữ, sau đó các sinh viên cùng nhau sửa lỗi sai hoặc diễn các chữ còn thiếu. Phương pháp này có thể kích thích hứng thú ghi nhớ chữ Hán của sinh viên và phù hợp với mọi giai đoạn học tiếng Trung.

Cách thứ hai là diễn nét thiếu trong chữ Hán. Giảng viên đưa ra một số từ, cụm từ hoặc một câu viết chưa đầy đủ, yêu cầu sinh viên sửa lại chữ Hán. Phương pháp này có thể khiến sinh viên chú trọng sửa các chữ thiếu nét.

Cách thứ ba là nhận biết chữ Hán. Giảng viên thiết kế ma trận chữ Hán, một nhóm sinh viên đọc chữ Hán trên bảng, các nhóm khác lần lượt thay nhau chỉ ra chữ Hán mà nhóm kia vừa đọc, cách này có thể rèn luyện khả năng tìm nhanh chữ Hán của sinh viên, cách này là phù hợp với giờ học luyện tập kiến thức.

3.2. Phương pháp thêm bớt nét chữ Hán

Phương pháp này chia làm 3 cách. Cách thứ nhất là thêm một nét, một nhóm viết nét chữ Hán lên bảng, nhóm còn lại viết thêm một nét vào chữ đó để trở thành một chữ mới, có thể áp dụng sau tiết học thứ năm, ví dụ: 帅—师, 杏—查,... Cách hai bỏ đi một nét chữ, giảng viên viết chữ Hán lên bảng, sinh viên bỏ đi một nét trong chữ Hán đó thì sẽ thành một chữ mới ví dụ: 玉—王, 我—找... Cách thứ ba đổi nét chữ, giảng viên viết chữ Hán lên bảng, sinh viên đổi vị trí một nét trong chữ Hán để thành chữ mới, ví dụ 牛—午, 旧—旦... Với ba cách

này giảng viên có thể giúp sinh viên hiểu sâu hơn về chữ Hán có nét tương tự và vận dụng tư duy liên tưởng để mở rộng viết thêm các chữ Hán khác.

3.3. Phương pháp sử dụng quy tắc bút thuận

Quy tắc bút thuận cơ bản lần lượt là: Ngang trước sổ sau; Phẩy trước móc sau; Trên trước dưới sau; Trái trước phải sau; Ngoài trước trong sau; Vào trước đóng sau; Giữa trước hai bên sau. Mỗi nhóm cử một sinh viên lên bảng, giảng viên nói ra một chữ Hán và yêu cầu sinh viên viết ra số nét của chữ Hán đó lên bảng, sau khi giảng viên kiểm tra xong thì lần lượt có 3 - 4 sinh viên lên bảng viết tiếp, với mỗi cặp sinh viên lên bảng viết chữ thì có cùng trình độ tương đương nhau. Sinh viên không được nhắc bài, nhìn bài nhau, nếu sai quy định sẽ không được tính điểm. Phương pháp này có thể khuyến khích sinh viên ghi nhớ các chữ Hán và các quy tắc viết thứ tự các nét chính xác của các chữ Hán.

3.4. Phương pháp sử dụng bộ thủ

Phương pháp này phù hợp với sinh viên đã được học về các bộ thủ và có vốn chữ Hán nhất định. Cách thứ nhất là giảng viên chọn ra các chữ Hán khác nhau, giảng viên đọc cho sinh viên nói ra chữ có nét khác với chữ còn lại, ví dụ 芳、坊、放... Cách này có thể giúp sinh viên ghi nhớ các đặc điểm của các chữ Hán có cùng bộ thủ nhưng khác các nét còn lại phù hợp với giờ học buổi đầu tiên về chữ Hán.

Cách thứ hai căn cứ bộ thủ, mỗi nhóm sinh viên nói ra một chữ Hán, nhóm còn lại phải nói ra chữ Hán khác có cùng bộ thủ đó, ví dụ: 江、河、湖、洗..., sau khi kết thúc, giảng viên có thể tóm tắt những từ có cùng bộ thủ và giải thích đặc điểm của

chúng, phương pháp này có thể rèn luyện sinh viên chú ý đến các bộ thủ và phân tách chính xác chữ Hán.

3.5. Phương pháp sử dụng bộ kiện

Phương pháp này có ba cách thực hiện. Cách thứ nhất là giảng viên viết ra các bộ kiện có khả năng tạo chữ Hán và yêu cầu sinh viên nói các chữ Hán có chứa phần này, ví dụ: 艮(银、很、跟)... cách này có thể nâng cao tốc độ ghi nhớ chữ Hán của sinh viên và khả năng phân biệt vị trí của các bộ kiện, đồng thời tổng kết gián tiếp các chữ Hán của cùng một bộ kiện.

Cách thứ hai là phân tách các bộ kiện của chữ Hán, một nhóm sinh viên viết lên bảng thành hai hoặc ba cột các bộ kiện để phân tách chữ, một nhóm khác nói các bộ kiện với nhau để có thể tạo thành chữ Hán, ví dụ: 想, 因, 对 -> 恩, 树... Sau đó giảng viên kiểm tra kết quả số lượng chữ. Phương pháp này có thể làm cho sinh viên làm quen với các thành phần của chữ Hán.

Cách thứ ba là di chuyển chữ, giảng viên viết lên bảng các chữ Hán có bộ kiện để sinh viên thay đổi vị trí của từng bộ kiện thành một chữ mới, ví dụ 另一加, 土—土... cách này làm cho sinh viên ghi nhớ bộ kiện của chữ Hán.

3.6. Phương pháp viết kết cấu chữ Hán.

Giảng viên viết lên bảng kết cấu của các chữ Hán đã học, ví dụ: Kết cấu trên-dưới (như 花, 安, 字); Kết cấu trái-phải (như 相, 明, 河); Kết cấu toàn bao vây (như 国, 田, 困); Kết cấu trên-giữa-dưới (như 意, 草, 京); Kết cấu xuyên tâm (như 乘, 非, 兆); Kết cấu bán bao vây (như 这, 问, 区) và các cấu trúc phức tạp khác, sinh viên thay phiên nhau nói ra chữ Hán phù hợp với cấu trúc.

3.7. Dạy chữ Hán kết hợp chặt chẽ với việc dạy từ vựng tiếng Trung

Do chữ Hán có quan hệ gần gũi với từ vựng tiếng Trung, nên giảng viên cần kết hợp chặt chẽ giữa dạy chữ và dạy từ vựng, lấy chữ làm cơ sở để nắm vững từ vựng, dùng từ vựng để hiểu sâu nghĩa của chữ Hán. Giảng viên phải dạy theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ thông dụng đến đặc biệt.

Giảng viên cần chú ý dạy nghĩa của từ trong cụm từ, chỉ ra mối liên hệ giữa nghĩa của từ và nghĩa của chữ Hán, mối liên hệ giữa các nghĩa khác nhau của chữ Hán và mối liên hệ giữa các nghĩa khác nhau của từ, để tạo điều kiện mở rộng vốn từ cho sinh viên. Ví dụ, nghĩa gốc của chữ Hán “面” tức là khuôn mặt “脸”, dẫn đến các nghĩa mở rộng “当面 trước mặt”, “表面 bề ngoài”... Các từ có thể liên quan trong dạy học bao gồm “见 面 gặp mặt”, “面容 dung nhan”, “地面 mặt đất”, “桌面 mặt bàn”; từ “回忆 kỷ ức” có thể liệt kê hai nhóm từ: 1. 回想 nhớ lại, 回响 tiếng vọng, 回答 trả lời, 回放 phát lại, 回迁 dọn về, 回收 thu hồi; 2. 失忆 mất trí, 记忆 kỷ ức, 追忆 hồi ức. Như vậy sinh viên hiểu sâu hơn về hai chữ Hán “回、和” để biết cách sử dụng nghĩa của chữ Hán để hiểu nghĩa của từ tiếng Trung và có được khả năng chủ động mở rộng vốn từ tiếng Trung bằng cách nắm bắt ý nghĩa của chữ Hán.

Khi sử dụng các phương pháp trên, giảng viên nên để tất cả sinh viên đều tham gia càng nhiều càng tốt, sao cho điểm của từng sinh viên được tính vào tổng điểm của nhóm, để phát huy sự nhiệt tình ham học của tất cả sinh viên, tránh hành vi học tập thụ động và ỉ lại của sinh viên.

4. Kết luận

Có nhiều cách để khơi dậy hứng thú học tập của sinh viên đối với chữ Hán, bài viết này chỉ liệt kê một số phương pháp mà tác giả thường sử dụng trong giảng dạy, và kết

quả thu được khả quan. Chúng tôi cho rằng dù sử dụng phương pháp nào thì mục đích chính đều là nâng cao chất lượng dạy học và phải có lợi cho người học. Giảng viên sử dụng các giải pháp giảng dạy tạo hứng thú học chữ Hán của sinh viên trong quá trình dạy tiếng Trung để sinh viên biết học, ham học, vui học, đạt được sự hài hòa giữa dạy và học trên lớp để tạo ra bầu không khí học tập sôi nổi, thoải mái, và duy trì hứng thú học tập, trau dồi tinh thần làm việc nhóm và ý thức cạnh tranh cá nhân của sinh viên, đạt được hiệu quả giờ học, nâng cao hiệu quả chất lượng giảng dạy tiếng Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 骆小所主编. 现代汉语引论, 云南人民出版社, 1999.
- [2] 周健. 汉字教学理论与方法[M]. 北京: 北京大学出版社, 2007.
- [3] 许慎撰, 说文解字, 中华书局出版社, 1963.
- [4] 王秀荣. 对外汉语汉字与汉字教学[M]. 北京: 高等教育出版社, 2013.
- [5] 苏培成. 现代汉字学纲要[M]. 北京: 北京大学出版社, 1994.
- [6] 郑春兰. 魅力汉字[M]. 成都: 四川辞书出版社, 2018.
- [7] 张晓梅. 对外汉字教学的趣味性研究, 黑龙江大学硕士学位论文, 2012.
- [8] 裴明. 裴明. 对外汉语教学[M]. 北京: 北京语言大学出版社, 2012.
- [9] 裴明. 裴明. 对外汉语教学[M]. 北京: 北京语言大学出版社, 2012.

Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN

10:34

混合式教学模式在对外汉语教学法中

...

首页 封面故事 党建文化 教育专区 会员权益 新媒体专区 论文发表 礼品卡 企业阅读 新时代 新经典

期刊网

www.cnki.net

搜索

龙源网会员充值服务

我的书柜

龙源网

龙源网APP 随上随下！

收藏

加入书架

分享

分享到微信

分享到QQ空间

分享到微博

龙源网

龙源网APP 随上随下！

混合式教学模式在对外汉语教学法中的改革

TRAN THUY HIEU 北大荒文化 2022年第9期

Abstract: The blended learning model is a teaching model that combines traditional teaching with modern network technology. This model has been widely applied in the field of foreign Chinese language teaching. This article analyzes the application status and development of the blended learning model in the field of foreign Chinese language teaching, and puts forward some teaching strategies and methods, in order to provide reference for the reform and improvement of foreign Chinese language teaching.

关键词：混合式教学模式；对外汉语；教学法

前言

随着科技的不断发展和人们对教育的不竭追求，教育模式也在不断变革。传统的面授教学模式难以满足现代学生的学习需求，而混合式教学模式则将传统面授教学与现代网络技术相结合，为学生提供了更加灵活和多样化的学习方式。在对外汉语教学中，混合式教学模式的应用也越来越广泛。本文将探讨混合式教学模式在对外汉语教学法中的应用现状和发展趋势，并提出相关的教学策略和方法，以期为对外汉语教学法的改革和提高提供参考。

一、混合式教学模式在对外汉语教学中的应用现状

混合式教学模式在对外汉语教学中的应用现状与特点是当前研究的热点和趋势。随着信息技术的不断发展，混合式教学模式已成为现代教育的重要形式之一，也越来越受到对外汉语教学的青睐。混合式教学模式将传统教学和现代技术有机结合，充分利用网络资源和多媒体技术，实现了教学的多样化和个性化。在对外汉语教学中，混合式教学模式不仅可以加强教学效果，提高学习者的学习兴趣和积极性，还能拓展教学资源和学习空间，使教学更加灵活和多样化[1]。同时，混合式教学模式也提高了学习者的信息素养和自主学习能力，适应了现代社会对语言学习的需求。因此，混合式教学模式在对外汉语教学中具有广泛的应用前景和深远的意义。

二、混合式教学模式在对外汉语教学法中的改革策略

（一）完善混合式教学体系

完善混合式教学体系的关键应当是多方面的。首先，教师需要整合线上和线下教学资源，例如视频、PPT、音频等，使得学生能够在多种不同的媒介下进行学习，提高学习的灵活性和效率。例如，某个对外汉语教师在教授汉语语法时，可以利用线上平台上的录屏工具制作教学视频，介绍语法规则和例句分析。在线下课堂中，教师可以根据学生的反馈和表现，进一步讲解和答疑解惑。其次，教师可以在线上平台上开设课程讨论区，鼓励学生积极参与互动，促进学生之间的交流和合作。例如，对外汉语教师可以在课程讨论区上开展一次有关汉语教学的线上讨论，让学生们分享自己的学习经验，探讨汉语学习的技巧和方法等。这样，可以帮助学生们更好地理解汉语的构造和表达特点，促进学生之间的交流和合作，提高学生的学习兴趣和自主学习能力。最后，混合式教学模式还需要结合对外汉语学习者的特点，设计相应的教学方案。例如，在教授汉字的时候，教师可以引导学生进行实践操作，让学生通过动手写汉字，感受汉字的结构和笔画，提高学生的字形和笔画感知能力。同时，在线下课堂中，教师还可以组织一些汉字游戏、拼字比赛等活动，增强学生的学习兴趣和参与度，促进学生的主动学习和自主学习。

（二）优化教学设计

优化教学设计是推进混合式教学的关键策略之一。教师可以针对学生的学习需求和特点，采用不同的教学手段和资源，设计多元化的、个性化的教学内容和形式，提高学生的学习兴趣和积极性。例如，在对外汉语听说课程中，教师可以通过网络视频、语音消息、在线交流等多种方式与学生互动，设计情境化的教学内容和任务，促进学生听力和口语交际能力的提高。同时，教师还可以结合线上教学平台提供的资源和工具，设置不同形式的作业和考核，如在线测试、视频展示、小组讨论等，为学生提供反馈和评价，增强学习效果的监督和评估。通过优化教学设计，可以提高教学的针对性和有效性，促进学生的自主学习和全面发展。例如，某对外汉语教师在教授汉语写作课程时，采用了混合式教学模式，结合线上和线下教学资源和活动，为学生设计了多样化的教学内容和形式。

（三）注重教师队伍建设

在混合式教学模式下，教师的作用和作用得到了极大的强化和拓展，需要高质量的教师队伍来支撑这一模式的实施。因此，注重教师队伍的建设是混合式教学模式下对外汉语教学法改革的关键策略之一。一方面，需要提高教师的汉语语言能力和对外汉语教学能力，包括教学方法和技能的培养，以适应混合式教学模式的需求[2]。另一方面，需要对教师进行多元化的培训，包括教育技术的应用、在线教学方法和策略等方面的培训，以提高教师对混合式教学模式的理解和掌握。例如，高校可以开设《汉语在线教学》等相关课程，为教师提供系统化的在线教学培训。同时，学校还会定期组织教师参加在线教学相关的研讨会和学术交流活动，以促进教师之间的交流和学习。这些措施都有助于提升教师的教学能力和适应混合式教学模式的能力。

（四）强化评估与反馈机制建设

评估和反馈能够及时发现学生的学习问题和教学效果，为教学的改进提供指导。针对混合式教学模式，评估与反馈机制应该考虑多方面的因素，包括学生对在线学习平台的使用情况、教师的在线授课能力以及学生在线学习的情况等。通过对教学过程的监督和学生学习情况的反馈，可以及时调整教学策略，提高教学效果。例如，在一个混合式教学的汉语课程中，教师采用了在线课堂和线下教学相结合的方式，为了强化评估与反馈机制，教师不仅定期组织学生进行在线学习反馈，还通过线上问卷调查、作业考核等方式收集学生的反馈意见，针对学生的反馈意见及时调整教学内容和方式，提高学生的学习效果。

结语

综上所述，混合式教学模式在对外汉语教学中，具有广泛的应用前景和良好的教学效果，但需要不断优化和改进。通过完善混合式教学体系、优化教学设计、注重教师队伍建设以及强化评估与反馈机制建设，可以有效地推进对外汉语教学的改革和发展，提高学生的汉语语言能力和综合素养。

参考文献

[1] 肖楠.混合式教学模式在对外汉语教学法中的改革[J].大学教育(下), 2022(03): 155-161.

[2] 王丹, 肖楠.混合式教学模式在对外汉语教学法中的应用[J].河北北方学院学报(社会科学版), 2021, 37(01): 60-62.

[3] 冯作强, 张强.基于慕课的混合式教学模式在商务汉语教学中的应用[J].中国石化大学学报(自然科学版), 2020, 34(03): 68-73.

作者简介: TRAN THUY HIEU, 1990年, 汉族, 硕士生, 研究方向: 汉语教学法、汉语教学文学。

龙源网

龙源网APP 随上随下！

03

生活文摘

国内刊号：CN63-1059/C / 国际刊号：ISSN1671-5462 / 邮发代号：52-231

9
2023

主管单位：青海人民出版社有限责任公司

主办单位：青海人民出版社有限责任公司 青海省期刊音像（电子）协会

绿色金融政策对商业银行信贷结构的影响研究.....	唐润芝 64
---------------------------	--------

教育科学

020 教学模式在汉语教学中的应用.....	TRAN THI THU HIEN NGUYEN THI NGUYET ANH DO HUU HOANG BACH NGUYEN THI VINH HA 65
用爱滋润,静待花开——浅析小学班主任班级管理工作的创新.....	王楠 66
职业院校课堂生态研究及其价值.....	王永霞 杜丽丽 项丽 包塔娜 岳洪武 且丽蕾 67
双减背景下英语绘本融入家庭教育的路径研究——以“树洞绘本屋”公众号为例.....	范彬彬 方岑 余温阳 汪蕊 68
创新创业视域下高职院校药品市场营销课程实施策略分析.....	曹慧 70
新会计准则下我国高校会计教学改革分析.....	陈鸿琦 72
初中音乐教学设计研究——以《友谊地久天长》为例.....	范依琳 74
韩国专业人才教育发展研究.....	张荣明 75
中职英语“情境教学法”在新课标视域下的探索与实践.....	刘晶 76
小学低段数学课的快乐学习.....	何凤霞 78
隔代养育中,你是否也被沦为“后妈”——教养方式不一致是家庭教育最大问题.....	李雪 80
现代汉语“x 系”现象语用价值研究.....	吕佳 81
浅析网络流行用语对英语学习的纵深影响.....	薛星宇 82
“疑古”还是“信古”?——解读《诗经》争议.....	陶莹 84
浅析文本阅读中的“素读法”.....	王远茹 85
基于 BOPPPS 教学模式的国际中文中高级综合课文化教学实践.....	王振 86
幼儿园区域活动材料的选择与投放优化.....	邱春芬 88
母语迁移对第二语言词汇习得的影响及对策.....	李意妮 89
基于大数据的高校教育管理.....	孙彩霞 90
小学美术课程在基础教育中的应用.....	赵迪 91
论如何创设生活趣味的初中数学教学情境.....	赵柯源 93
幼儿园音乐活动中的游戏化教学研究.....	郝瑞金 94
家庭教育对儿童心理发展的影响分析.....	刘帮才 95
基于前置作业 促进深度学习.....	任琴 96
从诗词中物理学看远方——课程思政在流体力学中的应用探讨.....	任莉 97
新课标视域下的高中化学教学创新探讨.....	李庆阳 98
高职计算机网络课程设计与教学模式探索.....	袁彦 吴争名 99
浅析模块教学法在技工院校单片机教学中的应用.....	何斌 100
新时代背景下高校大学生新媒体短视频育人机制研究.....	杨丹丹 101
鲁迅《野草》的生命哲学.....	贾坤梅 102
安全理念下技工院校体育教学模式的创新.....	王一然 103
小班幼教自理能力的现状与培养策略分析.....	高英 104
浅谈小学数学教学生活化的实施策略.....	袁晓娟 吴伟琼 105

党建思政

关于做好青年员工思想政治工作的对策研究.....	詹特伟 106
打造“红色铸魂、匠心筑城”党建品牌的研究与思考.....	韩磊 107
现实题材影视剧的思想政治教育价值及其提升路径研究.....	卢瑞华 唐玉琪 张新宇 刘皓宇 108
党建与业务工作深度融合分析.....	王明晓 110
青年工作作为全党战略性工作的重要价值与实践路径.....	钱欣竹 112
新媒体视域下的思想政治教育.....	李雨婷 方若 113
严守思政战线意识,积极回应躺平问题.....	刘拓宇 114
课程思政视域下中国艺术歌曲在高职院校声乐教学中的应用——以《黄水谣》为例.....	李许明 毛卫红 115
准确把握新时代机关党建的职责定位.....	杨梅 116
“清廉校园”背景下基层党组织纪检工作长效治理路径研究.....	宣刚 117

企业管理

提高国有企业党建工作质量的实践与探索.....	井瑜曼 119
国企党建与企业文化建设的共促策略研究.....	李霞 120
行政事业单位预算管理工作中的难点及策略.....	曹玉荣 121
关于国有企业职工思想政治工作方法创新的实践探索.....	张萌 122
新时期企业投融资管理策略研究.....	刘长兴 123
企业内部控制环境及企业风险管理探析.....	乔文博 124
中央水利企业国有资产监管风险分析及建议.....	王杰 张峻 125
国际会计准则与企业会计准则报表列示差异研究.....	赵一霖 126
论国有企业思想政治工作和企业文化建设的融合.....	郑云峰 127
实施客户满意战略——打造物业管理品牌企业.....	闫冬生 128
民营中小企业B 公司的供应商选择分析.....	韩静 129
浅谈如何做好企业宣传报道工作.....	门家鹏 王思迪 高振宾 梁森 131
探究企业人力资源培训体系优化研究.....	高灵洁 132
加强新时代离退休干部工作的实践与思考.....	王健 133

O2O 教学模式在汉语教学中的应用

TRAN THI THU HIEN¹ NGUYEN THI NGUYET ANH² DO HUU HOANG BACH³ NGUYEN THI VINH HA⁴

1. Hanoi University of Mining and Geology

2. Hanoi University of Mining and Geology

3. University of Technology and Management

摘要: O2O 教学模式是指将线上教育和线下教育相结合, 利用互联网技术来支持教学活动的开展, 同时也能够帮助学生更好地利用线上资源来辅助学习。在汉语教学中, O2O 教学模式已经得到了广泛的应用, 为汉语教学带来了许多创新和改进。本文将探讨 O2O 教学模式在汉语教学中的应用现状和特点, 以及通过 O2O 教学模式对汉语教学进行改革的策略。我们将从多个角度分析 O2O 教学模式的优势和不足, 并提出一些具体的解决方案, 以期对汉语教学的发展和提高有所贡献。

关键词: O2O 教学模式; 汉语教学; 教学应用

前言:

在教育领域中, O2O 教学模式已经广泛应用于不同的教学领域, 如英语、数学和编程等。随着汉语作为一门重要的国际语言的地位不断提高, 越来越多的学生开始学习汉语。然而, 传统的汉语教学模式受到了很多限制, 如时间和空间限制, 而 O2O 教学模式可以在这些方面提供更多的灵活性和便利性。因此, 越来越多的汉语教师开始采用 O2O 教学模式, 结合线上和线下的资源, 提供更加丰富的教育内容和更加便捷的学习体验。通过 O2O 教学模式, 学生可以随时随地使用线上资源来辅助学习, 并可以根据自己的兴趣和需求选择适合自己的线下课程。

一、O2O 教学模式的定义和原理

O2O 教学模式是指通过线上教学和线下教学相结合, 实现教育资源共享和互动式学习的一种教学模式。其原理在于, 通过线上平台提供教学资源和学习工具, 让学生能够随时随地获取学习资源和参与在线学习活动。同时结合线下实体教室, 由专业教师进行面对面的教学指导和辅导, 帮助学生更好地掌握学习内容和技能。

在汉语教学中, O2O 教学模式可以提供更加丰富和多样的教育资源, 使学生能够在任何时间、任何地点获取到有关汉语学习的信息和学习资料。同时, 通过线上教学平台提供的互动式学习环境, 学生可以更好地进行语言实践和交流, 提高汉语听说能力和语感^[1]。在线下实体教室中, 教师可以针对学生的具体情况进行精准教学, 帮助学生更好地掌握汉语语音、语法和表达技巧。因此, O2O 教学模式在汉语教学中的应用具有广泛的前景和实际意义。

二、O2O 教学模式在汉语教学中的应用现状

O2O 教学模式在汉语教学中的应用目前正在逐步普及和推广。由于该模式可以打破传统教学的时空限制, 且符合现代学生的学习习惯, 因此在汉语教学中得到了广泛应用。许多汉语教育机构、语言学校和大学都开始探索并应用 O2O 教学模式, 通过线上和线下的结合, 提供更加灵活和便捷的教学服务。此外, 随着技术的不断发展, 越来越多的在线学习平台和工具被开发出来, 为 O2O 教学模式提供了更为丰富和多样的支持。

三、O2O 教学模式在汉语教学中的应用策略

1. 整合线上和线下教学资源

整合线上和线下教学资源是实现 O2O 教学模式的关键策略之一。为了提高教学效率, 让学生更好地获得知识和技能。在汉语教学中, 可以将线上教学资源和线下教学实践结合起来, 形成互动式的学习体验, 促进学生的学习和交流。例如, 在教授汉语语法知识时, 可以使用线上教学资源(如视频、PPT 等)进行知识传授和讲解, 再结合线下的语法习题讲解和实践操作, 让学生在实践中逐步掌握语法知识^[2]。此外, 还可以通过整合线上和线下教学资源, 打造在线学习社区, 让学生在社区中互相交流、分享学习经验和知识, 促进学生之间的互动和合作, 增强学生的学习积极性和归属感。例如, 在教授汉语口语时, 可以通过在线学习社区, 让学生进行口语交流练习, 互相评价和提升自己的口语表达能力。

2. 创新教学方法

创新教学方法是在 O2O 教学模式中实现成功的关键之一。通过尝

试不同的教学方法, 可以提高学生的学习兴趣 and 参与度, 进而促进学习效果的提升。例如, 可以采用游戏化教学方法, 将课程内容融入到游戏中, 激发学生的兴趣和参与度。另外, 也可以采用小组合作学习方法, 鼓励学生进行互动和讨论, 从而加深对汉语知识的理解和掌握。例如, 在教授汉语口语时采用角色扮演的方式, 让学生扮演不同的角色, 通过模拟真实情境进行汉语口语练习。这种教学方法不仅提高了学生的学习兴趣, 还帮助他们在真实情境中练习汉语口语, 提高了口语表达能力。

3. 提高教师的 O2O 教学能力

提高教师的 O2O 教学能力是实施 O2O 教学模式的重要策略之一。教师需要熟悉线上教学平台的使用, 掌握线上教学的教学方法和技巧。可以通过教师培训、教学研讨等方式提高教师的 O2O 教学能力。例如, 在汉语教学中, 为了提高教师的 O2O 教学能力, 高校组织了一次线上教学培训。培训内容包括线上教学平台的使用、线上教学的教学方法和技巧等方面。教师通过参加培训, 了解了如何在线上教学中创新教学方法, 提高学生的学习积极性和主动性。这些培训让教师更好地适应了 O2O 教学模式, 并在教学中运用 O2O 教学模式取得了良好的效果。

4. 完善 O2O 教学平台

为了更好地应用 O2O 教学模式进行汉语教学, 完善 O2O 教学平台至关重要。教学平台需要支持多种教学方式, 包括线上课程、线下课程以及在线交互和协作。此外, 平台还应该提供一系列辅助工具, 如语音识别、在线白板、多媒体资源等, 以支持更加丰富和互动的教学体验^[3]。例如, 目前很多 O2O 汉语教学平台已经实现了在线实时互动功能, 学生可以通过语音和视频与老师进行互动交流, 这有助于提高学习效果和乐趣。同时, 平台也应该注重数据收集和分析, 为教师提供学生学习数据的监控和分析, 以便于教师更好地指导学生。

结语:

综上所述, 随着信息技术的不断发展和普及, O2O 教学模式下, 学生可以灵活地选择线上和线下学习方式, 同时教师也可以更加便捷地进行教学和管理。对于汉语教学来说, O2O 教学模式能够提高教学效率, 创新教学方法, 提高教师教学能力, 更好地满足学生的学习需求。然而, 在推广和应用 O2O 教学模式的过程中, 仍需不断地完善教学平台, 提升教师和学生 O2O 教学能力, 以及保障教学质量和学生学习体验。相信在不久的将来, O2O 教学模式将成为汉语教学中不可或缺的重要教学方式。

参考文献:

- [1] 袁四, 李宇哲. O2O 教学模式在汉语教学中的应用 [J]. 汉学文化, 2022 (52): 109-111+114.
- [2] 王本营. O2O 教学模式在中学田径体育教学中的应用 [J]. 田径, 2021 (09): 63-64.
- [3] 杨爱群. O2O 教学模式在综合商务英语英语教学中的应用 [J]. 海外英语, 2021 (02): 171-172.

作者简介: TRAN THI THU HIEN, 198109, 京族, 南定市, 博士, 研究方向: 汉语教学法, 汉语文字学。

Phụ lục 4: Thuyết minh đề tài

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**TÊN ĐỀ TÀI:
NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CHỮ HÁN
CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Mã số:





Chủ nhiệm đề tài: Trần Thị Thu Hiền

HÀ NỘI, 01/2023

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

1. TÊN ĐỀ TÀI/NHIỆM VỤ: Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất	2. MÃ SỐ (phòng KHCN ghi): <div style="text-align: center; font-family: cursive;">T23-20</div>
3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU <div style="display: flex; flex-wrap: wrap;"> <div style="width: 50%;"> Khoa học Tự nhiên <input type="checkbox"/> </div> <div style="width: 50%;"> Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/> </div> <div style="width: 50%;"> Khoa học Y, dược <input type="checkbox"/> </div> <div style="width: 50%;"> Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/> </div> <div style="width: 50%;"> Khoa học Xã hội <input checked="" type="checkbox"/> </div> <div style="width: 50%;"> Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/> </div> </div>	4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/></div> <div style="text-align: center;">Ứng dụng <input type="checkbox"/></div> <div style="text-align: center;">Triển khai <input type="checkbox"/></div> </div>
5. THỜI GIAN THỰC HIỆN: 12 tháng Từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023	
6. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI Họ và tên: TRẦN THỊ THU HIỀN Chức danh khoa học: Cán bộ giảng dạy Đơn vị: Bộ môn Ngoại ngữ Điện thoại cơ quan: E-mail: tranthithuhien@humg.edu.vn	Học vị: Tiến sỹ Năm sinh: 1981 Điện thoại di động: 0339248258 Fax:

7. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
1	Trần Thị Thu Hiền (Chủ nhiệm đề tài)	Bộ môn Ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài. Phân tích so sánh tập hợp các tư liệu thu được. Rút ra kết quả nghiên cứu để đóng góp các phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất. - Đóng góp các phương pháp nâng cao hiệu quả việc phương pháp giảng dạy chữ Hán. - Viết và đăng bài báo khoa học - Viết báo cáo và tổng kết đề tài. 	
2	Nguyễn Thị Vĩnh Hà (Thành viên tham gia)	Bộ môn Ngoại ngữ 2, Trường liên cấp Đoàn Thị Điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đóng góp các phương pháp nâng cao hiệu quả việc giảng dạy chữ Hán và đóng góp ý kiến chuyên môn. - Tham gia viết báo cáo và tổng kết đề tài. 	
3	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (Thành viên tham gia)	Bộ môn Ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đóng góp các phương pháp nâng cao hiệu quả phương pháp giảng dạy chữ Hán và đóng góp ý kiến chuyên môn. - Tham gia viết báo cáo và tổng kết đề tài. 	
4	Đỗ Hữu Hoàng Bách (Thành viên tham gia)	Bộ môn Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đóng góp các phương pháp nâng cao hiệu quả phương pháp giảng dạy chữ Hán và đóng góp ý kiến chuyên môn. - Tham gia viết báo cáo và tổng kết đề tài. 	

8. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị

9. TỔNG QUAN VỀ THỰC TRẠNG VIẾT SAI CHỮ HÁN CỦA SINH VIÊN
9.1. Trong nước

Ở Việt Nam đã có một số đề tài nghiên cứu khoa học về giảng dạy chữ Hán và từ Hán – Việt trong trường phổ thông hay đại học, từ việc đào tạo giáo viên tới xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình

để có thể tiếp nhận phải là một quá trình tự nhiên và tự nguyện được nhắt hóa vào hoạt động giảng dạy. Cho nên phải nhìn nhận từ một góc độ khác, hành động theo một cách thức khác [1]. Về mảng tâm lý dạy học ngoại ngữ có công trình nghiên cứu Trần Hữu Luyện, *Cơ sở tâm lý dạy học ngoại ngữ*. Tác giả Tâm lý học chỉ ra các bình diện tâm lý ngôn ngữ của ngôn ngữ, lời nói, ý nghĩa của việc phát ngôn cũng như con đường, cách tiếp cận, biện pháp hình thành những vấn đề được nêu trên. Đặc biệt là cách vận dụng, đưa ra yêu cầu tâm lý đối với việc dạy học ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài, cũng như nhiều vấn đề khác về ngôn ngữ, có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu này trong giảng dạy chữ Hán [2]. Do nhu cầu sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc tăng cao nên những tư liệu chuyên khảo, công trình nghiên cứu về chữ Hán cũng ngày càng nhiều hơn. Trong đó, có đề một số nghiên cứu nổi bật như: Phạm Ngọc Hàm, *Chữ Hán chữ và nghĩa*, tài liệu chuyên khảo này đề cập chữ Hán với văn hoá xã hội, nghề nghiệp, tín ngưỡng, khoa học kỹ thuật... Nội dung nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề ngôn ngữ văn hoá, góp phần khẳng định thêm đặc trưng biểu ý và nội hàm văn hoá của chữ Hán, đồng thời ứng dụng linh hoạt vào giảng dạy chữ Hán. [3]

Về đề tài giảng dạy chữ Hán có luận văn nghiên cứu của Đỗ Phương Thảo *Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho học sinh dân tộc thiểu số - Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hà Giang* (越南河江省少数民族高中生汉字教学研究), 2011. Luận văn đưa ra các thành quả nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán cho học sinh dân tộc thiểu số tại Trung Quốc và Việt Nam. tìm ra đặc trưng của các lỗi sai thường gặp khi viết chữ Hán của học sinh và đề ra các biện pháp khắc phục và nêu lên một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh Hà Giang [4]. Luận văn thạc sĩ của Bùi Thị Trang *Phân tích lỗi sai trong quá trình dạy và học chữ Hán ở Việt Nam giai đoạn sơ cấp* (越南初级阶段汉字教与学偏误分析), ĐH Ngoại ngữ ĐHQG HN, 2013 nêu nên tầm quan trọng của việc giảng dạy chữ Hán kết hợp với yếu tố văn hoá, thiết kế nội dung và kỹ năng giảng dạy chữ Hán trước, trong và sau giờ học để cải thiện khả năng nhận biết chữ Hán và khắc phục lỗi sai của người học [5]. Lê Xuân Thảo với đề tài *"Nghiên cứu về thực trạng giảng dạy chữ Hán tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013*. Bài viết này đề xuất một số biện pháp về phương pháp dạy - học và tổ chức dạy - học viết chữ Hán nhằm nâng cao chất lượng viết chữ Hán của sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN [6].

Trong những năm gần đây nghiên cứu phương pháp giảng dạy có thêm những tư liệu mới như Bùi Huy Cường với bài nghiên cứu *Đặc điểm chữ Hán và phương pháp dạy học chữ Hán giai đoạn cơ sở*, 2016, nội dung nghiên cứu là phân tích đặc điểm của chữ Hán, đồng thời tổng kết một số phương pháp dạy học chữ Hán dành cho giai đoạn Hán ngữ cơ sở để nâng cao kỹ năng viết chữ Hán của người học [7]. Hoàng Thị Thu Thủy, *Cách dạy và học chữ Hán của người Việt xưa dưới góc nhìn của phương pháp giảng dạy hiện đại*, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, 2019. Bài viết nghiên cứu nêu ra hiệu quả

của cách dạy-học của người Việt xưa, hướng phân tích theo góc độ giảng dạy hiện đại để nhấn mạnh vấn đề nhắc lại cái cũ để hiểu biết hơn cái mới, giữ và học điều hay của người xưa, bỏ qua những nội dung cứng nhắc, sáo rỗng nhằm tiến đến việc gìn giữ một nền văn hóa chữ Hán của Việt Nam [8].

Điểm qua những công trình nghiên cứu về chữ Hán và phương pháp giảng dạy chữ Hán ở trên có thể thấy các nghiên cứu có mức độ và góc độ khác nhau, tuy nhiên nghiên cứu về phương pháp giảng dạy chữ Hán vẫn chưa được khai thác một cách kỹ càng, phong phú. Thực sự vẫn còn ít nghiên cứu về việc phương pháp giảng dạy chữ Hán. Có thể thấy, không gian nghiên cứu trong lĩnh vực này rất rộng lớn.

9.2 Ngoài nước

Trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, đối với người Việt Nam nói chung, chữ Hán luôn là một “cửa ải” khó vượt qua khi học tiếng Trung vì chữ Hán khó nhớ, khó đọc và khó viết. Đối với các sinh viên đại học chuyên ngành tiếng Trung, việc viết sai chữ Hán cũng là một hiện tượng thường gặp. Bài nghiên cứu này thông qua phương pháp phát phiếu điều tra, thu thập dữ liệu viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất, qua đó tiến hành phân tích và tìm hiểu nguyên nhân viết sai chữ Hán của sinh viên, từ đó hiểu được đặc điểm học tập của sinh viên, giúp đưa ra các phương pháp giảng dạy chữ Hán một cách hiệu quả.

Theo số liệu năm 2013, số lượng nghiên cứu về thực trạng viết sai chữ Hán của giới học thuật Trung Quốc khá nhiều, tiêu biểu có bài nghiên cứu có đề cập đến các lỗi thường gặp của học sinh Âu Mỹ khi viết chữ Hán và phương pháp giảng dạy. Bài nghiên cứu “Nghiên cứu về các lỗi sai khi viết chữ Hán của sinh viên nước ngoài có tiếng mẹ đẻ là chữ viết là hệ thống chữ cái Latinh” của Giang Tân và Liễu Diễm Mai năm 2004 (江新, 柳艳梅, 《拼音文字 背景的外国学生汉字书写错误研究》2004 年) [9] có phân tích khả năng nhận biết âm đọc, cấu hình chữ của sinh viên; phát hiện sinh viên thường bị viết sai chữ nhiều hơn là viết nhầm chữ cận âm ở giai đoạn mới học, trong giai đoạn sau này thì ngược lại, viết nhầm chữ nhiều hơn là viết sai chữ. Hay bài nghiên cứu “Báo cáo khảo sát viết sai chữ Hán của lưu học sinh gốc Hoa Đông Nam Á” của Úy Vạn Truyền, Tót Diễm Hà năm 2007 (尉万传、毕艳霞, 《东南亚华裔留学生汉字偏误考察报告》2007 年) đã chỉ rõ sự khác nhau giữa nhóm sinh viên Đông Nam Á với sinh viên Âu Mỹ. Bên cạnh đó ngoài việc có cùng các loại hình viết sai chữ của sinh viên Âu Mỹ ra, sinh viên Đông Nam Á còn bị nhầm lẫn nhiều ở chữ Phồn Thể, dị thể... [10]

Và tính đến năm 2019, các nghiên cứu về thực trạng viết sai chữ Hán và phương pháp học tập chữ Hán của sinh viên Việt Nam trong kho dữ liệu Zhiwang (中国知网 (CNKI. <https://cnki.net/>)) có một số các nghiên cứu tiêu biểu như: “Phân tích lỗi sai khi viết chữ Hán của lưu học sinh Việt Nam” của Vương Tiểu Nam năm 2009 (王笑楠, 《越南留学生汉字书写偏误分析》, 2009 年), bài nghiên cứu thông qua việc thu thập các dữ liệu viết chữ Hán của sinh viên Việt Nam tiến hành phân tích, quy loại và tổng kết quy luật các lỗi sai, chỉ ra việc sinh viên Việt Nam chịu ảnh hưởng âm đọc của chữ Hán nhiều hơn là hình dạng của chữ, gây ra các lỗi sai liên quan đến âm đọc của chữ [11]. “Phân tích thực trạng viết chữ

Hán của lưu học sinh Việt Nam” của Ngô Thị Oanh tại trường Đại học Tây Bắc (Trung Quốc) (吴氏莺, 《各阶段的越南留学生汉字书写分析》, 2011 年) [12], bài luận văn này của tác giả thực hiện thu thập dữ liệu viết chữ Hán của sinh viên Việt Nam học ở các trường đại học tại thành phố Tây An, thành phố Vũ Hán của Trung Quốc, sau đó tiến hành phân tích và tổng hợp các lỗi sai, rút ra các nguyên nhân viết sai của sinh viên. Ngoài ra còn có một số các nghiên cứu khác như “Phương pháp học tập chữ Hán của học sinh Việt Nam, vấn đề viết sai chữ Hán của học sinh và kiến nghị về phương pháp giảng dạy – lấy khoa Ngữ văn Trung Quốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh làm ví dụ” của Trương Gia Quyền, Trần Thị Thu Hằng năm 2017 (张家权、阮氏秋姮, 《越南学生学习汉字的方法, 学生书写汉字的偏误问题及汉字教学建议——以胡志明市国家大学中国语文系为例》 海外华文教育, 2017 年). “Phương pháp nhận thức khi học chữ Hán của học sinh Việt Nam – lấy trường phái giảng dạy nhận biết và viết chữ Hán làm ví dụ” [13], (trường phái giảng dạy tập trung vào nhận biết chữ Hán nhiều hơn tập viết) của Lục Quán Châu, Thi Trọng Hiền, Hoàng Văn Linh, Gián Uyển Như, tuyển tập tóm tắt luận văn hội thảo nghiên cứu quốc tế giáo dục chữ Hán và chữ Hán, năm 2017 lần thứ 7 (陆冠州、施忠贤、黄韵玲、简婉茹, 《越南学生学习汉字的认知策略. 以识写分流教学为例》, 第七届汉字 与汉字教育国际研讨会论文摘要集, 2017 年).

Như vậy có thể thấy các nghiên cứu nêu trên của các tác giả xét trên nhiều phương diện chủ yếu các nguyên nhân viết sai của sinh viên trong từng giai đoạn học tập, theo đó giai đoạn sơ cấp sinh viên thường bị viết nhầm nét bút, đến các giai đoạn trung cao cấp thường bị viết nhầm các bộ thủ, viết nhầm chữ. Có thể thấy theo giai đoạn khác nhau mà lỗi sai thường gặp của sinh viên cũng khác nhau.

Tài liệu tham khảo

- [1]Phạm Văn Khoái, Một số vấn đề chữ Hán thế kỷ 20, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- [2]Trần Hữu Luyến, Cơ sở tâm lý dạy học ngoại ngữ Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [3] Chữ Hán chữ và nghĩa. Phạm Ngọc Hàm, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2011
- [4] Đỗ Phương Thảo. Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho học sinh dân tộc thiểu số - Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hà Giang. Luận văn thạc sĩ, 2011.
- [5] Bùi Thị Trang Phân tích lỗi sai trong quá trình dạy và học chữ Hán ở Việt Nam giai đoạn sơ cấp. Luận văn thạc sĩ, 2013.
- [6]Lê Xuân Thảo, Thực trạng và những biện pháp nâng cao chất lượng viết chữ Hán của sinh viên khoa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, Đại học Quốc gia, Hà Nội, đề tài NCKH cấp trường, 2007
- [7]Bùi Huy Cường Đặc điểm chữ Hán và phương pháp dạy học chữ Hán giai đoạn cơ sở, 2016
- [8]Hoàng Thị Thu Thủy, Cách dạy và học chữ Hán của người Việt xưa dưới góc nhìn của phương pháp giảng dạy hiện đại, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, 2019.

- [9]Giang Tân, Liễu Diễm Mai năm 2004 (江新, 柳艳梅,《拼音文字 背景的外国学生汉字书写错误研究》2004 年) “Nghiên cứu về các lỗi sai khi viết chữ Hán của sinh viên nước ngoài có tiếng mẹ đẻ là chữ viết là hệ thống chữ cái Latinh” , 2004.
- [10] Ủy Vận Truyền, Tôt Diễm Hà. Báo cáo khảo sát viết sai chữ Hán của lưu học sinh gốc Hoa Đông Nam Á. Học báo Học viện Sư phạm Văn Nam – Bản nghiên cứu và giảng dạy Hán ngữ đối ngoại, kỳ 6, 2007, Tr. 70-74.
- [11] Vương Tiểu Nam. Phân tích lỗi sai khi viết chữ Hán của lưu học sinh Việt Nam - Luận văn thạc sỹ Học viện Sư phạm Yên Nam, 2009, Tr. 1-2.
- [12] Ngô Thị Oanh, “Phân tích thực trạng viết chữ Hán của lưu học sinh Việt Nam”, trường Đại học Tây Bắc (Trung Quốc) (吴氏莺, 《各阶段的越南留学生汉字书写分析》, 2011.
- [13] Trương Gia Quyền, Trần Thị Thu Hằng, “Phương pháp nhận thức khi học chữ Hán của học sinh Việt Nam – lấy trường phái giảng dạy nhận biết và viết chữ Hán làm ví dụ” (张家权、阮氏秋娟, 《越南学生学习汉字的方法, 学生书写汉字的偏误问题及汉字教学建议—以胡志明市国家大学中国语文系为例》 海外华文教育, 2017 年), 2017.
- [14]An Đăng Lương Đại. Phân tích nguyên nhân và khảo sát tổng hợp các lỗi sai khi viết chữ Hán của Lưu học sinh. Luận văn Thạc sĩ Đại học Văn Hóa Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2000, Tr.10.
- [15] Trần Cẩm, Lưu Tịnh, Chu Lệ. Phân tích lỗi sai khi viết chữ Hán của sinh viên Thái Lan. Học báo nghiên cứu và giảng dạy Hán ngữ Đối ngoại Đại học Sư phạm Văn Nam, 2009, quyển 7, kỳ 2, Tr.76-82.
- [16] Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thùy Dương. Đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm cải thiện kỹ năng viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Thương mại. Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu nước ngoài , 2015, tập 31, số 3, Tr. 64-70.
- [17] Trần Truyền Tuấn. Phương pháp giảng dạy và các lỗi sai khi viết chữ Hán của sinh viên Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Đại học Dân tộc Trung Ương (Trung Quốc), 2011, Tr.15.
- [15] Châu Kiện. Phương pháp và lý luận giảng dạy chữ Hán: Nghiên cứu lỗi sai chữ Hán của người nước ngoài, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, 2011, Tr. 131-134.
- [18] Cam Xảo Đan. Nghiên cứu về các vấn đề khi học chữ Hán của lưu học sinh Việt Nam trong giai đoạn sơ cấp – Lấy lưu học sinh trường Đại học dân tộc Quảng Tây làm đối tượng khảo sát. Luận văn thạc sỹ Đại học Dân tộc Quảng Tây, 2016, Tr. 1-2.
- [19] Nguyễn Đình Hiền. Kết quả khảo sát bước đầu về tình hình viết sai, viết nhầm chữ Hán của sinh viên Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, 2017, tập 33, số 1, Tr. 19-30.
- [20] Tô Bội Thành. Cương yếu Hán tự học hiện đại. Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, 1994, Tr. 63.
- [21] Tôn Đức Kim. Nghiên cứu giảng dạy Hán ngữ đối ngoại, Nhà xuất bản Thương Vụ, 2006, Tr.

10. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Chữ Hán có nguồn gốc từ Trung Quốc, cụ thể là từ các hình khắc lên mai rùa (hình vẽ). Trên con đường tạo ra chữ viết, người Trung Quốc cổ xưa dựa vào sự quan sát xung quanh họ sau đó chuyển chúng dưới dạng hình vẽ để biểu đạt ý nghĩa của chữ Hán, vì thế chữ Hán còn được biết đến cơ bản là một loại chữ biểu ý. Qua khai quật văn vật các nhà khảo cổ đã phát hiện ra ở trên các mai rùa, xương động vật, đồ gốm, đồ đá ...được phát hiện tại tỉnh Hà Nam Trung Quốc có các ký tự được khắc giống như hình vẽ được khắc trên đó. Qua đó các nhà khảo cổ ước lượng thời gian xuất hiện chữ Hán sớm nhất vào thời nhà Thương (khoảng 1800 năm trước Công Nguyên và những chữ viết đó gọi là Giáp cốt văn (chữ Giáp cốt) và cho đến nay chữ Giáp cốt được coi là văn tự cổ nhất trong tiếng Hán. Vì vậy chữ Hán là loại chữ tượng hình là cơ sở để hình thành và phát triển hệ thống chữ Hán. Và lục thư là hệ thống gồm 6 phương pháp cấu tạo chữ Hán bao gồm: Tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú và giả tá.

Dạy viết chữ Hán là một nội dung quan trọng trong việc dạy tiếng Trung Quốc. Việc nắm được hình thể chữ Hán sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng đọc và viết, nếu viết chữ Hán không đúng thì sẽ làm sai hẳn ý nghĩa ban đầu của từ hoặc làm cho từ không có nghĩa. Song hệ thống chữ Hán lớn, kết cấu phức tạp, hình dạng thay đổi phong phú lại là ảnh hưởng lớn đến người học gây ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Triệu Kim Minh cũng chỉ ra: “dạy học tốt chữ Hán là yếu tố quan trọng tạo nên hiệu quả dạy tiếng Trung Quốc, giảng viên phải nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy chữ Hán”. Tại Trung Quốc có các bài nghiên cứu về lỗi viết chữ Hán và phương pháp giảng dạy như: “Nghiên cứu lỗi sai chữ Hán của sinh viên nước ngoài” của Lưu Hiểu Lam, “Đặc điểm nét chữ Hán và lỗi về nét của sinh viên nước ngoài” của Quách Thánh Lâm, “Nguyên nhân gây lỗi chữ Hán của sinh viên nước ngoài” của Vu Hiểu Vi, “Nghiên cứu dạy học chữ Hán cho sinh viên nước ngoài” của Lưu Kiến Bình và Sở Kim Kim, “Phân tích lỗi về bộ thủ của sinh viên Việt Nam và cách dạy” của Lương Hiểu Lệ. Ở Việt Nam, các bài báo về lỗi sai và nguyên nhân gây lỗi sai hầu như chưa có. Bài báo này nghiên cứu về lỗi sai và nguyên nhân gây lỗi sai khi viết chữ Hán, đồng thời đưa ra phương pháp dạy chữ Hán hiệu quả, phù hợp với sinh viên Việt Nam. Chữ Hán do các nét tạo nên, chỉ cần thêm hay bớt một nét cũng tạo nên sự khác biệt lớn, dẫn tới lỗi sai. Nguyên nhân gây lỗi sai về việc viết chữ Hán do nhiều nguyên nhân như: viết sai toàn bộ chữ nhầm chữ, viết sai bộ thủ, thiếu nét, bớt bộ, biến hình của bộ, lỗi kết cấu, lỗi do chữ gần giống vv... Do vậy, có thể thấy, các nghiên cứu hữu quan tại Trung Quốc và Việt Nam đa phần đều đề cập đến việc sinh viên đại học phân tích lỗi viết chữ Hán sai hoặc nghiên cứu với đối tượng học chữ Hán là người nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản) tại một bối cảnh đặc thù. Thực tế giảng dạy môn tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Mở - Địa chất cho thấy, việc dạy kỹ năng Viết trong giai đoạn cơ sở còn gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian cho môn học này. Cả người dạy và người học đều có những điều trăn trở: Thời lượng môn học còn tương đối thấp; Môi trường tiếng chưa thực sự hoàn thiện; Chưa có giáo trình chuyên biệt; Phương pháp dạy và học còn một số vấn đề bất cập; Học viên, sinh viên còn có tâm lý lười viết, sợ sai, sợ mắc lỗi, chưa biết tận dụng thời gian học, trong giờ học chưa thật mạnh dạn phát biểu,

ngoài giờ học chưa biết tạo các tình huống đối thoại, tập nói; chưa có nhiều thời gian học từ và kiểm tra từ mới. Điều này sẽ được phân tích cụ thể trong các phần. Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi ý thức được sự cần thiết phải tìm ra một số giải pháp khắc phục những khó khăn về phương pháp giảng dạy chữ Hán. Trong phạm vi cụ thể, như đã chỉ ra ở phần trên, tới nay, cũng chưa có nghiên cứu tổng thể nào phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên học tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Vì thế, kết quả khoa học của bài báo - nghiên cứu và tìm ra giải pháp thích hợp, nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán cho sinh viên học tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung Quốc tại Trường, làm tăng hứng thú cho sinh viên với loại chữ tượng hình này và nâng cao hiệu quả của người học. Đồng thời, đây cũng là đóng góp mới của nhóm nghiên cứu đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài: **“Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất”** nhằm góp phần giúp người học nâng cao năng lực viết và ghi nhớ loại chữ tượng hình này.

11. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

Tìm ra phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp với nhu cầu và trình độ cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất nói riêng và sinh viên học tiếng Trung Quốc nói chung, giúp người học có thể dễ dàng viết và ghi nhớ chữ Hán.

12. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

12.1. Đối tượng nghiên cứu

Các phương pháp giảng dạy chữ Hán.

12.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các lớp cơ học phần tiếng Trung hiện được triển khai tại trường.

13. CÁCH TIẾP CẬN, ĐỀ SUẤT CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỔI MỚI

13.1. Cách tiếp cận

Đề tài tiếp cận từ vấn đề giảng dạy học phần tiếng Trung thuộc bộ môn Ngoại Ngữ, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

13.2. Phương pháp nghiên cứu đề tài

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp minh họa
- Phương pháp so sánh đối chiếu
- Phương pháp phân tích
- Phương pháp miêu tả
- Phương pháp triết tự
- Ứng dụng công nghệ thông tin

14. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**14.1. Nội dung nghiên cứu**

- Nội dung 1: Khảo sát, so sánh quy loại những lỗi sai học viên thường mắc phải khi viết chữ Hán; Thu thập tài liệu và tổng quan về phương pháp giảng dạy chữ Hán trong và ngoài nước;
- Nội dung 2: Phân tích, so sánh các phương pháp nghiên cứu, giảng dạy chữ Hán đã và đang được sử dụng trong và ngoài nước.
- Nội dung 3: Rút ra kết quả nghiên cứu để tìm ra phương pháp giảng dạy phù hợp cho đối tượng sinh viên Đại học Mò - Địa chất.
- Nội dung 4: Viết và đăng bài báo khoa học, tổng kết đề tài.

14.2. Tiến độ thực hiện

ST T	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện
1	Khảo sát những lỗi học thường mắc phải khi học tiếng Hán, thu thập tài liệu và tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy chữ Hán.	Báo cáo tổng quan các vấn đề liên quan đến đề tài.	1/2023 - 2/2023	Trần Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Vĩnh Hà Đỗ Hữu Hoàng Bách Nguyễn Thị Nguyệt Ánh
2	Phân tích, so sánh các phương pháp nghiên cứu, giảng dạy chữ Hán.	Báo cáo kết quả và tiến hành phân tích kết quả	3/2023- 5/2023	Trần Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Vĩnh Hà Đỗ Hữu Hoàng Bách Nguyễn Thị Nguyệt Ánh
3	Tìm ra phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp cho đối tượng sinh viên Đại học Mò - Địa chất.	Đóng góp chi tiết các phương pháp giảng dạy chữ Hán và cách khắc phục lỗi sai chữ Hán.	6/2023- 7/2023	Trần Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Vĩnh Hà Đỗ Hữu Hoàng Bách Nguyễn Thị Nguyệt Ánh
4	Viết, bài báo quốc tế và báo cáo tổng kết đề tài.	02 bài báo trên tạp chí Quốc tế và báo cáo tổng kết	8/2023- 12/2023	Trần Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Vĩnh Hà Đỗ Hữu Hoàng Bách Nguyễn Thị Nguyệt Ánh

15. SẢN PHẨM			
ST T	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm (mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)
I	Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học...)		
1	Bài báo trên tạp chí Quốc tế	02	Đáp ứng đủ yêu cầu của bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN
2	Bài báo Hội nghị/Hội thảo trong nước	01	Đáp ứng đủ yêu cầu của bài báo đăng trên báo
16. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG			
16.1. Phương thức chuyển giao: Kết quả nghiên cứu của đề tài được giao nộp trực tiếp cho cơ quan chủ trì đề tài.			
16.2. Địa chỉ ứng dụng:			
17. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU			
17.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
- Nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán cho sinh viên học tiếng Trung Quốc tại trường Đại học Mò-Địa chất.			
17.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan			
- Đề tài sau khi nghiệm thu sẽ góp phần củng cố phương pháp giảng dạy chữ Hán ở tất cả mọi khía cạnh và cung cấp cho người học phương pháp học chữ Hán một cách hợp lý hơn.			
17.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội			
- Kết quả của đề tài có giá trị tích cực trong việc thúc đẩy nâng cao hiệu quả học tiếng Trung Quốc cho đối tượng có nhu cầu học.			
17.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu			
- Nắm rõ được thực trạng giảng dạy chữ Hán của bộ môn tiếng Trung Quốc, từ đó đóng góp những giải pháp để cải thiện củng cố lòng ghép cách truyền đạt chữ Hán cho sinh viên, góp phần thúc đẩy công tác giảng dạy hiệu quả cũng như giúp cho sinh viên có hứng thú hơn với thủ chơi chữ tượng hình này.			
18. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TIẾP THEO CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU (nếu có)			
18.1. Kiến nghị phát triển thành đề tài cấp cao hơn (dự kiến tên đề tài, cấp quản lý, kinh phí dự kiến, thời gian đăng ký.)			
18.2. Khả năng thương mại hóa sản phẩm (loại hình sản phẩm, nhu cầu kinh phí thực hiện, thời gian dự kiến, loại hình đơn vụ sử dụng sản phẩm,)			
18.3. Khả năng đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ (tên phát minh/sáng chế/giải pháp, nhu cầu kinh phí thực hiện, đăng ký phát minh trong và ngoài nước,...)			

19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**Kinh phí thực hiện đề tài:**

Trong đó:

Từ nguồn thu của Nhà trường:

Các nguồn khác:

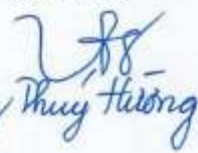
STT	Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (đ)	Nguồn kinh phí	
				Kinh phí của Nhà trường (đ)	Các nguồn khác (đ)
1	Chi tiền công lao động trực tiếp	1/2023 12/2023	16.688.000	16.688.000	
2	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu				
3	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản thiết bị nghiên cứu				
4	Chi hội thảo khoa học, công tác phí				
5	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu				
6	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn		312.000	312.000	
7	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở		2.000.000	2.000.000	
8	Chi quản lý chung		1.000.000	1.000.000	
9	Chi khác				
	Tổng cộng		20 000 000	20 000 000	

(Dự toán chi tiết các mục chi kèm theo và xác nhận của đơn vị chủ trì).

Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Đơn vị chủ trì

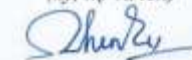
(ký, họ và tên)


Dương Thủy HươngNgày 06 tháng 01 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG 

Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)



Trần Thị Thu Hiền



GS.TS Trần Thanh Hải

DỰ TOÁN CHI TIẾT

- Tên đề tài: Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất
- A. Cơ sở dự toán:
 1. Quyết định số 1804/QĐ-MDC ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áo dụng đối với nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất
 2. Các căn cứ khác liên quan (nếu có):

I. Công lao động thực hiện đề tài

TT	Nội dung	Sản phẩm	Cán bộ thực hiện	Hệ số tiền công Hstcn	Số ngày thực hiện Snc	Thành tiền (đ)		
						S=1.490.000*Hstcn*Snc		
						Tổng	Trong đó	
							Nhà trường	Khác
1	Khảo sát những lỗi học thường mắc phải khi học tiếng Hán, thu thập tài liệu và tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy chữ Hán.	Bảo cáo tổng quan các vấn đề liên quan đến đề tài	Trần Thị Thu Hiền	0.42	4	2 503 200	2 503 200	
			Đỗ Hữu Hoàng Bách	0.16	3	715 200	715 200	
			Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0.16	2	476 800	476 800	
			Nguyễn Vĩnh Hà	0.16	2	476 800	476 800	
						4 172 000	4 172 000	
2	Phân tích, so sánh các phương pháp nghiên cứu, giảng dạy chữ Hán.	Bảo cáo kết quả và tiến hành phân tích kết quả	Trần Thị Thu Hiền	0.42	4	2 503 200	2 503 200	
			Đỗ Hữu Hoàng Bách	0.16	2	476 800	476 800	
			Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0.16	3	715 200	715 200	
			Nguyễn Vĩnh Hà	0.16	3	715 200	715 200	
						4 410 400	4 410 400	
3	ĐTìm ra phương pháp giảng dạy chữ Hán phù hợp cho đối tượng sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất.	Đóng góp chi tiết các phương pháp giảng dạy chữ Hán và cách khắc phục lỗi sai chữ Hán	Trần Thị Thu Hiền	0.42	4	2 503 200	2 503 200	
			Đỗ Hữu Hoàng Bách	0.16	2	476 800	476 800	
			Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0.16	2	476 800	476 800	
			Nguyễn Vĩnh Hà	0.16	2	476 800	476 800	
						3 933 600	3 933 600	
4	Viết, bài báo quốc tế và báo cáo tổng kết đề tài.	02 bài báo trên tạp chí Quốc tế và báo cáo tổng kết	Trần Thị Thu Hiền	0.42	4	2 503 200	2 503 200	
			Đỗ Hữu Hoàng Bách	0.16	2	476 800	476 800	
			Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0.16	3	715 200	715 200	
			Nguyễn Vĩnh Hà	0.16	2	476 800	476 800	
						4 172 000	4 172 000	

II. Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)		
					Tổng	Trong đó	
						Nhà trường	Khác
1					0		
2					0		

III. Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ nghiên cứu

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)		
					Tổng	Trong đó	
						Nhà trường	Khác
1					0		
2					0		

IV. Chi khác

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)		
					Tổng	Trong đó	
						Nhà trường	Khác
1	Văn phòng phẩm, in ấn, dịch tài liệu				312.000	312.000	
2	Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở				2.000.000	2.000.000	
3	Chi phí quản lý chung nhiệm vụ				1.000.000	1.000.000	
	Cộng				3.312.000	3.312.000	

Tổng: 20.000.000 đồng

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



GS.TS Trần Thanh Hải

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Thị Thu Hiền